ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ TRUNG LƯƠNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ TRUNG LƯƠNG
(1946 - 2010)

Xuất bản năm 2014

BAN CHỈ ĐẠO

1 - **Nguyễn Đình Cúc** - Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban
2 - **Nguyễn Đình Ký** - Phó Bí thư Thường trực Đảng - Phó trưởng ban
3 - **Nguyễn Văn Vịnh** - Phó Bí thư - Chủ tịch UBND - ủy viên
4 - **Nguyễn Quang Huy** - Ủy viên Thường Vụ - ủy viên
5 - **Dương Văn Lập** - Ủy viên Thường Vụ - ủy viên

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Nguyễn Đình Cúc
Bí thư Đảng bộ xã Trung Lương

SƯU TẦM TƯ LIỆU

1- **Lý Thị Sắn**
2- **Lê Nhâm**
3 - **Nông Văn Vui**

BIÊN SOẠN

1- **Lý Thị Sắn** - Chủ Biên
2- **Lê Nhâm**

ẢNH TƯ LIỆU

Ảnh tư liệu của Đảng ủy xã Trung Lương

Trình bày: Lê Nhâm - Mạnh Tú

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ TRUNG LƯƠNG

HUYỆN ĐỊNH HÓA TỈNH THÁI NGUYÊN

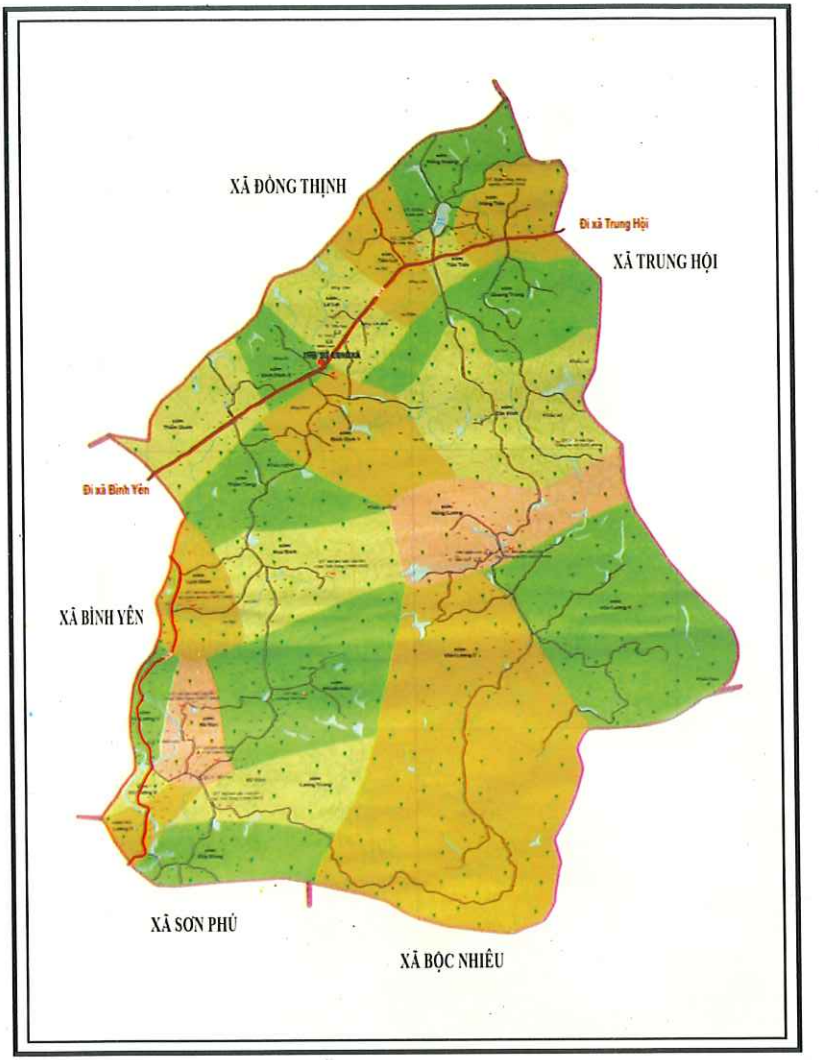

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ xã Trung Lương trải qua 54 năm (1946 - 2010) xây dựng trưởng thành, gắn liền với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ cứu nước và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới thiêng liêng của Tổ quốc. Đảng bộ xã Trung Lương với truyền thống yêu quê hương đất nước, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đoàn kết và nỗ lực phấn đấu vươn lên hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của địa phương. Xây dựng Đảng bộ ngày càng trưởng thành về mọi mặt đáp ứng ngày càng cao hơn yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước trong tình hình mới.

Thực hiện Chỉ thị 17/CT-TU ngày 31/12/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên và Chỉ thị 07/CT-HU ngày 19/7/2006 của Ban Thường vụ Huyện ủy Định Hóa về việc tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cấp xã, thị trấn. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa XXII ngày 29/5/2010, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Trung Lương quyết định tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn lịch sử Đảng bộ xã giai đoạn 1946 - 2010 ghi lại những

thành tựu to lớn mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đã phấn đấu đạt được trong 60 năm qua, làm tài liệu giáo dục truyền thống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, nhất là thế hệ thanh thiếu niên hôm nay và mai sau nhận thức sâu sắc giá trị to lớn về lịch sử truyền thống cách mạng của quê hương. Đồng thời tổng kết những bài học kinh nghiệm quý báu đối với Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong xã, nhằm phát huy truyền thống anh hùng cách mạng của các thế hệ đi trước, vượt qua khó khăn, thử thách để tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng quê hương đất nước theo con đường đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu biên soạn cuốn lịch sử, chúng tôi nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Định Hóa, cùng nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt xã qua các thời kỳ. Mặc dù tổ biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm nghiên cứu, nhưng gặp nhiều khó khăn về nguồn tư liệu... nên cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và đông đảo bạn đọc gần xa.

PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Chi bộ đầu tiên, Đảng bộ xã Trung Lương trân trọng giới thiệu cuốn lịch sử Đảng bộ xã giai đoạn 1946 - 2010. Cũng nhân dịp này, chúng tôi trân trọng cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, các đồng chí lãnh đạo xã qua các thời kỳ đã đóng góp ý kiến quý báu. Cảm ơn Phòng Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã tạo điều kiện thuận lợi để cuốn sách được hoàn thành.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

NGUYỄN ĐÌNH CÚC

Phần mở đầu

XÃ TRUNG LƯƠNG VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

Vùng đất Trung Lương ngày nay, theo sách "Làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX" của Viện Viễn Đông Bắc Cổ có tên là xã Trung Khảm thuộc tổng Định Biên Trung và một phần xã Lương Can thuộc tổng Định Biên Hạ châu Định Hóa. Quá trình đấu tranh chế ngự thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm, mở mang đất đai, xây dựng cuộc sống, địa giới hành chính và tên gọi có thay đổi theo sự biến động của từng thời kỳ lịch sử. Từ 1823 triều đình nhà Nguyễn do vua Minh Mạng trị vì xã Trung Khảm có 6 thôn trong đó có 9 bản.

- Thôn Trung Khảm có 2 bản là Trung Khảm và Nà Quảng.

- Thôn Nà Lài có 2 bản và 1 chợ : Nà Lài, Nà Riếc và Chợ Cũ (tức Chợ Chu ngày nay).[1]

- Thôn làng Khảm có 1 bản: Bản Ba.

---

[1] Chợ cũ thời ấy cũng là 1 đơn vị hành chính riêng.

- Thôn Bãi Hội có 1 bản: Bãi Hội.

- Thôn Bản Quán có 1 bản: Bản Quán.

- Thôn Na Hoàng có 1 bản: Na Hoàng.

Xã Lương Can có 3 thôn 9 bản trong đó có 5 bản thuộc xã Trung Lương ngày nay.

- Thôn Lương Can gồm 3 bản Lương Can, Khuẩn Hấu, Thẩm Mấn.

- Thôn Lương Trung có 1 bản là Lương Trung.

- Thôn Lương Hạ có 1 bản là bản Lương Hạ.

Sau cách mạng tháng Tám, năm 1945, dưới chính thể của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đầu năm 1946 theo chủ trương của cấp trên điều chỉnh địa giới hành chính của một số xã trong phủ Ngô Quyền (tức châu Định Hóa) xã Trung Khảm ghép với xã Định Man (khu vực Quán Vuông) và trở thành một thôn của xã mới đặt tên mới là xã Trung Hội. Xã Lương Can ghép với xã Bình Yên đặt tên là xã Yên Thông. Đầu năm 1949 để thuận tiện cho việc điều hành nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng ATK Thủ đô kháng chiến, theo chỉ đạo của cấp trên huyện Định Hóa tiếp tục điều chỉnh địa giới hành chính từ 22 xã thành 9 đại xã, theo đó 3 thôn (gồm 5 bản) của xã Lương Can được tách khỏi xã Yên Thông

nhập vào xã Trung Hội thành đại xã [2]. Cuối năm 1953 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta bước vào giai đoạn quyết liệt và đang tiến gần tới thắng lợi quyết định, Đảng và Nhà nước ta thực hiện giảm tô đánh đổ địa chủ cường hào mang lại ruộng đất cho nông dân. Để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới đầu năm 1954 hai thôn Trung Khảm và thôn Lương Can tách khỏi xã Trung Hội để lập thành xã mới và đặt tên là xã Trung Lương có 10 bản: Nạ Guồng, Bản Khắm, Bản Quán, Lương Trung, Khuẩn Hấu, Nặm Lịn, Tồng Khỏn, bản En, bản Lang và Thẩm Mấn.

Trong thập kỷ 60, 70 của thế kỷ XX, vận dụng đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng xã Trung Lương vận động nông dân khai phá mở rộng đất đai phát triển sản xuất theo con đường làm ăn tập thể nên tên và địa giới một số bản cũng thay đổi theo tên của hợp tác xã. Hiện nay, xã Trung Lương có 23 bản, đó là: Văn Lương 1, Văn Lương 2, Hồng Lương, Tân Vinh, Quang Trung, Hồng Tiến, Hồng Hoàng, Tân Tiến, Tiến Lợi, Lê Lợi, Bình Định 1, Bình Định 2, Thẩm Quản, Thẩm Tang, Hòa Bình, Lịch Đàm, Khuẩn Hấu, Nà Nạn, Lương Trung, Bảy Bung, Vũ Lương 1, Vũ Lương 2, Vũ Lương 3.

(2) 5 bản sáp vào đại xã Trung Hội là Lương Can, Khuẩn Hấu, Thẩm Mấn, Lương Trung, Lương Hạ

Xã Trung Lương có nhiều địa danh ghi dấu những kỷ niệm của một thời đáng nhớ; tại đình Đồng Ẻn nơi diễn ra cuộc mít tinh ngày 27/3/1945, quân cách mạng và Việt Minh tuyên bố xóa bỏ ách thống trị của thực dân phong kiến, các Chánh tổng, Lý trưởng nộp ấn tín đầu hàng vô điều kiện. Trong cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp, Trung Lương có nhiều đơn vị đến ở và làm việc đó là: cơ quan Bộ y tế đóng ở Cầu Đá, xưởng quân giới (A cát) ở Nạ Guồng, Hồng Hoàng, Ngân khố quốc gia ở Hang Thắm, Cục thông tin ở Khuân Giàng, nơi làm việc của đồng chí Văn Tiến Dũng ở Nà Nạn. Những di tích này được Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã trân trọng, giữ gìn, coi đó là trách nhiệm thiêng liêng và là niềm tự hào của quê hương.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Phâp xâm lược, ngày 24/6/2005, xã Trung Lương vinh dự được Đảng Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ tranh nhân dân thời kỳ chống Pháp (theo Quyết định số 636/2005/ QĐ- LTN).

Xã Trung Lương có diện tích tự nhiên 13,74km^2 bắc giáp xã Đồng Thịnh, nam giáp xã Bộc Nhiêu, tây giáp 2 xã Bình Yên, Sơn Phú và đông giáp xã Trung

Hội. Địa hình phong phú, đa dạng, giáp đường ranh giới phía đông là dải núi đá phần kéo dài của dãy núi đá Trung Hội và dừng lại ở khu vực Hồng Tiến. Phần còn lại là vùng đất nhô cao hình mui rùa xung quanh là những đồi núi nhiều tầng, nhiều lớp, các đồi gò cao, thấp đan xen, chỗ liên tiếp, chỗ đứt đoạn, nhưng đều trải dài theo hướng từ đông bắc xuống tây nam. Trong quần thể đồi núi nơi đây có dãy núi Khau Quảng cao vượt lên sừng sững giữa bạt ngàn màu xanh của rừng. Xen giữa những đồi, gò là những dải đất bằng dồn tụ phù sa từ những khe rạch chảy quanh sườn đồi phân bố đều trên địa bàn, tạo nên vùng đất phì nhiêu, mầu mỡ, được người dân từ nhiều thế hệ nối tiếp nhau cần cù khai phá thành những cánh đồng lúa, nhiều cánh đồng khá rộng như Hồng Quang, Đồng Ẻn rộng tới 55 ha. Hệ thống đồi núi thấp và dải đất bằng là thế mạnh của Trung Lương, thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp như chè, cây lấy gỗ và trồng những giống lúa đặc sản, thơm ngon, đảm bảo một cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp bền vững, trồng lúa, trồng chè, trồng rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, làm ra nhiều sản phẩm phong phú, đa dạng, tăng thu nhập cho các tầng lớp nhân dân, làm giàu cho quê hương. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 340,62 ha trong đó có 191,37 ha đất trồng lúa.

Trung Lương là vùng đất cao không có suối lớn chỉ có 2 con suối nhỏ phân bố ở hai phía tây – đông chảy về hai hướng rõ rệt. Vùng phía tây có suối Cầu Đá bắt nguồn từ Điềm Mặc qua Bình Yên đổ vào Trung Lương ở địa phận xóm Vũ Lương chảy theo hướng bắc – nam hợp lưu với 5 khe rạch nhỏ đều bắt nguồn từ các khe núi trong nội địa xã, đó là các suối Tát, Nà Tà, Cốc Rụt, Nà Cướm, Khảu Khé đến xóm Vũ Lương 3 thì rẽ sang Sơn Phú, qua Bình Thành chảy sang địa phận Đại Từ, là một trong những nhánh đầu nguồn của con Sông Công huyền thoại. Vùng phía đông có suối cạn bắt nguồn từ các khe núi Hồng Hoàng, Nà Cạn, Khảu Quảng chảy từ tây sang đông và đổ vào khu vực xóm Trung Kiên, xã Trung Hội, một nhánh khác bắt nguồn từ núi Khau Quảng chảy theo hướng bắc nam đến khu vực Nặm Lạnh thì chảy sang xã Bộc Nhiêu. Ngoài các dòng chảy, Trung Lương còn có các ao hồ phân bố đều khắp xã, độ ẩm cao là yếu tố thuận lợi, giữ cho khí hậu ôn hòa, cây cối quanh năm xanh tốt, môi trường sinh thái cân bằng, có nguồn nước dự trữ cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Rừng và đất rừng chiếm 60% diện tích toàn xã (hơn 815ha). Từ năm 1954 trở về trước nơi đây là những cánh rừng già, cây cối rậm rạp bao phủ với nhiều loại gỗ quý

như lim, sến, dổi, de... cây cọ cùng tre, nứa, giang, vầu và cây thuốc nam quý. Sống trong thảm thực vật phong phú này là muông thú như: hổ, gấu, khỉ, hươu, nai, lợn rừng cùng các loài chim. Những năm 1970 - 1999 do sức ép của việc tăng dân số, nhận thức của người dân có hạn, hơn nữa trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của cơ quan chức năng còn thiếu sót, rừng bị khai thác bừa bãi dẫn đến tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, các loài thú quý không còn nơi sinh sống đã di chuyển đi nơi khác. Từ năm 1991 đến nay với chính sách giao đất, giao rừng cho nhân dân quản lý và đầu tư của Nhà nước theo các dự án 327, 661, 147 để nhân dân trồng và bảo vệ rừng, nhiều vùng đất trống, đồi núi trọc đã phủ xanh trở lại bằng các giống cây mới, các chủng loại thảo mộc đang dần được khôi phục, độ che phủ rừng được nâng lên rõ rệt.

Về giao thông, dưới thời phong kiến dân cư còn thưa thớt nên giao thông không phát triển, đường từ bản này qua bản khác chỉ là đường mòn nhỏ, hẹp, khi thực dân pháp chiếm đóng Định Hóa, để vơ vét sản vật, hành quân lùng sục ngăn chặn ảnh hưởng của phong trào cách mạng và đấu tranh của nhân dân, chúng đã mở rộng con đường từ Chợ Chu đi Quảng Nạp, Chợ Chu đi Thành Cóc (Tuyên Quang) có 6 km qua địa phận phía bắc và phía đông của xã Trung Lương. Từ năm 1947 – 1954

Định Hóa trở thành an toàn khu (ATK) Thủ đô kháng chiến của cả nước, Trung Lương là một trong những xã có trọng trách án ngữ con đường vào ATK tuyệt mật của Trung ương, đồng thời cũng là địa bàn có nhiều cơ quan đơn vị đóng quân. Nhiều đường mòn được nhân dân và bộ đội mở ra nối liền từ Trung Lương đến các cơ quan Trung ương Đảng, quân đội ở các xã, đến trung tâm ATK Phú Đình, sang Tuyên Quang và các vùng khác của chiến khu kháng chiến. Từ năm 1965 các tuyến đường liên thôn, liên bản được mở rộng để các phương tiện thô sơ đi lại dễ dàng. Năm 1998 trở đi các tuyến đường từ ngã ba Quán Vuông đi Phú Đình, đi Bình Thành được Nhà nước đầu tư nâng cấp rải nhựa có 7 km qua địa phận xã Trung Lương. Đây là điều kiện thuận lợi để xã phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong cơ chế thị trường của thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Về dân cư, cũng như nhiều vùng quê khác của huyện Định Hóa, quá trình hình thành và phát triển cộng đồng dân cư nhiều dân tộc ở xã Trung Lương diễn ra lâu dài qua nhiều thế kỷ. Ban đầu làm chủ vùng đất này chỉ có người Tày sống quần cư thành từng bản nhỏ, thưa thớt theo mối quan hệ anh em dòng tộc, họ khai phá những giải đất bằng ven suối, đắp đập, be bờ thành

ruộng trồng lúa nước, phát những đồi thấp thành nương rẫy trồng ngô, sắn, khoai, rau, đậu..., chăn nuôi gia súc, gia cầm, người Tày ở nhà sàn với lối kiến trúc đơn sơ, vững chãi, thoáng rộng, quanh nhà là những vườn cây ăn quả như chanh, bưởi, đào, mận, mơ, quanh bản là đồi cọ, khóm tre, mai, hóp. Đây là nét đặc trưng, là hình ảnh quê hương của người Tày gắn bó với thiên nhiên, cố kết cộng đồng được truyền từ đời này sang đời khác. Một số dân tộc khác đến đây muộn hơn như người kinh đến Trung Lương với nhiều hoàn cảnh khác nhau. Một bộ phận từ Hà Nam, Nam Định, Hưng Yên đến đây từ đầu thế kỷ XX do thực dân phong kiến áp bức, bóc lột đến cùng cực ở dưới xuôi, họ phiêu bạt lên rừng núi Định Hóa Thái Nguyên, đến xã Trung Lương làm thuê làm mướn kiếm ăn, thấy nơi đây đất rộng người thưa, người dân bản xứ hiền lành, thương người họ ở lại và đem theo cả gia đình lên khai khẩn đất hoang sinh cơ lập nghiệp. Một bộ phận khác bao gồm một số hộ thuộc các huyện Vũ Thư, Hưng Hà, Đông Hưng, Tiền Hải (Thái Bình), theo tiếng gọi của Đảng lên xã Trung Lương khai hoang xây dựng quê hương mới. Quá trình dịch chuyển và phát triển dân số tự nhiên tính đến năm 2009 xã Trung Lương đã có 950 hộ, 3.950 khẩu, gồm 6 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó người Tày đông nhất chiếm 55%

dân số toàn xã. Cũng như các vùng quê khác của Định Hóa, ngoài nét đặc trưng của văn hóa nhà sàn, người tày còn có những hoạt động tín ngưỡng theo bản sắc riêng. Trong tâm linh của người dân nơi đây coi dãy núi Khau Quảng là vùng đất linh thiêng, nơi ngự trị của thần linh, nên đã lập đền thờ thần núi (Sơn thần) dưới chân núi lập đình Đồng Ẻn. Tháng giêng hàng năm lễ hội lồng tồng được tổ chức, người dân trong xã và các nơi khác kéo đến rất đông. Sau nghi lễ "xuống đồng" và cúng thần núi Khau Quảng cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống yên vui, là các trò chơi dân gian như tung còn, đấu vật, kéo co, đánh yến, hát ví, hát lượn suốt mấy ngày hội. Trong lịch sử hình thành và phát triển cộng đồng dân cư xã Trung Lương đã đoàn kết bên nhau, đấu tranh chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, bảo vệ cuộc sống, mỗi dân tộc có phong tục, tập quán, ngôn ngữ riêng. Từ khi có Đảng lãnh đạo những sắc thái văn hóa riêng đó đã có sự giao thoa, hòa nhập với nhau, những tiêu cực trong đời sống văn hóa dần được loại bỏ, những bản sắc tốt đẹp được phát huy, từ đó hình thành những điểm chung tiêu biểu trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của tất cả các dân tộc anh em sống trên vùng đất này. Người dân Trung Lương thật thà, nhân hậu, cần cù lao động,

yêu quê hương làng bản tha thiết. Những đức tính đó chẳng những được kết tinh từ di sản quý giá về văn hóa tinh thần mà còn là niềm tự hào của các thế hệ luôn tôn trọng, kế thừa và phát huy trong suốt chiều dài lịch sử.

Trải qua các thời kỳ đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, người dân Trung Lương đã cùng nhân dân toàn huyện đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm và cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc - Nguyễn thế kỷ XVI. Bị thất bại nhà Mạc đem quân lên cát cứ ở phía bắc. Một đạo quân của nhà Mạc kéo vào Định Hóa xây dựng căn cứ chống lại quân Trịnh. Nơi đây diễn ra nhiều trận giao tranh ác liệt làm cho cuộc sống của người dân vô cùng khổ cực. Căm thù các tập đoàn phong kiến nhân dân xã Trung lương đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của anh hùng áo vải Nguyễn Huệ (Quang Trung) góp phần tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc - Nguyễn và đánh tan cuộc xâm lược nhà Thanh (Trung Quốc) giành lại độc lập cho Tổ quốc. Đất nước vừa giành được độc lập, Nguyễn Ánh cầu cứu tư bản Pháp giúp sức quay lại cướp ngôi của triều đình Nguyễn Tây Sơn, khôi phục nền thống trị, Nguyễn Ánh xưng đế, niên hiệu Gia Long. Triều đình Gia Long một mặt nhượng bộ nhiều quyền lợi cho Pháp, mặt khác ra sức đàn áp bóc lột nhân dân, không cam

chịu cảnh nước mất, nhà tan, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, tiêu biểu ở vùng núi phía bắc có cuộc khởi nghĩa của thủ lĩnh người dân tộc Tày Nông Văn Vân, không ít thanh niên ở Định Hóa cũng như ở Trung Lương tham gia nghĩa quân, chiến đấu chống lại quan quân nhà Nguyễn, làm cho chúng lâm vào cảnh khốn đốn, mấy năm sau mới dập tắt được phong trào. Quan quân nhà Nguyễn thẳng tay đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân nhưng lại bất lực trong việc bảo vệ đất nước. Nhân dân xã Trung Lương đã cùng nhân dân toàn huyện tự mình đứng lên chống lại các thế lực xâm lược bảo vệ quê hương.

Chương I

NHÂN DÂN XÃ TRUNG LƯƠNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ PHONG KIẾN TAY SAI 1889 - 1945

I. Trung Lương dưới ách thống trị của thực dân phong kiến 1889 - 1930

Năm 1889 chiếm được Định Hoá, thực dân Pháp tiến hành củng cố hệ thống chính quyền tay sai, xây dựng đồn trại kiên cố ở Chợ Chu, Quảng Nạp, bố trí lực lượng lính khố đỏ, khố xanh, củng cố lực lượng lính dõng, tuần đinh, đồng thời thiết lập hệ thống trạm gác, điếm canh dầy đặc ở các tổng, xã. Chúng tiến hành tuyển chọn những chức sắc là người địa phương trung thành với Pháp, đưa vào bộ máy cai trị từ châu đến tổng, xã. Đặt "Đại lý cai trị" do một viên quan chức người Pháp đứng đầu, thâu tóm mọi quyền hành theo chế độ "uỷ trị". Ở Trung Khảm, Lương Can, thực dân Pháp giữ nguyên hệ thống tổ chức thôn bản, sắp xếp các chức dịch lý trưởng, Phó lý, Tiên chỉ, Thứ chỉ, Thủ bạ, Trưởng bạ, Phó bạ, Xã đoàn, Chương tuần. Dưới ách thống trị của thực dân phong kiến, nhân dân các dân tộc

Trung Khảm, Lương Can sống trong cảnh nô lệ lầm than, khổ cực trăm bề. Thuế khóa phu phen, tạp dịch thường xuyên đè nặng lên đôi vai của người dân. Hơn nữa thực dân Pháp giao cho Lường Tam Kỳ độc quyền thu thuế và buôn bán rượu cồn, thuốc phiện, Lường Tam Kỳ đã mở sòng bạc ở Chợ Chu, Quảng Nạp, lôi kéo người dân đến hút sách, đánh bạc, sát phạt lẫn nhau, nhiều người dân ở Trung Khảm, Lương Can đã kiệt quệ vì thua bạc, chìm đắm trong cảnh nghiện ngập phải bán ruộng, vườn để gán nợ. Năm 1924 Lường Tam Kỳ chết, thực dân Pháp đặt Định Hoá vào chế độ cai trị chung, tiến hành lập sổ địa bạ, ban bố các sắc thuế. Thuế khoá nặng nề là tai họa hàng năm của người dân. Trong các loại thuế, thuế đinh (gọi là sưu) là thứ thuế dã man nhất, đánh vào đầu người đàn ông từ 18 tuổi trở lên, chúng thu mỗi suất đinh là 2,8 đồng (ngang giá với một tạ thóc), đến đầu năm 1939 tăng lên 3,7 đồng. Đối với thuế điền thực dân Pháp chia đất thành 5 hạng, hạng nhất thu 2,5 đồng /mẫu, hạng 5 thu 0,2 đồng/mẫu. Để vơ vét nhiều của cải đưa về "chính quốc" các loại thuế mỗi năm một tăng từ 1924 đến năm 1944 chúng đã tăng thuế 5 lần. Mỗi vụ thu thuế bọn hương lý, kỳ hào trong xã đã thực thi nhiều thủ đoạn thâm độc để vơ vét lợi lộc cho mình. Sưu cao thuế nặng đã đẩy người dân xã Trung

Khảm, Lương Can vào cảnh đói nghèo quanh năm phải vay nợ lãi của bọn địa chủ giàu có, đến hạn không trả được phải gán ruộng, vườn cho chủ nợ.

Để dễ bề cai trị thực dân Pháp triệt để thi hành chính sách ngu dân, không mở mang trường học, dân nghèo hầu hết mù chữ. Những năm 1930 - 1945 xã Trung Khảm, Lương Can chỉ có 7 người được đi học tại trường tiểu học Chợ Chu đó là Nguyễn Văn Sạch, Nguyễn Đình Ngân, Hoàng Hoa, Nguyễn Đình Phúc, Nguyễn Đình Kiểm, Nguyễn Văn Nước, Dương Văn Bàn...do Pháp mở dạy cho con em các chức sắc và gia đình khá giả. Mãi đến năm 1941, xã mới mở một trường hương sư do dân đóng góp vật liệu để xây dựng trường, thu nạp học sinh của xã Trung Khảm, Lương Can đến học, trường có 30 học sinh chia làm 3 lớp (Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng). Ban đầu do thầy giáo Nguyễn Văn Hợi người ở Bãi Á đến dạy. Ở Trung Khảm, Lương Can cũng như nhiều xã khác trong Huyện, do trình độ hiểu biết của người dân còn thấp, bọn hào lý thường lợi dụng đình miếu, đặt ra những kỳ tế lễ trong năm, dựa vào uy thế của thần linh mê hoặc làm cho người dân sợ hãi đến mê muội, mặt khác bắt nhân dân cống nạp lễ vật, phục dịch trong những ngày lễ theo lệ làng để bọn chúng ăn chơi phè phỡn. Không có nhà thương, bệnh viện, người

dân ốm đau, bệnh tật chỉ trông chờ vào may rủi của số phận, gọi thầy cúng đuổi tà ma, nhiều người đã phải chết vì không hiểu biết, quá tin vào ma quỷ, thánh thần. Trong khi không mở mang trường học, thực dân Pháp lại bỏ ra nhiều tiền của bắt phu, bắt lính xây dựng nhà tù ở Chợ Chu, để giam cầm những người yêu nước. Với chính sách thâm độc và tàn bạo trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội, bọn thực dân xâm lược và bọn phong kiến tay sai đã đẩy nhân dân các dân tộc xã Trung Khảm, Lương Can vào con đường bần cùng hoá, cuộc sống vô cùng khổ cực. Căm thù bọn đế quốc, phong kiến tàn ác, với truyền thống yêu nước, yêu quê hương bản làng tha thiết là điều kiện thuận lợi để người dân xã Trung Khảm, Lương Can sớm tiếp thu tư tưởng cách mạng, khi có Đảng cộng sản lãnh đạo, họ một lòng đi theo Đảng và trở thành lực lượng to lớn, chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng.

II. Trung Lương trong cuộc vận động cách mạng 1930 - 1945

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trọng đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước mở ra một thời kỳ cách mạng mới. Ngay sau khi Đảng ra đời, phong trào cách mạng lan rộng khắp cả nước, tiêu biểu

là phong trào Xô viết - Nghệ Tĩnh. Hoảng sợ trước phong trào cách mạng ngày một dâng cao, thực dân Pháp mở các đợt khủng bố gắt gao, truy lùng các chiến sĩ cộng sản. Phong trào cách mạng ở miền xuôi bị tổn thất nặng nề. Trong hoàn cảnh đó, năm 1932, hai đảng viên cộng sản ở tỉnh Hà Nam thoát khỏi vòng vây giặc vượt lên núi rừng Định Hoá lánh nạn. Đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao) lúc mới đến sống ở xã Bộc Nhiêu, đồng chí Nguyễn Đình Chiêm (tức Phó Mùa) dấu mình ở Sơn Nam - Quán Vuông (tức xã Trung Hội ngày nay), với ý thức trách nhiệm của người đảng viên, sẵn có kinh nghiệm vận động cách mạng ở dưới xuôi, mặc dù mất liên lạc với lãnh đạo Đảng, hai đồng chí tìm cách nắm tình hình, tuyên truyền vận động quần chúng xây dựng phong trào cách mạng ở Sơn Nam. Năm 1937, hai đồng chí đã thành lập được Tổ công tác cách mạng ở Quán Vuông (tức xã Trung Hội) làm nòng cốt. Từ đó phát triển phong trào cách mạng ra các xã trong toàn châu (huyện). Tổ chức cách mạng do hai đồng chí đảng viên cộng sản gây dựng ở Định Hoá đã làm thất bại âm mưu ngăn chặn trào lưu cách mạng ảnh hưởng đến vùng rừng núi hiểm trở, có tầm chiến lược quan trọng này. Từ đây phong trào cách mạng ở Định Hoá từng bước phát triển mở rộng ra các xã trong toàn huyện. Những năm 1938 - 1939 đồng

chí Vũ Hưng cùng bà Vũ Thị Bạch (tức bà Đương) một quần chúng trung kiên trong tổ công tác cách mạng Quán Vuông đã đến khu vực Trung Khảm và Lương Can vào các làng, bản giả làm người đi mua thóc về làm "hàng xáo"[1] để nắm tình hình và thăm dò thái độ của các chức sắc địa phương đối với thực dân Pháp, đồng thời từng bước tuyên truyền cách mạng trong quần chúng nhân dân. Qua tìm hiểu gặp gỡ, tiếp xúc với quần chúng nhân dân và các chức sắc địa phương, các đồng chí nhận thấy dân chúng ở Trung Khảm và Lương Can trọng tình nghĩa, yêu nước, yêu quê hương, căm ghét bọn đế quốc thực dân. Đặc biệt một số chức sắc địa phương tỏ thái độ bất mãn với chính sách đàn áp, bóc lột nhân dân của thực dân Pháp. Từ đó đồng chí đã chỉ đạo cho các thành viên trong tổ công tác cách mạng Quán Vuông bí mật đến Trung Khảm, Lương Can truyên truyền, vận động quần chúng chuẩn bị mọi mặt tiến tới thành lập tổ công tác cách mạng ở đây. Ông Phan Văn Đổng (trong Tổ công tác cách mạng Định Biên Trung) đến Bản Khắm gặp em dể là Nguyễn Đình Đạo, bằng câu chuyện tâm tình ông Đổng đã nói rõ nguyên nhân làm cho dân ta nghèo khổ, lầm than là do thực dân Pháp cướp nước và bọn phong kiến tay sai bán nước. Muốn

[1] Là hình thức mua thóc về xay giã thành gạo đem ra chợ bán

thoát khỏi cách thống trị của chúng phải vận động nhân dân đoàn kết lại đứng lên chống Pháp, trước mắt chống sưu cao thuế nặng, chống đi phu, đi lính, tiến tới xây dựng lực lượng đánh đuổi quân xâm lược, giành lại đất nước. Qua nhiều lần gặp gỡ trao đổi ông Đồng đã cảm hóa được ông Đạo. Hai ông đã bàn bạc kế hoạch hoạt động, trước hết vận động anh em trong họ hàng và những người hàng xóm xung quanh cùng đứng lên để chống Pháp. Đến đầu năm 1940, ông Đạo đã tuyên truyền giác ngộ và tập hợp được 7 người cùng chí hướng, giữa năm 1940 tại nhà ông Nguyễn Đình Đạo dưới sự chỉ đạo của ông Phan Văn Đồng Tổ công tác cách mạng đầu tiên ở Trung Khảm được thành lập gồm các ông: ông Nguyễn Đình Đạo, Nguyễn Đình Lành, Nguyễn Đình Ngô, Nguyễn Đình Yên, Nguyễn Đình Mai, Nguyễn Đình Tại, Nguyễn Đình Lá, do ông Nguyễn Đình Đạo làm tổ trưởng. Để giữ bí mật mỗi hội viên đều có một bí danh[1]. Cùng thời gian này tại một hướng khác ông Hoàng Văn Miên và ông Lộc Văn Tư trong tổ công tác cách mạng Định Biên Trung đến gặp ông Nguyễn Đình Thắng ở bản Ba là anh rể của ông

[1] Ông Nguyễn Đình Sinh bí danh là Đạo, ông Nguyễn Đình Ngô (BD) là Rị, ông Nguyễn Đình Lành (BD) là Chính, Nguyễn Đình Mai (BD) là Nhân, ông Nguyễn Đình Yên (BD) là Tâm, ông Nguyễn Đình Tại (BD) là Bàng, ông Nguyễn Đình Lá (BD) là Cập

Miên để tuyên truyên cảm hóa, vận động ông Thắng cùng đứng lên làm cách mạng, bằng hành động chân tình của mình ông Miên và ông Tư đã cảm hóa, giác ngộ được ông Thắng, sau đó ông Thắng đã vận động người anh là Nguyễn Đình Phúc đang làm Chánh tổng để có điều kiện tuyên truyền, vận động anh em trong dòng họ cùng tham gia đứng lên đánh đuổi thực dân pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai. Trong một thời gian tích cực tuyên truyền vận động, cơ sở cách mạng ở bản Ba cũng được thành lập gồm các ông Nguyễn Đình Thơ, Nguyễn Đình Ngân, Ngô Văn Khóa và Ngô Văn Hồng do ông Nguyễn Đình Thắng làm tổ trưởng. Đến thời điểm này xã Trung Khảm có 2 tổ công tác cách mạng cùng hoạt động, song do hoạt động bí mật nên đến đầu năm 1941 hai tổ công tác này mới liên kết được với nhau. Để tiếp tục phát triển phong trào ông Nguyễn Đình Đạo đến Lương Can gặp và tuyên truyền giác ngộ ông Dương Văn Vinh (cậu của ông Đạo) cùng đứng lên làm cách mạng và từ đó ông Vinh tiếp tục tuyên truyền mở rộng phong trào cách mạng ở Lương Can. Cuối năm 1940, Tổ công tác cách mạng ở xã Lương Can được thành lập gồm các ông Nông Văn Khang, Nguyễn Văn Nam, Dương Văn Điền, do ông Dương Văn Vinh làm tổ trưởng. Sau một thời gian tích cực tuyên truyền, vận

động, số quần chúng được giác ngộ ngày một đông, sự ra đời của Tổ công tác cách mạng xã Trung Khảm, Lương Can góp phần làm tăng thêm lực lượng cách mạng của huyện. Từ đây xã Trung Khảm, Lương can có một tổ chức cách mạng làm nòng cốt lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh giành quyền sống và xây dựng lực lượng, phát triển phong trào cách mạng của xã. Ngay sau khi thành lập, được sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm, Tổ công tác cách mạng xã Trung khảm, Lương Can đã đề ra kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, đồng thời nhấn mạnh cần vận động, giác ngộ đội ngũ hương lý, kỳ hào có mâu thuẫn với thực dân Pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập hợp quần chúng. Theo kế hoạch đã đề ra, các thành viên trong tổ đã tỏa xuống các thôn, bản gặp gỡ tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân cùng đứng lên đấu tranh chống thực dân pháp xâm lược. Do xác định đúng đường hướng vận động nên đầu năm 1941, Tổ công tác cách mạng xã Trung Khảm, Lương Can từng bước phát triển rộng ra, không những vận động được đông đảo quần chúng tham gia mà còn cảm hóa, giác ngộ được những người có chức sắc trong xã như ông Nguyễn Đình Phúc, (tức ông chánh Thơ), ông Nguyễn Đình Tháng (lý trưởng) ông Nguyễn Đình

Hoàn...(lính dõng, xã đoàn) từ đó dựa vào lực lượng này tập hợp đưa quần chúng vào hoạt động trong các tổ chức thích hợp như Hội ái hữu, Hội tương tế trên danh nghĩa giúp nhau làm việc thiện; như làm nhà, cưới xin, ma chay...các tổ chức này phù hợp với phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc nên thu hút được nhiều người tham gia, thông qua các hội này từng bước đưa nội dung cách mạng tuyên truyền giác ngộ cho quần chúng. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Định Hóa đã khiến cho kẻ địch chú ý, mạng lưới mật thám, chỉ điểm đã phát hiện ra đồng chí Vũ Hưng người cộng sản hoạt động nổi tiếng ở Hà Nam mà chúng truy lùng nhiều năm không thấy, nay đang là người lãnh đạo chủ chốt của phong trào cách mạng ở huyện Định Hóa, một huyện có tầm chiến lược quan trọng. Ngày 25/5/1941, Chánh mật thám Bơrê-a huy động một lực lượng lớn mật thám, chỉ điểm, lính khố xanh, khố đỏ ở đồn Chợ Chu, lính dõng ở các tổng, xã trong toàn phủ, bao vây Quán Vuông truy bắt đồng chí Vũ Hưng. Nhờ quần chúng cách mạng ở các xã Định Biên Trung, Quán Vuông, Trung Khảm, Lương Can che dấu, dẫn đường, đồng chí đã thoát khỏi vòng vây giặc chạy sang Võ Nhai. Không bắt được người lãnh đạo phong trào, chánh mật thám Brê-a điên cuồng mở cuộc

khủng bố vây ráp kéo dài 10 ngày, nhiều người bị bắt về phủ thẩm vấn, tra hỏi. Ở Trung Khảm, Lương Can lính khố xanh ở đồn Chợ Chu cùng lính dõng và tuần đinh lùng sục vào khắp các thôn, bản tìm bắt cộng sản nhưng không phát hiện được gì, cuộc càn quét vào Trung Khảm, Lương Can thất bại, phong trào cách mạng của Trung Khảm, Lương Can được giữ vững. Được biết thực dân Pháp nới lỏng phong toả ở Định Hoá, đồng chí Vũ Hưng quyết định trở về địa phương nắm tình tình, ổn định tư tưởng ở cơ sở và củng cố phong trào, nhưng không may về đến La Bằng (Đại Từ) đồng chí bị địch bắt. Người lãnh đạo chủ chốt của phong trào bị bắt, quần chúng cách mạng có phần hoang mang, phong trào tạm thời lắng xuống.

Cuối năm 1941, khi Cứu quốc quân từ Võ Nhai sang Định Hóa mở rộng căn cứ hoạt động đã nhanh chóng bắt liên lạc được với cơ sở cách mạng ở Quán Vuông và cùng các đồng chí lãnh đạo cơ sở thống nhất nhiệm vụ và biện pháp cụ thể công tác vận động quần chúng, tổ chức xây dựng thêm nhiều cơ sở, nhất là những xã còn ít hoạt động, đồng thời phối hợp với cơ sở cách mạng địa phương, toả xuống các xã tuyên truyền, vận động nhân dân đứng lên chống sưu cao thuế nặng, chống bắt phu, bắt lính và tham gia vào tổ chức Việt

minh để chống Pháp. Đầu năm 1942, ông Lộc Văn Tư bí mật đưa các đồng chí Hoàng Thượng và Phương Cương đến gặp ông Nguyễn Đình Đạo và giao nhiệm vụ tìm cơ sở tin cậy, bảo vệ, nuôi dưỡng tạo điều kiện cho Cứu quốc quân hoạt động. Cơ sở cách mạng xã Trung Khảm, Lương Can đã bố trí nơi ăn, nghỉ làm việc cho các đồng chí tại gia đình ông Nguyễn Đình Phúc (chánh Thơ) khi bọn lính đến lùng sục gia đình ông đã dấu các đồng chí Hoàng Thượng, Phương Cương trong nhà "chứa thóc" của gia đình, bọn lính không phát hiện được, các đồng chí được bảo vệ an toàn. Từ đó gia đình ông trở thành trạm liên lạc của Cứu quốc quân và nhiều gia đình ở xã Trung khảm, Lương Can đã trở thành cơ sở nuôi dưỡng bảo vệ Cứu quốc quân hoạt động. Việc bắt liên lạc được với Cứu quốc quân phong trào cách mạng Định Hóa phát triển mạnh mẽ với quy mô ngày càng sâu rộng, một vấn đề bức thiết đặt ra cho phong trào cách mạng Định Hóa lúc này là; tăng cường đội ngũ cán bộ người địa phương cho các cơ sở xã trong toàn huyện. Để đáp ứng yêu cầu đó, chỉ huy Cứu quốc quân quyết định mở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị ngắn ngày đào tạo cán bộ cho cơ sở xã. Ở xã Trung Khảm, Lương Can có các ông Nguyễn Đình Đạo, ông Nguyễn Đình Tháng, Dương Văn Vinh... được cử đi dự lớp huấn luyện quân

sự đầu tiên của huyện Định Hóa. Sau khi huấn luyện trở về, các ông chuẩn bị mọi mặt để xây dựng lực lượng tự vệ, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích chương trình điều lệ Việt Minh, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các đoàn thể cứu quốc của mặt trận Việt Minh. Từ đó, chọn những thành viên nhiệt tình hăng hái cách mạng làm hạt nhân thành lập các hội cứu quốc, như phụ nữ cứu quốc, thanh niên cứu quốc, nông dân cứu quốc ở các xóm bản. Chỉ sau 3 tháng các hội cứu quốc ở bản Khắm, bản Ba, Đồng Ẻn, Nạ Guồng ... được thành lập và đến cuối năm 1943 đầu năm 1944 thì nhiều bản trong toàn xã đều có các đoàn thể cứu quốc. Phong trào cách mạng xã Trung Khảm, Lương Can ngày càng phát triển sâu rộng hoà vào phong trào cách mạng chung của Huyện. Năm 1943, phong trào cách mạng ở huyện Định Hoá phát triển khá rầm rộ, đội ngũ cán bộ ở các xã rất hăng hái công việc cách mạng, nhưng do thiếu kinh nghiệm hoạt động bí mật, dẫn đến mất cảnh giác, các tổ chức hầu như hoạt động công khai, bọn mật thám, chỉ điểm đã lợi dụng sơ hở này chui vào tổ chức của ta, báo cho địch biết danh sách những cán bộ chủ chốt ở các xã. Tháng 9/1943 Ra Gu chỉ huy đồn khố xanh Chợ Chu và mật thám Ma Ri Ki huy động lực lượng đồn trú ở Chợ Chu và lính dõng mở cuộc càn lớn vào các xã

chúng nghi có cộng sản hoạt động. Tại xã Trung Khảm, Lương Can chúng cho quân lùng sục vào các làng bản tập trung chánh tổng, lý trưởng tra hỏi nhưng chúng không khai thác, phát hiện được gì, phong trào cách mạng ở Trung Khảm, Lương Can được giữ vững, gây được lòng tin đối với quần chúng. Sau cuộc càn quét khủng bố ác liệt của kẻ thù phong trào cách mạng ở Định Hóa bị tổn thất nặng nề, tạm thời lắng xuống. Trước tình hình đó Ban lãnh đạo chiến khu đã cử đồng chí Lê Dục Tôn chỉ huy một đội Cứu quốc quân trở lại Định Hóa phối hợp với cán bộ địa phương khôi phục lại phong trào, Cứu quốc quân cử đồng chí Phương Cương về xã Trung Khảm, Lương Can gặp ông Nguyễn Đình Đạo, thống nhất triệu tập các thành viên trong tổ Việt Minh họp bàn đề ra nhiệm vụ cụ thể; tỏa xuống các thôn, bản ổn định tư tưởng nhân dân đồng thời tuyên truyền những chủ trương đấu tranh mới của Đảng đến từng thôn bản, giữ vững lòng tin của quần chúng nhân dân, các hội cứu quốc đã nhanh chóng hăng hái hoạt động trở lại. Bước sang năm 1944 phong trào cách mạng trong cả nước đã xuất hiện những dấu hiệu của cao trào, tình hình thế giới cũng có những chuyển biến hết sức quan trọng. Chiến thắng của Liên Xô, đặt quân đội của phát xít Đức trước nguy cơ bị tiêu diệt. Ở châu Á - Thái

Bình Dương, quân Nhật cũng đang mất dần vị trí chiến lược. Từ tình hình trên, ngày 7/5/1944 Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "sửa soạn khởi nghĩa". Nhận được chỉ thị này các đồng chí lãnh đạo địa phương cùng Cứu quốc quân nhanh chóng phổ biến sâu rộng trong quần chúng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cấp bách lúc này, do đó từ giữa năm 1944 trở đi phong trào sửa soạn khởi nghĩa ở Định Hóa rất sôi nổi. Đặc biệt là tháng 9/1944 đồng chí Vũ Hưng người cán bộ dạn dầy kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng đã thoát khỏi nhà tù đế quốc, trở về địa phương tiếp tục lãnh đạo phong trào. Để kết hợp sức mạnh đấu tranh chính trị của quần chúng với sức mạnh vũ trang cách mạng, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Vũ Hưng, tháng 10/1944 lãnh đạo phong trào huyện đã phát động quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại chiến dịch thu thóc, thầu dầu, vừng, lạc nộp cho phát xít Nhật, phục vụ chiến tranh. Tại Trung Khảm, Lương Can, hội viên cứu quốc các giới làm nòng cốt, vận động nhân dân không nộp thóc lúa, vừng, lạc, không trồng thầu dầu, đòi giảm tô thuế... Trước áp lực mạnh mẽ của quần chúng nhân dân, chánh tổng, lý trưởng và các chức dịch ở xã phải nhượng bộ. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi càng làm tăng thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của

Đảng. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, để tăng cường cán bộ cho phong trào cách mạng ở cơ sở, Xứ ủy chỉ thị cho Chi bộ nhà tù Chợ Chu phải tổ chức cho 12 đến 15 đảng viên vượt ngục ra ngoài bổ sung cán bộ lãnh đạo cho các địa phương. Để chuẩn bị cho cuộc vượt ngục thành công các đồng chí lãnh đạo phong trào huyện cử cán bộ về các xã yêu cầu tổ Việt Minh vận động nhân dân đóng góp tiền, gạo, thực phẩm để ủng hộ các chiến sĩ vượt ngục. Tại xã Trung Khảm, Lương Can các đoàn thể cứu quốc và nhân dân đã quyên góp được 120 bơ gạo, 2 đồng bạc và một số thuốc men nộp cho tổ Việt minh xã và bí mật chuyển lên Ban Việt Minh huyện, để ủng hộ anh em tù vượt ngục. Cuộc vượt ngục thành công có sự đóng góp một phần sức lực nhỏ bé của nhân dân các dân tộc xã Trung Khảm, Lương Can. Cuối năm 1944 phong trào cách mạng Định Hoá phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, các đoàn thể Cứu quốc hoạt động mạnh, các đội tự vệ Bãi Lềnh, Bãi Hội (Định Biên Trung), Sơn Nam (Quán Vuông)... được thành lập ngày đêm luyện tập quân sự, sắm sửa thêm vũ khí chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Tại xã Trung Khảm, Lương Can quần chúng tham gia Hội cứu quốc ngày càng đông, đội tự vệ của xã được thành lập do ông Triệu Văn Liên, ông Ma Văn Chùm phụ trách thường xuyên

luyện tập sẵn sàng cho cuộc nổi dậy, các hội cứu quốc dưới sự lãnh đạo của tổ Việt Minh xã đã vận động nhân dân đóng góp thóc lúa, các loại vũ khí tự tạo, một số lính dõng, trương tuần chán ghét thân phận làm tay sai cho giặc, đã mang vũ khí quay về tham gia đội tự vệ xã. Đội tự vệ chiến đấu được trang bị thêm vũ khí chuẩn bị tốt mọi mặt chờ thời cơ, nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến mau lẹ. Xuất hiện thời cơ thuận lợi để nhân dân ta đứng lên phá tan xiềng xích nô lệ, giành chính quyền về tay nhân dân. Chấp hành chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh một không khí sửa soạn khởi nghĩa sôi nổi rộng khắp các xã, các đội tự vệ khẩn trương luyện tập quân sự, các hội cứu quốc vận động nhân dân quyên góp lương thực, thực phẩm, vũ khí tự tạo chuẩn bị sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa. Cùng lúc đó, nhận được chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương Đảng, lãnh đạo phong trào huyện quyết định phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Đúng 3 giờ ngày 26/3/1945, lực lượng cách mạng nổ súng tấn công đồn Chợ Chu và dinh tri phủ, quân địch chống cự yếu ớt, rồi vứt súng bỏ chạy. Tại châu lỵ, quân cách mạng tràn vào chiếm phủ đường, thu sổ sách, Hà Sĩ Tinh cùng gia đình chạy chốn, bị nhân dân phát hiện phải ra đầu

thú. Nhân dân các xóm lân cận thuộc xã Trung Khảm kéo lên đồn Chợ Chu phối hợp cùng với Cứu quốc quân thu chiến lợi phẩm, kêu gọi tàn quân ra đầu hàng quân cách mạng.

Chiều tối ngày 27/3, nhân dân các xã phía nam cùng với nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can dưới sự chỉ đạo của ông Nguyễn Văn Sạch và ông Nguyễn Văn Ninh[1] tổ chức mít tinh tại đình Đồng Ẻn. trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng nhân dân ông Nguyễn Văn Sạch tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến tay sai. Tiếp đó ông Nguyễn Văn Ninh giải thích chủ trương chính sách của mặt trận Việt Minh và kêu gọi nhân dân đóng góp ủng hộ Việt Minh, chuẩn bị chống giặc Nhật, bảo vệ thành quả cách mạng vừa mới giành được.

Sáng ngày 28/3/1945, trong không khí ngày hội lớn, nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can do ông Nguyễn Văn Sạch và Nguyễn Đình Đạo, Dương Văn Vinh... dẫn đầu, giương cao cờ đỏ sao vàng kéo về đình

---

[1] Nguyễn Văn Sạch là giới tri thức học sinh trường tiểu học Chợ Chu được đồng chí Nguyễn Đình Chiêm và Vũ Hưng giác ngộ sau đó trở thành giáo viên về dạy tại xã Quảng Nạp (Bình Thành ngày nay) Ông được lãnh đạo phong trào huyện cử xuống các xã phía nam tuyên truyền vận động, gây dựng cơ sở cách mạng và phát triển phong trào.
- Nguyễn Văn Ninh Sách lịch sử Đảng bộ huyện xuất bản năm 2000 sđd.

Quán Đế Chợ Chu, tham gia cuộc mít tinh lịch sử. Tại đây lãnh đạo Việt Minh huyện tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai của thực dân phong kiến từ châu lỵ đến tổng, xã. Thành lập ban điều hành mới do Việt Minh đảm nhiệm. Tại cuộc mít tinh lịch sử này Hà Sĩ Tinh buộc phải tuyên bố đầu hàng cách mạng vô điêu kiện. Từ nay nhân dân Định Hóa nói chung và nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can nói riêng được tự do, chấm dứt cuộc đời nô lệ lầm than bao năm đè nặng lên cuộc sống của người dân nơi đây. Sau ngày Định Hóa được giải phóng một số chiến sĩ tự vệ Định Hóa đã gia nhập Cứu quốc quân trong đó xã Trung Khảm Lương Can có 16 người là Nguyễn Đình Lá, Nguyễn Đình Tại, Nguyễn Đình Thơ, Triệu Văn Liên, Hoàng Văn Vóc, Lý Văn Dần, Hứa Tiến Thành, Lường Văn Tiến, Nguyễn Văn Quyền, Nông Việt Hùng, Ma Văn Bình, Trần Kim Lăng, Hoàng Thế Kỳ, Dương Đình Dinh, Hoàng Văn Nhung, Hứa Văn Chí trong đó đồng chí Lường Văn Tiến đã tham gia đoàn quân nam tiến.

Tại Trung Khảm, Lương Can tổ Việt Minh do ông Nguyễn Đình Đạo phụ trách, điều hành mọi hoạt động của địa phương. củng cố đội tự vệ, bảo vệ an ninh trật tự nơi thôn, bản, đội tự vệ xã tăng thêm quân số, ngày đêm luyện tập quân sự, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách

mạng non trẻ vừa mới giành được. Được sự chỉ đạo của Việt Minh huyện, xã Trung Khảm và Lương Can triệu tập đại biểu nhân dân bầu ra Ban lãnh đạo Việt Minh lâm thời xã, ông Nguyễn Đình Tháng làm Chủ nhiệm Việt Minh ở Trung Khảm, ông Nông Văn Chức làm Chủ nhiệm Việt Minh ở Lương Can. Ông Nguyễn Đình Đạo thay mặt Việt Minh Trung Khảm, Lương Can kêu gọi nhân dân ủng hộ thóc gạo, thực phẩm để cung cấp cho các hoạt động của Việt Minh huyện. Đầu tháng 4/1945 đại biểu Việt minh các xã tập trung tại đình Quan Đế Chợ Chu họp hội nghị bầu ra ban lãnh đạo Việt Minh chính thức huyện do ông Hà Văn Cam làm Chủ nhiệm. Ngày 18/4/1945, đoàn đại biểu xã Trung Khảm, Lương Can gồm các ông Nguyễn Văn Sạch, Nguyễn Đình Đạo, Nguyễn Đình Tháng, Dương Văn Vinh cùng đại biểu các xã trong châu (phủ) dự Hội nghị thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tại Bản Lác (xã Kim Phượng ngày nay). Tại hội nghị lịch sử này các đại biểu đã nhất trí bầu ông Ma Đình Tương làm Chủ Tịch, Ma Văn Tiến Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Sạch được bầu làm ủy viên ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Theo nguyện vọng của các đại biểu, châu Định Hóa được đổi tên thành phủ Ngô Quyền[1].

[1] Cuối tháng 6/1945 phủ Ngô Quyền đổi tên thành phủ Vạn Thắng, đến năm 1948 QĐ của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên phủ Vạn Thắng đổi thành huyện Định Hóa.

Cuối tháng 4/1945, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Ban Việt Minh phủ, xã Trung Khảm, Lương Can tổ chức Hội nghị đại biểu nhân dân toàn xã bầu ra Ban Việt Minh chính thức, ông Nguyễn Đình Tháng làm Chủ nhiệm Việt Minh ở Trung Khảm, ông Nông Văn Chức làm chủ nhiệm Việt Minh ở lương Can. Tiếp đó, hội nghị bầu ông Nguyễn Đình Đạo làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ở Trung Khảm, ông Nông Văn Khang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ở Lương Can. Công tác tổ chức chính quyền và các đoàn thể đã được củng cố, đi vào hoạt động, xã Trung Khảm, Lương Can nhanh chóng bắt tay vào chuẩn bị chống giặc Nhật.

Lực lượng vũ trang được điều chỉnh phù hợp với tình hình mới, tổ chức thành Trung đội do ông Triệu Văn Liên làm trung đội trưởng ở Trung Khảm, ông Ma Văn Chùm làm Trung đội trưởng ở Lương Can. Xã đã cử 12 người đi dự lớp huấn luyện quân sự chính trị tại xã Thanh Định. Sau khi huấn luyện về, các đồng chí tổ chức huấn luyện cho dân quân, du kích xã về cách sử dụng vũ khí tự tạo, chiến thuật đánh du kích và chuẩn bị kế hoạch phòng thủ khi quân Nhật tấn công vào địa bàn. Song song với công việc huấn luyện và bố trí lực lượng quân sự, chính quyền xã còn tổ chức nhân dân thực hiện

"vườn không nhà trống" làm lán trong rừng sâu, cất dấu thóc, gạo, trâu, bò, lợn, gà, huy động lực lượng thanh niên dân quân phá cầu đường để ngăn bước tiến quân giặc. Con đường từ Quán Vuông đi Phú Minh (Đại Từ) đoạn qua xã Lương Can, Trung Khảm cứ vài trăm mét lại đào hố sâu, đắp các ụ đất, ngả cây ra đường, bố trí tự vệ canh gác ở các đoạn đường dẫn vào các bản. Hệ thống báo động từ xóm này, sang xóm khác và đến các xã lân cận được thiết lập, dùng mõ làm hiệu lệnh khi quân Nhật đột nhập vào địa bàn. Sau thời gian gấp rút chuẩn bị, nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can được sự chỉ đạo thống nhất của lãnh đạo phủ, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu với quân Nhật, khi chúng tấn công vào căn cứ cách mạng phủ Ngô Quyền.

Đúng như dự đoán của Đảng ta, ngày 26/5/1945, phát xít Nhật huy động 2.000 quân tinh nhuệ từ nhiều hướng tấn công vào Chợ Chu, chiếm lô cốt, căn cứ cũ của thực dân Pháp, với ý đồ làm bàn đạp đánh đòn quyết định vào Đèo De, càn sang Tuyên Quang, nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và phá tan căn cứ cách mạng của ta. Từ Chợ Chu, quân Nhật đã chia thành nhiều toán càn quét vào các xã Bảo Cường, Định Man, Trung Khảm, đi đến đâu chúng cũng bị du kích các xã phối hợp với lực lượng tự vệ tập trung của phủ chặn

đánh gây cho chúng nhiều thiệt hại. Một toán quân Nhật hành quân từ Quán Vuông, càn vào khu vực Nà Tà, Lịch Đàm chân dốc Yên Thông đốt phá nhà cửa, bắn chết một dân thường, tại đây chúng bị lực lượng tự vệ tập trung của phủ (châu) và du kích của xã chặn đánh, buộc chúng phải quay lại không thể tiến sâu vào căn cứ Núi Hồng. Một toán khác càn từ Quảng Nạp (Bình Thành ngày nay) lên đến giáp ranh khu vực Lương Trung, Lương Can bị du kích của xã chặn đánh, chúng tháo chạy đến khu vực Bảy Bung, bị du kích và tự vệ xã tiếp tục truy kích, không đạt được kết quả chúng đốt nhà dân và chạy về Chợ Chu cố thủ, nhưng quân Nhật cũng không được yên, vì liên tục bị bị du kích Chợ Chu và du kích các xã quấy rối, đặc biệt đêm 18, rạng ngày 19 tháng 7 năm 1945, quân giải phóng phối hợp với lực lượng du kích tập trung của phủ, được nhân dân Chợ Chu và các xã lân cận giúp đỡ đã tấn công, đốt doanh trại diệt và làm bị thương nhiều tên địch, gây cho chúng hoang mang cực độ. Gần 3 tháng chiếm đóng, càn quét ở Định Hóa, quân Nhật đi đến đâu cũng vấp phải sự kháng cự của nhân dân và lực lượng tự vệ, hơn nữa bị quân ta phong tỏa các đường tiếp tế lương thực, thuốc men, làm cho chúng lâm vào cảnh vô cùng khốn đốn, sinh lực bị tiêu hao, tiêu diệt.

Mục tiêu tấn công vùng giải phóng tiêu diệt lực lượng cách mạng bị phá sản. Không chịu được căng thẳng ngày 8/8/1945 đội quân nhà nghề của phát xít Nhật cam chịu thất bại, buộc phải rút khỏi phủ Vạn Thắng.

Những ngày tháng 8 sục sôi khí thế cách mạng, nhiều sự kiện trọng đại trên thế giới và trong nước liên tiếp diễn ra. Ngày 11/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng Minh vô điều kiện, đội quân chiếm đóng của Nhật ở Đông Dương hoang mang đến cực độ, chính quyền bù nhìn tay sai tan rã từng mảng, thời cơ "có một không hai" để nhân dân ta nổi dậy khởi nghĩa đã đến. Ở Trung Khảm, Lương Can dưới sự lãnh đạo của Ban Việt Minh xã, nhân dân vừa chiến đấu phục vụ chiến đấu, làm thất bại ý đồ xâm lược của phát xít Nhật giải phóng quê hương, vừa vận động nhân dân quyên góp được 300kg thóc, 4 con trâu, 2 con lợn và nhiều thực phẩm khác ủng hộ cho cách mạng, đồng thời cử người theo đoàn dân công của phủ vận chuyển lương thực, thực phẩm sang Tân Trào, phục vụ Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng và quốc dân Đại hội được kịp thời. Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 8 năm 1945, tại Tân Trào (Tuyên Quang) Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng chủ trương phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền. Tiếp đó là quốc dân Đại hội quyết định tán

thành chủ trương của Đảng, thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc do Hồ chí Minh làm Chủ tịch. Ngay sau đó lệnh tổng khởi nghĩa được truyền đi khắp nơi trong cả nước. Ngày 19/8/1945, tổng khởi nghĩa thắng lợi ở thủ đô Hà Nội và ngày 20/8/1945, thị xã Thái Nguyên được giải phóng. Cách mạng tháng 8 thành công trong cả nước. Vinh dự, tự hào ngày 2/9/1945, tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập, trịnh trọng tuyên bố với thế giới và quốc dân đồng bào, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Lịch sử Việt Nam chuyển sang trang mới.

HỘI THẢO LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ TRUNG LƯƠNG

Chương II

XÂY DỰNG CỦNG CỐ VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1945 - 1954

I. Củng cố và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân

Sau khi đuổi giặc Nhật khỏi phủ Vạn Thắng, dưới sự chỉ đạo của mặt trận Việt Minh và ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời phủ, ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Trung Khảm, Lương Can đã tổ chức nhân dân từ nơi sơ tán trở về sửa lại nhà cửa và tiến hành ngay trồng các loại cây lương thực ngắn ngày như ngô khoai, đậu, đỗ, rau quả, vận động các gia đình khá giả giúp đỡ các gia đình thiếu đói vay tạm thóc gạo để vượt qua những ngày giáp hạt, đồng thời huy động nhân dân sửa chữa mương, phai lấy nước cấy vụ chiêm nhằm giải quyết những khó khăn về đời sống của nhân dân trong thời gian trước mắt. Song song với nhiệm vụ ổn định đời sống, các đoàn thể Việt Minh và chính quyền xã còn chỉ đạo cán bộ và nhân dân đấu tranh với tổ chức phản động "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" do quân Tưởng Giới Thạch vào Thái Nguyên dựng lên, kích động, lừa gạt

người Hoa với chiêu bài "Hoa kiều" không phải tuân thủ sự điều hành của chính quyền địa phương như không đi dân công không tham gia đóng góp cho kháng chiến, đó là thủ đoạn thâm độc phá hoại thành quả cách mạng mà nhân dân phủ Vạn Thắng vừa giành được. Ở Trung Khảm, Lương Can đồng bào thuộc dân tộc Hoa không nhiều nhưng cuộc đấu tranh cũng diễn ra quyết liệt. Mặt trận Việt minh xã đã đến các bản có người Hoa sinh sống tuyên truyền để nhân dân các dân tộc hiểu; dưới chính thể của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mọi công dân bao gồm các dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, mang sức lực và trí tuệ cùng nhau bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được. Chỉ sau một thời gian cùng với chính quyền và nhân dân toàn phủ, nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can đã vô hiệu hóa những hoạt động chống phá của tổ chức "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội", củng cố khối đoàn kết của nhân dân các dân tộc trong xã, một lòng tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Chính phủ cụ Hồ mà trực tiếp là Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã. Cùng với bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, Mặt trận Việt Minh xã đã tổ chức cho nhân dân học tập sắc lệnh của Chính phủ về tổng tuyển cử tự do, bầu cử đại biểu quốc hội, lập ra cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Đây là nhiệm vụ quan trọng nên chính quyền và Mặt trận Việt Minh xã

cử cán bộ đến từng bản tuyên truyền giải thích kỹ những điều trong luật bầu cử đại biểu Quốc hội đến mọi tầng lớp nhân dân và công tác chuẩn bị được tiến hành chu đáo. Ngày 23/12/1945[1] trong không khí phấn khởi, tự hào nhân dân các dân tộc xã Trung Khảm, Lương Can nô nức đến địa điểm bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội. Phấn khởi hồ hởi nhất là những người nghèo khổ, phụ nữ, dưới chế độ thực dân phong kiến là những người bị khinh rẻ, nay được ngẩng cao đầu "bình đẳng, bình quyền" sánh vai cùng các tầng lớp trong xã hội, không phân biệt trai gái, dân tộc, đẳng cấp, giàu, nghèo đều được tham gia bầu cử bằng "phổ thông đầu phiếu", tự mình lựa chọn những người có tài, có đức bầu làm đại biểu cho quyền lợi của chính mình, từ đó càng củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với chế độ mới.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Trung Khảm, Lương Can tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ tích cực thực hiện phong trào chống "giặc đói", "giặc dốt" và chuẩn bị chống giặc ngoại xâm.

Về chống "giặc đói" ngoài việc tranh thủ cấy hết diện tích còn tích cực khai hoang phục hóa, trồng thêm ngô, khoai, sắn, đậu, giúp nhau vượt qua túng đói, mọi

[1] Lịch sử Quốc hội (Sđd)

người dân đều hưởng ứng lời kêu gọi của cụ Hồ lập "hũ gạo cứu đói", mỗi khi nấu cơm nhà nào cũng bớt ra một nắm gạo cho vào hũ, cuối tháng nộp cho Ban vận động xã, xã nộp cho Ban vận động phủ để cứu những người đói từ miền xuôi phiêu bạt lên do hậu quả của chính sách vơ vét đến cùng cực của quân xâm lược Pháp – Nhật. Ngoài ra nhân dân xã Trung Khảm, Lương Can cũng hưởng ứng "quỹ độc lập" "Tuần lễ vàng" nhằm góp phần cùng nhân dân cả nước làm giảm bớt khó khăn cho Chính phủ trong những ngày đầu mới giành được độc lập. Mặc dù người dân còn nghèo, nhiều nhà còn khó khăn, túng bấn nhưng khi được các đoàn thể Cứu quốc vận động đều được nhân dân hưởng ứng, một số gia đình khá giả hơn đã ủng hộ trâu, lợn, gà, vịt, thóc gạo kết quả: xã Trung Khảm, Lương Can đã ủng hộ 3 con trâu, 10 con lợn, 3 tấn thóc, 200 bơ gạo và nhiều gà, vịt. Đây là tấm lòng của người dân Trung Khảm, Lương Can đối với Nhà nước. Cùng với phong trào diệt "giặc đói" là phong trào diệt "giặc dốt" được nhân dân ủng hộ và tham gia rất sôi nổi. Để tổ chức tốt phong trào chính quyền xã đã cử ông Ma Văn Cứ làm trưởng ban "bình dân học vụ", ông Nông Văn Chức là thầy giáo. Dưới thời phong kiến đế quốc 98% dân số Trung Khảm, Lương Can không được đi học, nay theo chủ trương của trên, các lớp học bình dân học vụ mở ra ở tất cả các xóm

bản, thanh niên phụ nữ, người già, thiếu niên rủ nhau đi học rất đông, xã đã phát động tinh thần người biết chữ dạy người chưa biết chữ, các lớp học mở ra ở đình làng, nhà dân, đêm đến dưới ánh sáng của những ngọn đèn dầu, hoặc cây nến cuốn bằng nhựa trám mọi người hăng say học tập chữ quốc ngữ. Để khuyến khích mọi người học chữ, Ban bình dân học vụ xã đã dựng cổng để hỏi chữ ở Thẩm Tang, trên con đường qua bản ra chợ Quán Vuông vào những ngày chợ, ai đọc được chữ mới được qua cổng chính, người chưa biết chữ, ban bình dân học vụ có lời khuyên nên đi học và phải qua cổng bên cạnh thấp hơn gọi là "cổng mù". Kết quả sau 3 tháng học tập hàng trăm người biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, phong trào diệt giặc dốt mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, nhờ biết chữ người dân hiểu được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm được nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân của nước Việt Nam độc lập, nên tích cực hơn trong việc góp sức người, sức của cho công cuộc củng cố và bảo vệ đất nước. Bước sang năm 1946, thực dân Pháp càng lộ rõ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Đảng ta chủ trương phát động toàn dân, toàn quân chuẩn bị kháng chiến lâu dài, phủ Vạn Thắng là một trong những địa bàn được Trung ương Đảng Hồ Chủ tịch chọn làm An toàn khu (ATK) Thủ đô kháng chiến của cả nước. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý

và điều hành phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, đầu năm 1946, theo quyết định của cấp trên, xã Trung Khảm sáp nhập vào Định Man, thành xã Trung Hội, xã Lương Can sáp nhập vào xã Bình Yên thành xã Yên Thông, đồng thời tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính theo địa bàn xã mới. Sau cuộc họp Hội đồng nhân dân xã lần thứ nhất, xã Trung Khảm trở thành một thôn của xã Trung Hội có 4 bản: Nà Quảng, Làng Khắm, Bản Quán, Na Hoàng. Xã Lương Can trở thành một thôn của xã Yên Thông gồm 5 bản: Khuẩn Hấu, Thẩm Mấn, Lương Trung, Lương Hạ, Nà Nạn.

Thắng lợi của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, ủy ban hành chính xã một lần nữa khẳng định tinh thần yêu nước, yêu quê hương, đoàn kết một lòng của nhân dân xã Trung Hội vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền dân chủ nhân dân.

II. Thành lập tổ Đảng thôn Trung Khảm lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946 - 1954

Từ cuối năm 1939 đầu năm 1940 ở Trung Khảm đã có một tổ công tác cách mạng do các đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm thành lập và chỉ đạo. Phong trào cách mạng phát triển đã góp sức cùng nhân dân toàn huyện khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân

vào ngày 26/3/1945, đồng thời những quần chúng trung kiên trong tổ công tác cách mạng đã trở thành những cán bộ nòng cốt trong các đoàn thể và chính quyền dân chủ nhân dân xã. Ngày 15/5/1946, Chi bộ xã Trung Hội được thành lập và ra nghị quyết tăng cường vai trò lãnh đạo của Chi bộ đối với mọi hoạt động của địa phương, làm chỗ dựa tin cậy về chính trị cho hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân và các đoàn thể cứu quốc hoạt động có hiệu quả. Để hoàn thành trọng trách này Chi bộ xác định một trong những nhiệm vụ hàng đầu là tích cực phát triển đảng viên mới để tăng thêm lực lượng lãnh đạo, đặc biệt chú trọng những thôn, bản chưa có đảng viên. Chi bộ cũng nhấn mạnh cần tập trung trước tiên là thôn Trung Khảm một địa bàn rộng có nhiều quần chúng trung kiên được thử thách hoạt động trong thời kỳ bí mật trước cách mạng tháng Tám và trong xây dựng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, nhất là những cán bộ đang giữ các chức vụ trong các đoàn thể, mặt trận Việt minh, chính quyền xã, lực lượng dân quân tự vệ...Từ đó đề ra chỉ tiêu cụ thể đến hết năm 1946, thôn Trung Khảm phải kết nạp được ít nhất từ 3 đến 4 đảng viên để thành lập tổ đảng. Theo nghị quyết của Chi bộ, chi ủy đã phân công đảng viên về thôn Trung Khảm tuyên truyền gây ảnh hưởng Đảng, bồi dưỡng tạo nguồn phát triển Đảng. Đối với thôn Trung Khảm sẵn có đội ngũ quần

chúng là những cốt cán trong hệ thống chính quyền, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ do Đảng lãnh đạo. Từ thực tế đó Chi ủy đã tập trung những quần chúng tích cực trong thanh niên, phụ nữ, các tổ chức chính quyền, đoàn thể, bồi dưỡng những điều sơ đẳng về chủ nghĩa Mác - Lênin, về nguyên tắc Đảng cho những quần chúng có nguyện vọng vào Đảng và lựa chọn những quần chúng tiên tiến giới thiệu kết nạp vào Đảng. Tính đến Cuối tháng 12 năm 1946 các đồng chí Nguyễn Đình Đạo, Hoàng Văn Vân, Hoàng Văn Vóc, Lý Văn Dần và Đặng Văn Nghĩ được đứng trong hàng ngũ của Đảng, đến thời điểm này thôn Trung Khảm có 5 đảng viên, căn cứ vào điều lệ Đảng, chi ủy quyết định thành lập tổ đảng ở thôn Trung Khảm và chỉ định đồng chí Nguyễn Đình Đạo làm tổ trưởng Đảng. Tổ đảng thôn Trung Khảm được thành lập kịp thời lãnh đạo, tổ chức nhân dân chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đầu năm 1947, đội công tác đặc biệt của Trung ương cùng cán bộ trong Ban phòng thủ ATK của huyện đã về xã Trung Hội đến thôn Trung Khảm khảo sát tình hình và vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến, đồng thời xác định Trung Khảm (thuộc xã Trung Hội) là thôn nằm trên trục đường dẫn vào Trung tâm ATK tuyệt mật của Trung ương và là khu đệm cho phòng tuyến án ngữ vòng ngoài của Thủ đô kháng chiến cả nước. Để giữ

vững vai trò lãnh đạo của Đảng, Ban phòng thủ ATK Trung ương đã phối hợp với Huyện ủy Định Hóa củng cố, kiện toàn Chi bộ Trung Hội. Ngay sau khi được kiện toàn chi bộ đã lãnh đạo nhân dân chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, tổ Đảng thôn Trung Khảm đã chỉ đạo các đoàn thể vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, đảm bảo đời sống, chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng đóng góp lương thực, thực phẩm, nhân lực đón các cơ quan trong những ngày đầu mới đến tập kết trên địa bàn xã. Đầu năm 1947, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, quân đội, các nhà máy quốc phòng rời Hà Nội và các tỉnh đồng bằng lần lượt chuyển lên ATK Định Hóa. Do có sự chuẩn bị trước nên chính quyền các đoàn thể thôn Trung Khảm xã Trung Hội và thôn Lương Can xã Yên Thông đã huy động dân công cùng với đội dân công của huyện chuyển hàng chục tấn máy móc của nhà máy quân giới A4 (A cát) đến khu vực Thẩm Noỏng bản Nạ Guồng, đồng thời đóng góp hàng vạn tàu lá cọ, hàng nghìn cây tre, mai, nứa, dựng lán trại cho các đơn vị Bộ Quốc phòng ở Đồng Khỏn. Chỉ trong thời gian ngắn, các đơn vị đã đến vị trí ở Trung Khảm cũng như ATK an toàn bí mật. Dưới tán cây rừng đại ngàn của thôn Trung Khảm xã Trung Hội cũng như toàn huyện Định Hóa đã che chở, bảo vệ an toàn mọi hoạt động của các cơ quan đầu não kháng chiến. Đây là trách nhiệm cũng là vinh dự lớn

của nhân dân các dân tộc huyện Định Hóa trong đó có nhân dân thôn Trung Khảm được Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch tin cậy giao phó. Lực lượng dân quân du kích được tăng cường, trung đội cơ động thôn được tổ chức thêm 3 tiểu đội: Tiểu đội hậu cần, tiểu đội tải thương, tiểu đội "phá hoại" tất cả đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Xã đội bộ, thế trận phòng thủ được xây dựng liên hoàn từ ngã ba Quán Vuông đến Yên Thông, thôn Trung Khảm nằm trong phòng tuyến thứ hai, luôn có 2 tiểu đội cơ động làm nhiệm vụ trực chiến, đắp ụ dựng trận địa án ngữ con đường từ Quán Vuông xuống Yên Thông. Lực lượng du kích ở các bản làm nhiệm vụ vừa trực tiếp sản xuất, vừa tuần tra canh gác, ngày đêm bảo vệ an ninh trên địa bàn. Sau khi ổn định tổ chức, lực lượng dân quân du kích tích cực luyện tập theo phương án đã định, về kỹ thuật được học cách gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông ngăn bước tiến quân giặc.

Thực hiện kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh", Thu Đông năm 1947 thực dân Pháp huy động 12.000 quân tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc, nhằm "truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan mọi tiềm lực kháng chiến của Việt Minh"[1]. Chấp hành chỉ thị "phá những cuộc tấn công lớn của địch" của Thường vụ Trung ương Đảng. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy

[1] Hồi ký Sa Lăng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Thái Nguyên, Huyện ủy Định Hóa chỉ đạo Huyện đội bộ tuyển chọn cán bộ dân quân ở các xã đã được huấn luyện quân sự thành lập một đại đội dân quân tập trung và điều đồng chí Nguyễn Đình Mão[2] cán bộ dân quân thôn Trung Khảm (xã Trung Hội) giữ chức đại đội trưởng, đồng thời ra lệnh cho lực lượng dân quân du kích các xã, rà soát lại phương án tác chiến, sẵn sàng phối hợp với quân chủ lực đánh địch khi chiến sự lan tới địa phương. Công tác phá hoại: để "tiêu thổ kháng chiến" được tiến hành khẩn trương, lực lượng thanh niên và dân quân toàn xã được huy động phá sập cầu cống trên đường 38 từ km 31 đến Chợ Chu, tại xã Trung Hội các đường lớn, nhỏ cứ vài trăm mét lại đào hố sâu cắt ngang, đắp ụ đất, chặt cây to đổ rạp xuống đường trên trục đường chính qua thôn Trung Khảm dẫn vào các xã trung tâm ATK để ngăn bước tiến quân giặc. Các Hội cứu quốc ở các bản giúp dân nhanh chóng thu hoạch lúa cất dấu vào lán ở trong rừng sâu, người già, trẻ em sơ tán trước vào lán ở khu vực Thẩm Trùng, triệt để làm "vườn không nhà trống", các cánh đồng rộng như Đồng Ẻn, Nà Quảng và các bãi rộng, chông nứa dựng đứng đâm thẳng lên trời chống quân nhảy dù, các phương án đánh địch được gấp rút triển khai, các vị trí then chốt như ngã ba Quán Vuông, Trung Khảm - Yên Thông,

[2] Lịch sử Quân sự huyện Định Hóa (Sđd).

Cầu Đá (địa giới giáp ranh Sơn Đầu) luôn có các tiểu đội dân quân trực chiến, chốt giữ, vừa củng cố vị trí chiến đấu, vừa kiểm soát người lạ mặt không cho vào khu vực "cấm" trong thôn. Về phía quân chủ lực các trung đoàn 87, tiểu đoàn 13, 103 trực thuộc bộ, đại đội Độc Lập thuộc Trung đoàn 121, trung đoàn Thủ Đô, Trung đoàn 240 được Bộ Tổng tham mưu điều về tập kết tại các khu rừng tây nam huyện sẵn sàng chờ lệnh. Trong 2 ngày 7 và 8 tháng 10 năm 1947 thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn mở đầu cuộc hành binh mang mật danh Lê A, đặt Định Hóa trong tình trạng bị bao vây từ nhiều phía. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ tổng tham mưu, quân và dân các tỉnh phía bắc, chủ động đánh địch ở khắp nơi, làm cho cuộc hành binh mang mật danh Lê A không thực hiện được ý đồ đã định. Mặc dù vậy, cuối tháng 10/1947, thực dân Pháp vẫn tiếp tục mở cuộc hành quân mới mang mật danh Xanh Tuya. Một trong những mục tiêu của cuộc tấn công này là đánh vào trung tâm ATK Định Hóa "tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá tan căn cứ địa"[1]. Đêm 24 rạng ngày 25 tháng 11 năm 1947 từ hai hướng quân Pháp tấn công vào Định Hóa, nơi chúng hội quân là Chợ Chu. Hướng thứ nhất từ Chợ Mới đánh lên Kiền Dương vấp phải ổ phục kích của ta chúng phải co

[1] Hồi ký của Sa Lăng - Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

lại và dạt lên phía bắc rồi trở về điểm xuất phát. Hướng thứ hai từ Chợ Mới theo đường số 3 kéo xuống vượt qua km 31 vào Phố Ngữ, hành quân lên chiếm Quán Vuông, đến đây chúng chia thành 2 bộ phận; một bộ phận kéo quân lên Chợ Chu, một bộ phận càn vào các mục tiêu quan trọng ở xã Trung Hội, bị du kích xã chặn đánh quyết liệt, ngày 26/11/1947 quân Pháp lọt vào trận địa phục kích của tiểu đội du kích Trung Khảm ở Nạ Guồng, bị thương vong một số phải quay lại Quán Vuông, một toán khác càn vào khu vực nhà máy quốc phòng A4, bị tự vệ nhà máy phối hợp với du kích thôn Trung Khảm - Trung Hội đánh bật ra. Từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 11 năm 1947 tại các mục tiêu nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ (Phượng Tiến), Kim Sơn, An Lạc quân Pháp đi đến đâu cũng bị đánh liên tiếp, không giành được thế chủ động, tức tối ngày 28/11/1947, từ Chợ Chu, Quán Vuông quân Pháp dốc toàn bộ lực lượng có pháo binh yểm trợ mở hai hướng tấn công tạo thành hai "gọng kìm" càn quét từ đông bắc xuống tây nam huyện nhằm đánh đòn quyết định vào cơ quan đầu não của ta. Nắm được mưu đồ của kẻ địch, Bộ tổng tham mưu đã lệnh cho các lực lượng chủ lực hiệp đồng với lực lượng du kích của huyện và du kích các xã sẵn sàng đánh địch ở khắp nơi. Tốp thứ nhất quân Pháp từ Chợ Chu theo hướng Phúc Sinh qua Bình Trung (Đồng Thịnh - Định Biên ngày nay) xuống Yên Thông, đi đến

đâu cũng bị du kích các xã chặn đánh làm cho chúng hoang mang đến cực độ. Tốp thứ hai từ Chợ Chu qua Bảo Cường phối hợp với bộ phận ở Quán Vuông càn vào Trung Khảm ý định sẽ hội quân ở Yên Thông. Tại đây đã diễn ra hai trận đánh ác liệt của quân và dân Lương Can. Tại Cầu Đá bị du kích ta phối hợp với một đơn vị thuộc trung đoàn 87 bao vây chia cắt đội hình địch, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải dạt ra, thay đổi hướng tiến quân đến bản Tồng Khỏn đốt cháy 4 nhà dân, bắn chết trâu bò ở ngoài đồng. Cùng ngày trên đường từ Quán Vuông đến Yên Thông qua đoạn Đồng Ẻn (Lương Can) quân giặc lọt vào trận địa phục kích của du kích Lương Can và lực lượng dân quân tập trung của huyện, ta nổ súng tấn công địch làm cho đội hình của chúng rối loạn, phải quay lại, bị đánh liên tiếp ở Lương Can và khắp nơi ở các xã, ý định hội quân ở Yên Thông của chúng không thực hiện được. Cánh quân qua Yên Thông đành liều mạng càn qua Sơn Đầu xuống Bình Thành. Từ đây quân pháp liều lĩnh đánh vào Lục Rã (Phú Đình). Với quyết tâm bảo vệ nơi ở và làm việc của Hồ Chủ tịch và các cơ quan đầu não kháng chiến, bộ đội chủ lực và lực lượng dân quân tập trung của huyện cùng du kích các xã dũng cảm chiến đấu bẻ gẫy cuộc tấn công quy mô lớn của quân Pháp, ta tiêu diệt nhiều tên địch. Cuộc càn then chốt của giặc Pháp vào trung tâm ATK bị thất bại thảm

hại. Không đạt được ý đồ chiến lược, lại lâm vào tình trạng bị động hoang mang cực độ. Ngày 6/12/1947, những tên Pháp cuối cùng đã rút khỏi vùng đất Định Hóa. Từ đó đến hết cuộc kháng chiến trường kỳ, bộ binh Pháp không dám bén mảng đánh lên Định Hóa lần nữa. Trong chiến dịch Thu Đông năm 1947, tổ đảng thôn Trung Khảm dưới sự chỉ đạo thống nhất của Chi bộ xã Trung Hội đã lãnh đạo nhân dân góp phần cùng nhân dân toàn huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử: bảo bệ an toàn Thủ Đô kháng chiến của cả nước.

Sau chiến thắng Thu Đông 1947, huyện Định Hóa là "vùng giải phóng" nhân dân các xã trong huyện bắt tay vào xây dựng cuộc sống dân chủ tự do theo đường lối "kháng chiến kiến quốc" của Đảng và Chính phủ. Từ năm 1948 thôn Trung Khảm xã Trung Hội có thêm một số đơn vị, cơ quan đến ở và làm việc đó là những cơ quan Ngân khố quốc gia đã chọn Hang Thắm (Nạ Guồng) làm kho cất dấu vàng, bạc, tiền của quốc gia (Ngân hàng Nhà nước ngày nay), Xưởng máy thông tin Bộ Quốc phòng (mật danh là nhà máy 82) đứng chân tại Khuân Giàng. Ngoài ra còn hàng chục cán bộ mang cả gia đình từ miền xuôi lên công tác hoạt động làm cho cuộc sống nơi đây đông vui nhộn nhịp. Dưới tán cây rừng các đơn vị hành quân qua dừng chân ở các bản được các mẹ các chị trong Hội mẹ chiến sĩ, Hội

phụ nữ chia nhau đón anh em, nấu cơm cho bộ đội ăn, nhường nhà cho bộ đội nghỉ. Để giảm bớt khó khăn cho Chính phủ, phong trào nhận bộ đội về nhà làm con nuôi, em nuôi rộng khắp trong thôn, hầu hết gia đình nào cũng nhận nuôi một, hai chiến sĩ. Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch các cơ quan đơn vị đóng quân trên địa bàn xã đã cử người đến giúp địa phương xây dựng hậu phương vững mạnh làm nòng cốt xây dựng và bảo vệ lực lượng kháng chiến.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và giúp đỡ của ban chỉ đạo ATK Trung ương, Huyện ủy Định Hóa đã triển khai kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ cần kíp chuyển trọng tâm vào củng cố xây dựng các chi bộ đảng, chính quyền và các đoàn thể cấp xã. Tháng 1 năm 1948, Đại hội lần thứ II chi bộ xã Trung Hội được tổ chức trong không khí phấn khởi tự hào vừa trải qua cuộc chiến đấu quyết liệt với quân Pháp xâm lược và giành thắng lợi vẻ vang. Tại Đại hội chi bộ đã nhận định trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Pháp Thu đông năm 1947, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, chi bộ đã thực hiện tốt 2 nhiệm vụ vừa lãnh đạo nhân dân trực tiếp chiến đấu kiên cường bảo vệ địa bàn, phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực chiến đấu làm thất bại cuộc tấn công của giặc pháp, bảo vệ an toàn các cơ quan Đảng

Nhà nước, quân đội, vừa tích cực củng cố phát triển Đảng, tăng cường lực lượng Đảng, hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao. Đảng viên của chi bộ bám đất, bám dân luôn đi đầu trong cuộc chiến đấu chống giặc và trong lao động sản xuất phát triển kinh tế, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, phẩm chất cao quý của người đảng viên. Đại hội ra nghị quyết triển khai cuộc vận động của Huyện ủy, xây dựng chi bộ gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tiếp tục củng cố chi bộ, giữ vững vai trò lãnh đạo, luôn chăm lo xây dựng chính quyền và đoàn thể vững mạnh. Thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Đảng và Chính phủ, xây dựng cuộc sống mới dân chủ, tự do, bình đẳng, xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ thực dân phong kiến. Đại hội tiến hành bàu Ban chấp hành mới do đồng chí Trần Trung Lương làm Bí thư, đồng chí Vương Văn Sen làm phó Bí thư. Sau Đại hội chi bộ lãnh đạo bắt tay ngay vào kiện toàn bộ máy chính quyền theo sắc lệnh số 91/SL sắc lệnh của Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký nhập Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến hành chính do ông Ma Lộc Được làm Chủ tịch và 2 phó Chủ tịch, trong đó có ông Đặng Văn Nghĩ (thôn Trung Khảm) và 3 ủy viên. Theo đó các đoàn thể cũng được củng cố đến các thôn bản. Năm 1949 đồng chí Trần Trung Lương được điều vào quân đội, đồng chí

Vương Văn Sen giữ chức vụ Bí thư chi bộ. Để thuận tiện cho việc điều hành nhiệm vụ chung của huyện, cấp trên quyết định tách thôn Lương Can thuộc xã Yên Thông ghép vào xã Trung Hội thành đại xã, đến thời điểm này xã Trung Hội chia thành 3 thôn là Quán Vuông, Trung Khảm, Lương Can. Khi mở rộng địa bàn xã kéo theo sự thay đổi về tổ chức, Chi bộ Trung Hội tăng thêm một tổ Đảng ở Lương Can với 14 đảng viên từ chi bộ Yên Thông chuyển sang do đồng chí Dương Văn Vinh làm tổ trưởng Đảng, Huyện ủy đã chỉ định đồng chí Vinh làm chi ủy viên chi bộ Trung Hội, theo đó Ủy ban kháng chiến hành chính xã cũng được bổ sung thêm đồng chí Nông Văn Khang, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Đại xã Trung Hội có một vị trí chiến lược quan trọng là phòng tuyến vòng ngoài bảo vệ các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, nên được canh giữ rất nghiêm ngặt, các quy định được phổ biến đến từng người dân. Trên trục đường từ ngã ba Quán Vuông đến khu vực Cầu Đá tổ chức thành 6 vọng gác đặt tại các địa điểm Cỏ Xá, Tồng Khỏn, ngã ba Đá Bay, Đỏn Bứa (đường qua Bình Trung - Đồng Thịnh), Cây Sấu, Bo Táng (ngã ba Yên Thông đi Sơn Đầu) mỗi trạm gác đều có du kích và bộ đội cùng canh gác, có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, theo dõi, phát hiện người lạ mặt, phòng ngừa bọn việt gian, chỉ điểm luồn lách

vào chống phá cách mạng. Đi đôi với nhiệm vụ bảo vệ an toàn các cơ quan đóng trên địa bàn huyện, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ tổ Đảng Trung Khảm và Lương Can lãnh đạo nhân dân trong thôn tích cực chăm lo phát triển lực lượng kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực quân sự, chính trị, văn hóa, xã hội.

Về quân sự, dưới sự lãnh đạo của chi bộ lực lượng dân quân được biên chế tinh gọn phù hợp với sự phát triển của tình hình, theo chủ trương của Đảng "bộ đội địa phương và dân quân du kích làm chủ địa phương", hai thôn Trung Khảm và Lương Can thành lập một trung đội cơ động gồm 40 chiến sĩ do đồng chí Hoàng Văn Vân làm trung đội trưởng, trung đội này được trang bị vũ khí gồm 4 súng trường (Mút kton), 40 lựu đạn và một số vũ khí tự tạo. Đây là trung đội nòng cốt có thể cơ động ứng cứu trên toàn địa bàn xã, chiến sĩ của trung đội này khi cần có thể bổ sung cho lực lượng bộ đội địa phương huyện, hoặc bổ sung cho quân chủ lực. Lực lượng tại chỗ được tổ chức mỗi bản một tiểu đội, lực lượng này vừa trực tiếp sản xuất vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, giữ gìn bí mật bảo vệ đơn vị đóng quân trên địa bàn xóm bản, bảo vệ tài sản của nhân dân. Hàng năm được huyện đội bộ cùng bộ đội đóng quân trên địa bàn cử cán bộ về tổ chức huấn luyện những kiến thức

mới về chiến tranh du kích, phổ biến kinh nghiệm xây dựng làng chiến đấu và các phương án hiệp đồng tác chiến với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, khi có chiến sự xảy ra. Giữa năm 1949 chính phủ ban hành Sắc lệnh 121/ SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký về nghĩa vụ quân sự, quy định nam từ 18 đến 45 tuổi có nghĩa vụ tòng quân, thời hạn là 2 năm, khi có chiến tranh thời hạn có thể kéo dài. Thực hiện nghiêm sắc lệnh của chính phủ, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, tổ Đảng Trung Khảm và Lương Can đã tuyên truyên vận động những thanh niên khỏe mạnh ở hai thôn tích cực hưởng ứng. Với lòng yêu nước, căm thù giặc xâm lăng, ngay sau khi giành được chính quyền ở Định Hóa, thôn Trung Khảm và thôn Lương Can đã có 16 thanh niên theo quân giải phóng. Từ năm 1950 trở đi hàng năm có nhiều đợt thanh niên tòng quân. Tính đến năm 1954 đã có 85 người tham gia quân ngũ, tổng số thanh niên tòng quân mỗi năm từ 10 đến 15 người. Hiểu rõ nghĩa vụ của người công dân trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc, nhiều thanh niên Trung Khảm, lương Can đã chiến đấu dũng cảm trên các chiến, trường nhiều người đã trở thành cán bộ chỉ huy của quân đội cách mạng.

Từ năm 1950 đến 1952, ta liên tiếp mở các chiến dịch Biên giới, Hòa Bình, Tây Bắc và giành thắng lợi,

vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, biên giới Việt - Trung được khai thông là điều kiện thuận lợi để Đảng và nhân dân ta tiếp nhận sự ủng hộ về tinh thần, vật chất của Trung Quốc, Liên xô và các nước yêu chuộng hòa bình trên thế giới, mở ra thế và lực mới cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta. Tình hình quân sự trên chiến trường đã chuyển giai đoạn từ "cầm cự" sang "tổng phản công"do yêu cầu nhiệm vụ mới tại Định Hóa nhiều đơn vị được mở rộng cần xây dựng thêm nơi ở và làm việc, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, hai tổ Đảng Trung Khảm và Lương Can đã chỉ đạo các hội cứu quốc vận động nhân dân ủng hộ hàng vạn tàu lá cọ hàng nghìn cây mai, tre, nứa và thành lập một Trung đội dân quân gồm 30 người trong đại đội dân công của xã Trung Hội do ông Ma Văn Chùm làm trung đội trưởng đi xây dựng các công trình ở ngay hai thôn Trung Khảm và Lương Can như hội trường tám mái ở Khuẩn Hấu chuẩn bị cho Đại hội thi đua yêu nước của Bộ Quốc phòng, ngoài ra còn xây dựng công trình ở các xã Thanh Định, Bình Trung. Cùng với việc xây dựng lán trại, một vấn đề lớn đặt ra, trước đây do yêu cầu ngăn bước tiến quân giặc ta phải phá cầu, đường nay cần khôi phục lại, mở rộng để các phương tiện cơ giới của ta chuyển quân, chuyển vũ khí đạn dược, lương thực, thực phẩm ra các chiến trường. Hai thôn Trung Khảm và Lương Can còn

cử hàng trăm lượt dân công chia làm nhiều đợt đi xây dựng các tuyến đường từ Chợ Chu đi Phố Ngữ, ra ki lô mét 31, từ Quán Vuông đi Quảng Nạp sang Phú Minh (Đại Từ) và một số tuyến đường nối liền Trung Hội đi các xã.

Những năm 1951, 1952, thực dân Pháp tăng cường cho máy bay ném bom bắn phá các làng bản, đồng ruộng nhằm phá hoại sản xuất, gây hoang mang trong nhân dân, năm 1952 chúng ném bom xuống các bản Bảy Bung, Nà Nạn và Nạ Guồng, Đồng Khỏn làm chết 2 dân thường và một người bị thương, phá hủy nhiều nhà cửa, giết hại trâu, phá hỏng đoạn đường từ Đồng Ẻn ra Quán Vuông. Do các thôn bản đã đào hầm hào phòng tránh, cất dấu thóc, lúa nên thiệt hại không đáng kể. Cùng với việc củng cố xây dựng lực lượng vũ trang, chi bộ lãnh đạo nhân dân hưởng ứng phong trào thi đua "toàn dân canh tác" do Huyện ủy phát động. Chấp hành nghị quyết của chi bộ, 2 tổ đảng tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất đảm bảo đời sống nhân dân, làm ra nhiều lương thực, thực phẩm đóng góp cho kháng chiến, đồng thời vận động nông dân tích cực khai hoang, phục hóa, tận dụng các khe rạch đắp những phai nhỏ dẫn nước về các cánh đồng để cấy thêm vụ chiêm. Những cánh đồng không chủ động được nước tưới thì cấy vụ mùa còn lại trồng ngô, khoai và

hoa màu. Nhiều vụ liền thời tiết thuận lợi nên liên tiếp được mùa, thu nhập của nhân dân ổn định, làm cho nông dân hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều cho Nhà nước theo chính sách thuế nông nghiệp vừa mới ban hành, Trung Khảm và Lương Can hàng năm nộp 3 tấn thóc thuế, năm nào cũng đóng nhanh thóc tốt. Ngoài ra còn hưởng ứng phong trào bán thóc "khao quân" mỗi năm 1 tấn.

Về chăn nuôi trâu, lợn, gia cầm được đẩy mạnh, mỗi gia đình nuôi từ 2 đến 3 con trâu, vừa đảm bảo sức kéo vừa cung cấp thực phẩm cho các đơn vị và nhân dân quanh vùng. Chợ Quán Vuông được mở lại vào ban đêm, nông dân mang nông sản ra chợ bán, mua mắm, muối, vải vóc và vật dụng thiết yếu phục vụ đời sống.

Về Văn hóa, các tổ đảng Trung Khảm, Lương Can đã chỉ đạo các đoàn thể cứu quốc vận động nhân dân xây dựng đời sống mới, tiến bộ, loại bỏ dần những tập tục lạc hậu do chế độ cũ để lại. Từng thôn, bản đã phổ biến quy ước văn hóa đến từng gia đình, yêu cầu giảm bớt, tiến tới bỏ tệ ăn uống linh đình trong cưới xin, ma chay, kỳ yên, giải hạn. Tổ chức đám cưới theo "đời sống mới" do Hội thanh niên Cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc tổ chức, liên hoan tiệc trà vừa vui tươi lành mạnh, vừa tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kháng chiến. Các đơn vị đóng quân trên địa bàn thường xuyên cử người xuống

các thôn, bản dạy hát, múa cho thanh, thiếu niên, tổ chức đốt lửa trại, liên hoan văn nghệ thu hút đông đảo nhân dân tham gia, Thanh niên, phụ nữ, bộ đội hát những bài ca cách mạng, bài ca kháng chiến, hòa cùng những điệu dân ca sli, lượn của người địa phương. Trong những ngày tết cổ truyền các bản mở Hội lồng tồng, nhân dân, bộ đội đến tham gia các trò chơi dân gian như tung còn, đấu vật... Văn hóa văn nghệ cách mạng được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, tạo ra không khí vui tươi lành mạnh, thắm đượm tình nghĩa quân dân và tinh thần đoàn kết các dân tộc anh em.

Phong trào vệ sinh yêu nước với khẩu hiệu: "3 sạch 4 diệt" (ăn sạch, uống sách, ở sạch. Diệt ruồi, muỗi, chuột, chấy, rận, rệp) không buộc trâu dưới gầm nhà sàn, làm nhà vệ sinh xa nhà. Hàng tháng, y tá bộ đội xuống các bản phát thuốc chống sốt rét, khám chữa bệnh cho nhân dân, vận động mọi người uống thuốc khi ốm đau, không cúng bái nhảm nhí.

Sự nghiệp giáo dục, được phát triển theo chương trình giáo dục tiến bộ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trẻ em đến tuổi đi học không phân biệt trai, gái, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo đều được đến trường học. Năm 1950, ở Trung Khảm và Lương Can mỗi thôn tổ

chức một lớp vỡ lòng (30 cháu) do đơn vị bộ đội cử người đến dạy, đây là lớp học đầu tiên đặt nền móng cho sự nghiệp giáo dục phổ thông ở hai thôn Trung Khảm và Lương Can, ghi dấu ấn cho truyền thống giáo dục của xã Trung Lương sau này. Đầu năm 1953, hai thôn đã có trường học (từ lớp 1 đến lớp 3), giáo viên do ông Dương Văn Tỳ và Nông Văn Chức dạy. Để thanh toán nạn mù chữ, các lớp bình dân học vụ tiếp tục được mở vào ban đêm, mặc dù các lớp học duy trì không đều, nhưng với lòng kiên trì của những cán bộ, chiến sĩ thuộc các đơn vị đóng quân trên địa bàn đã tận tình giảng dạy, tính đến cuối năm 1953, số người biết đọc, biết viết đạt 50% là một cố gắng lớn của cán bộ và nhân dân các thôn Trung Khảm và Lương Can.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tại các thôn Trung Khảm và Lương Can đã diễn ra nhiều sự kiện ghi dấu những chặng đường lịch sử vẻ vang của quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 4 năm 1952 tại hội trường 8 mái ở Làng Cháy thôn Lương Can là địa điểm diễn ra Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quân cử đại biểu đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, tại Đại hội này các đồng chí Nguyễn Thị Chiên, La Văn Cầu được bầu là đại biểu đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc và được phong danh hiệu anh hùng

quân đội nhân dân Việt Nam. Xóm Nặm Lịn là nơi tổ chức lớp học chính trị cho cán bộ cao cấp của quân đội là chi nhánh khởi nguồn của trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Khu đồi ở xóm Nạ Guồng là trận địa phòng không của đơn vị pháo 364 đã bắn cháy máy bay của Pháp năm 1952, rơi tại Làng Phan, sông Đáy (Tuyên Quang) đây là những địa danh ghi lại dấu ấn lịch sử được nhân dân trân trọng lưu giữ.

Năm 1953, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch phát động quần chúng giảm tô đánh đổ giai cấp địa chủ thực hiện "người cày có ruộng" nhằm động viên tinh thần hăng hái tham gia kháng chiến của nông dân, lực lượng hùng hậu của cách mạng, giữa năm 1953 Đội phát động giảm tô về xã Trung Hội, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong đảng viên, cán bộ, các ngành, các cấp và nhân dân, đồng thời phát hiện phân loại địa chủ, phú nông ở hai thôn Trung Khảm và Lương Can có 3 gia đình quy là địa chủ, 01 gia đình phú nông.

Về công tác xây dựng Đảng, dưới dự lãnh đạo của chi bộ, được sự giúp đỡ của các đơn vị đóng quân trên địa bàn, tổ Đảng ở hai thôn Trung Khảm và Lương Can, triển khai nghị quyết của Chi bộ xã Trung Hội, thực hiện cuộc vận động "tất cả vì chi bộ làm cho chi bộ trưởng thành" của Đảng bộ huyện mà nội dung chủ yếu là nâng

cao chất lượng sinh hoạt của tổ Đảng, trong sinh hoạt đảng viên tự kiểm điểm tinh thần tiền phong, gương mẫu trong việc vận động quần chúng tích cực sản xuất, đóng thuế nhanh, đủ, thóc tốt, đi dân công phục vụ các chiến dịch, giúp đỡ các cơ quan xây dựng và củng cố lán trại, tăng cường ý thức bảo mật, tích cực phát triển đảng viên mới. Từ năm 1949 đến 1953, tổ Đảng Trung Khảm và Lương Can đã kết nạp được 15 đảng viên mới (Trung Khảm kết nạp được 4 đồng chí, Lương Can 11 đồng chí). Thực hiện nghiêm túc nghị quyết của chi bộ, đảng viên ở hai thôn luôn đi đầu trong mọi nhiệm vụ xây dựng hậu phương kháng chiến, nhiều đảng viên được tín nhiệm bầu giữ chức chủ chốt trong chi bộ, trong hệ thống chính quyền đoàn thể xã như các đồng chí Vương Văn Sen, Đặng Văn Nghĩ, Nguyễn Đình Đạo. Đảng viên ở 2 tổ đảng đã tích cực hoạt động, luôn trau dồi, học hỏi, rút kinh nghiệm, tự rèn luyện bản lĩnh và trình độ lãnh đạo ở bất kỳ cương vị công tác nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Vì vậy từ năm 1949 đến hết năm 1953 đã có 14 đảng viên được cấp trên tin cậy điều động thoát ly công tác địa phương nhận những nhiệm vụ nặng nề hơn trong lực lượng quân đội thường trực, trong cơ quan huyện. Cùng với việc thực hiện chính sách giảm tô, cuối năm 1953 theo chỉ đạo của cấp trên 9 đại xã trong toàn huyện được tách ra trở lại thành 22 xã như

trước đây. Theo đó hai thôn Trung Khảm và Lương Can tách ra khỏi xã Trung hội, thành lập xã mới đặt tên là xã Trung Lương có 10 bản: gồm bản Khắm, bản Quán, bản Nạ Guồng, bản En (Đồng Ẻn), bản Tồng Khỏn, bản Nặm Lịn, bản Khuẩn Hấu và bản Lương Trung, Thẩm Mấn và bản Lang. Sự chia tách địa bàn thành lập đơn vị hành chính mới kéo theo sự thay đổi về tổ chức. Để kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý xã mới, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, phối hợp với Đội giảm tô quyết định ông Nguyễn Đình Lá làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính. Về Chi bộ có 19 đảng viên, chỉ định đồng chí Ma Văn Chùm giữ chức Bí thư. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy tháng 2 năm 1954, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ nhất ra nghị quyết tiếp tục lãnh đạo nhân dân dồn sức người, sức của cùng nhân dân toàn huyện và cả nước cho cuộc kháng chiến, đồng thời bầu ra Ủy ban kháng chiến hành chính xã, sắp xếp đội ngũ cán bộ đoàn thể cứu quốc, các trưởng xóm, bản ổn định tình hình, lãnh đạo điều hành mọi hoạt động trên địa bàn xã mới, Chi bộ bầu đồng chí Ma Văn Chùm làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Đình Đạo làm phó Bí thư. Chi bộ xã Trung Lương được thành lập vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, được kế thừa những kinh nghiệm của chi bộ đại xã Trung Hội, tiếp tục vươn lên lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, Chính

phủ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới đầy gian nan thử thách đang chờ ở phía trước. Sau Đại hội Ủy ban kháng chiến hành chính được kiện toàn gồm 5 thành viên do ông Nguyễn Đình Lá làm Chủ tịch, Nông Văn Khang phó Chủ tịch, ông Dương Văn Quý xã đội trưởng, ông Lý Văn Dần trưởng công an và Nguyễn Đình Quyền thư ký ủy ban.

Năm 1954, quân ta thắng lớn, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi quyết định về quân sự, tạo điều kiện cho đoàn ngoại giao ta đấu tranh trên bàn đàm phán ở Giơ Ne Vơ buộc chính phủ Pháp phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương, công nhận độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ nước ta, lịch sử nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh tiến tới thống nhất nước nhà. Tổng kết cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ gian khổ, xã Trung Lương đã huy động 2.200 lượt dân công phục vụ các chiến dịch, xây dựng các công trình quân sự, làm đường giao thông ở căn cứ địa kháng chiến tại ATK Định Hóa, đóng góp hàng chục tấn thóc (cả thuế), ủng hộ 23 con trâu, 25 con lợn và nhiều thực phẩm nuôi bộ đội và cán bộ lãnh đạo kháng chiến, ủng hộ 5 vạn tàu lá cọ, hàng chục nghìn cây tre, mai, vầu để

dựng lán trại cho các cơ quan đơn vị đóng quân trên địa bàn. 9 năm kháng chiến chống Pháp xã Trung Lương có 85 thanh niên lên đường nhập ngũ, chiến đấu trên các chiến trường. kết thúc cuộc kháng chiến 11 người con ưu tú đã hy sinh thân mình cho độc lập tự do của Tổ quốc, 6 chiến sĩ đã để lại một phần thân thể nơi chiến trường trở thành thương bình. Những đóng góp này so với cả nước là rất nhỏ bé, nhưng với một địa bàn chỉ có 127 hộ với 625 người, thì đây là một cố gắng lớn đối với chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Trung Lương, thể hiện tinh thần yêu nước, yêu quê hương, một lòng một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ, quyết tâm ủng hộ kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Đ/C MA VĂN CHÙM - BÍ THƯ CHI BỘ ĐẦU TIÊN

Chương III

CHI BỘ TRUNG LƯƠNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN QUÊ HƯƠNG VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1955 - 1975)

I. Khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội giai đoạn (1955 - 1965)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược: Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hòa với niềm vui chung của nhân dân miền Bắc được giải phóng, nhân dân Trung Lương dưới sự lãnh đạo của chi bộ bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, tăng cường cơ sở vật chất cho công cuộc xây dựng quê hương đất nước theo con đường xã hội

chủ nghĩa, tiếp tục ủng hộ nhân dân miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến, thực dân Pháp tăng cường ném bom bắn phá vào các cánh đồng, làng bản nhân dân phải làm lán trú ẩn vào các rìa rừng, sườn núi, nhiều diện tích ruộng đất bỏ hoang. Mặt khác nhân dân Trung Lương cùng nhân dân toàn huyện tập trung cao độ sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, góp phần giành thắng lợi to lớn trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, nay hòa bình lập lại trở về làng, xây dựng cuộc sống trong hoàn cảnh nhà cửa đổ nát, ruộng đồng hoang hóa, chưa kịp khôi phục, nên thời gian đầu đời sống nhân dân gặp khó khăn, lâm vào cảnh thiếu đói là điều không tránh khỏi. Trước tình hình đó, Chi bộ và chính quyền xã Trung Lương đặt khôi phục và phát triển kinh tế là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Trước hết phát động toàn dân tích cực tăng gia sản xuất và khôi phục những cánh đồng hoang hóa trồng lúa, trồng các loại cây màu ngắn ngày để giải quyết vấn đề lương thực ổn định đời sống. Thực tế phần lớn ruộng đất ở Trung Lương đa số là ruộng một vụ, phụ thuộc vào thiên nhiên, những năm 1955, 1956 hạn hán, sâu bệnh hoành hành nên sản lượng lương thực giảm sút càng tăng thêm tình trạng đói kém ở Trung Lương. Để khắc phục những khó khăn trên, Ủy ban hành chính xã

chỉ đạo các tổ đổi công được xây dựng từ trước, tập trung nhân lực khôi phục hệ thống thủy lợi. Kết quả trong 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế xã Trung Lương đã huy động hàng nghìn công đào đắp, tu sửa vai, đập, đắp các ao, hồ trữ nước, đào hàng nghìn mét mương đưa nước về các cánh đồng, Đồng Ẻn, Nạ Tát, Cỏ Lả, Làng Cháy, Nạ Mương, Đồng Hàng, Nạ Sai, Lê Lợi, Hồng Tiến để cấy được 2 vụ. Chi bộ còn phát động toàn dân trồng thêm cây màu như ngô, khoai, sắn đậu đỗ... để tăng thêm nguồn lương thực, thực phẩm. Nhờ đó đời sống nhân dân dần dần ổn định, tình trạng thiếu đói trong lúc giáp hạt giảm đáng kể. Đi đôi với việc phát triển cây lương thực cấp ủy, chính quyền xã khuyến khích nhân dân nuôi thêm trâu để đảm bảo sức kéo, chăn nuôi lợn, gà, vịt tăng lượng thực phẩm tại chỗ cung cấp cho đời sống nhân dân. Song song với việc khôi phục và phát triển kinh tế văn hóa, ổn định đời sống, cấp ủy chi bộ cũng tập trung chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức, đưa các hoạt động của chính quyền, các đoàn thể quần chúng, củng cố tổ đổi công vào nền nếp. Đồng thời Chi bộ cũng tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương thành lập khu tự trị Việt Bắc, để các tầng lớp nhân dân hiểu được việc thành lập khu tự trị Việt Bắc: là nhằm thực hiện chính sách đại đoàn kết, giúp cho nhân dân các dân tộc miền

núi xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, nên được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Ngày 19/8/1956, khu tự trị Việt Bắc được thành lập trong niềm vui, niềm tự hào của nhân dân Trung Lương nói riêng và nhân dân các dân tộc Việt Bắc nói chung.

Ngày 28/3/1957, Chi bộ Trung Lương tổ chức Đại hội lần thứ III kiểm điểm, đánh giá quá trình lãnh đạo thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (1955 - 1957). Đại hội khẳng định Chi bộ đã lãnh đạo nhân dân Trung Lương vượt qua khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Trong phương hướng lãnh đạo nhiệm vụ chính trị trong nhiệm kỳ mới Đại hội tập trung thảo luận các giải pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch Nhà nước 1958 – 1960 mà nội dung chủ yếu là vận động nông dân vào hợp tác xã theo con đường làm ăn tập thể, đây là việc làm mới mẻ nên yêu cầu các đảng viên phải tích cực học tập, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành khóa mới gồm 5 đồng chí, do đồng chí Lý Văn Dần làm Bí thư, đồng chí Dương Đình Dinh phó Bí thư và 3 ủy viên. Tháng 5/1959, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, cùng với các xã trong toàn huyện, xã Trung Lương tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và bầu Ủy ban

hành chính xã do đồng chí Nguyễn Đình Lá làm Chủ tịch, đồng chí Nông Văn Khang Phó Chủ tịch và 3 ủy viên. Sau khi kiện toàn bộ máy chính quyền xã, chi ủy chỉ đạo bầu các trưởng xóm bản, lấy cơ sở xóm bản để củng cố các tổ đổi công và các tổ chức đoàn thể, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và công an, đưa các tổ chức này vào hoạt động thống nhất theo chỉ đạo của Chi bộ. Đặc biệt trong cuộc đấu tranh giảm tô, giảm tức xã Trung lương cũng có một số gia đình bị quy vào thành phần địa chủ (3 gia đình) và phú nông (01 gia đình), đến khi sửa sai được hạ thành phần là trung nông lớp trên, nên tình trạng mất đoàn kết giữa những người đấu tố sai, với những người bị quy sai và cán bộ giảm tô cũng nhanh chóng được giải quyết. Từ đó tình hình chính trị, xã hội sau sửa sai dần đi vào ổn định. Thực hiện Nghị quyết XIV của Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) về "Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể.... mà khâu then chốt là xây dựng hợp tác xã, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể". Quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Huyện ủy đã triệu tập hội nghị các ngành các cấp từ huyện đến các xã triển khai các bước tiến hành xây dựng hợp tác xã trong toàn huyện. Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ Trung Lương cử các đồng chí Lý Văn Dần, Dương Đình

Dinh trong đoàn cán bộ huyện Định Hóa về trường Đảng tỉnh học tập cách tiến hành xây dựng hợp tác xã, đồng thời tổ chức học tập kinh nghiệm từ 2 hợp tác xã điểm Nà Lang (Phượng Tiến), Bản Là (Bình Thành), xã Trung Lương đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp do đồng chí Bí thư chi bộ làm trưởng ban, đồng chí Chủ tịch ủy ban hành chính làm phó ban. Sau vụ mùa năm 1959, chi bộ đã cử cán bộ đảng viên về các thôn tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của Đảng và phổ biến cách thức làm ăn tập thể, thông qua kế hoạch xây dựng hợp tác xã đến toàn thể nhân dân. Được học tập về cách làm ăn mới theo con đường xã hội chủ nghĩa, hầu hết nông dân đều nhất trí với chủ trương của Đảng, song vẫn còn băn khoăn, lo lắng, vì từ xưa tới nay người dân đã quen với tập quán làm ăn riêng lẻ, tự túc, tự cấp, nay lại đem ruộng đất, trâu bò, cày, bừa góp vào làm của chung là điều khó chấp nhận. Đây là cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt trong từng gia đình, từng con người, không thể "một sớm, một chiều" chuyển biến ngay được. Tuy nhiên sau Cách mạng tháng Tám 1945, trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ, gian khổ và anh dũng của dân tộc, người dân Trung Lương đã được Đảng đem lại cuộc sống tự do, bình đẳng, không bị

áp bức, đè nén như thời phong kiến, nên mặc dù một số ít nông dân tuy còn do dự, nhưng đại bộ phận đều nhất trí với chủ trương xây dựng hợp tác xã của Đảng. Căn cứ vào điều kiện cụ thể: đất đai, địa bàn dân cư, tổ đổi công truyền thống của các thôn bản và lực lượng đảng viên, Chi bộ quyết định không xây dựng hợp tác xã điểm mà thống nhất chỉ đạo cùng một lúc xây dựng 4 hợp tác xã. Thực hiện nghị quyết của chi bộ, Ban chỉ đạo xây dựng hợp tác xã cùng các đồng chí đảng viên xuống các xóm bản hướng dẫn nông dân tự nguyện làm đơn xin vào hợp tác xã. Sau 3 tháng chuẩn bị cuối năm 1959 đầu năm 1960, xã Trung Lương đã thành lập 4 hợp tác xã đó là; hợp tác xã Hồng Tiến, hợp tác xã Quang Vinh, hợp tác xã Quyết Tâm và hợp tác xã Cầu Đá. Hợp tác xã Hồng Tiến gồm các xóm Hồng Tiến 1, Hồng Tiến 2 và Hồng Hoàng với 300 khẩu, 57 mẫu ruộng, 40 con trâu, chia làm 03 đội sản xuất. Ban quản trị do ông Hoàng Văn Vóc làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã Quang Vinh gồm 2 xóm Tân Vinh và Quang Trung với 120 khẩu, 51 mẫu ruộng, 50 con trâu do ông Nguyễn Đình Sôi làm Chủ nhiệm; Hợp tác xã Quyết Tâm gồm các xóm Bình Định, Hòa Bình, Lịch Đàm và thẩm Tang với 340 khẩu, 94 mẫu ruộng, 74 con trâu, chia làm 04 đội sản xuất, Ban quản trị do ông Nguyễn Văn Tự làm Chủ

nhiệm. Hợp tác xã Cầu Đá gồm các xóm Khuẩn Hấu, Nà Nạn, Lương Trung với 50 hộ, 252 khẩu, 52 mẫu ruộng 82 con trâu chia làm 04 đội sản xuất Ban quản trị do ông Hứa Văn An làm Chủ nhiệm. Như vậy đến đầu năm 1960 Trung Lương xây dựng được 4 hợp tác xã nông nghiệp thu hút 98% số hộ nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Chi bộ đã lãnh đạo các hợp tác xã đẩy mạnh các biện pháp tăng năng xuất lúa, từ đó các hợp tác xã đã bỏ ra nhiều công sức gia cố, tôn cao một loạt ao, hồ, đập đó là Thẩm Âu, Thẩm Lạ, Thẩm Pháng, Nà Cạn, Quang Trung, Hòa Bình, Lê Lợi, Thẩm Lậc, Khuổi Chẹo, Keo Pén, Thẩm Tỉm, Thẩm Quản, Nạ Kẹn, đập Ao Lở, đập Nạ Mương. Nạo vét các tuyến mương phai từ Nạ Tát, Làng Cháy, Nạ Mương, Nạ Sai, Cây Mấy, Cốc Lụt, Đồng Hàng, Đầm Du Kích, Hòa Bình để điều tiết nước cho các cánh đồng Đồng Ẻn, Hồng Quang, Cầu Đá. cấy 2 vụ lúa. Các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của Phòng nông nghiệp huyện được các hợp tác xã áp dụng kỹ thuật vào thâm canh cây lúa; sử dụng giống lúa ngắn ngày như Nam ninh, Mố lạng, Mộc Tuyền... các khâu cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh được chú trọng. Từ đó năng suất tăng từ 50 lên 60 kg/sào. Vụ mùa năm 1960, tất cả các hợp tác xã đều thực hiện theo quy

định của cách làm ăn tập thể, sản phẩm làm ra nộp vào kho hợp tác xã, cuối vụ thu hoạch trừ nộp thuế cho Nhà nước, để lại quỹ xây dựng hợp tác xã, quỹ phúc lợi xã hội, còn lại cân đối ăn chia theo công điểm của từng hộ, kết quả thu nhập của xã viên tương đối ổn định.

Về chăn nuôi, đàn trâu tăng từ 266 con, lên 350 con, các gia đình chăm sóc trâu được hợp tác xã chi mỗi con 2 điểm/ ngày, chăn nuôi lợn bán nghĩa vụ cho Nhà nước tăng so với chỉ tiêu được mua hàng tiêu dùng ở hợp tác xã mua bán huyện, làm cho xã viên tích cực bỏ công sức vào chăn nuôi để tăng thu nhập.

Sau vụ chiêm xuân năm 1960, Ban chỉ đạo xây dựng hợp tác xã tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm, qua phân tích: Về ưu điểm; lối làm ăn tập thể có tổ chức, đông vui, có giờ giấc, nông dân phấn khởi, nhất là đối với tầng lớp thanh niên, nên đã tạo được khí thế hăng say trong lao động sản xuất, kết quả sản phẩm thu được của mỗi gia đình xã viên so với làm ăn cá thể không chênh lệch nhiều. Nhưng mặt chưa được cần phải rút kinh nghiệm là Ban quản trị còn lúng túng, việc điều hành nhân lực vào từng công việc chưa sát và tính toán các loại chi phí về phương án ăn chia cho xã viên còn chậm. Đối với tập thể, vì mới xây dựng nên cơ sở vật chất hầu như chưa có gì, sân kho còn đơn giản, kho chứa

thóc chưa có, còn gửi ở nhà xã viên, công tác quản lý chưa chặt chẽ còn gây ra thâm hụt do rơi vãi, lãng phí, chưa có cách khắc phục. Nhưng so với phong trào chung của huyện Trung Lương là một trong những xã được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ do huyện đề ra được ủy ban hành chính huyện khen. Ngày 13/3/1960, Tỉnh tổ chức cuộc mít tinh lớn đón nhận Huân chương lao động hạng III của chính phủ tặng tỉnh Thái Nguyên và huân chương lao động hạng II tặng huyện Định Hóa được Bác Hồ Về thăm và nói chuyện, Trung Lương vinh dự có đồng chí là Dương Đình Dinh trong đoàn đại biểu Huyện Định Hóa đến dự cuộc mít tinh và được tặng huy hiệu của Người.

Sau 5 năm thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (1955 - 1960) Chi bộ xã Trung Lương đã lãnh đạo nhân dân khắc phục mọi khó khăn, vượt lên trở ngại, đạt được những thành tích cơ bản; kinh tế phục hồi, đời sống nhân dân ổn định, hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ đã ra nghị quyết tập trung xây dựng hợp tác xã từ cấp thấp lên hợp tác xã cấp cao, ghép các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã có quy mô lớn trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đảm bảo ổn định đời sống của xã viên, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện nghị quyết Chi bộ, năm 1961, Ủy ban hành chính xã quyết định hợp nhất 4 hợp tác xã Hồng Tiến, Quang Vinh, Quyết Tâm, Cầu Đá thành một hợp tác xã với 241 hộ, 1.084 nhân khẩu, 404 lao động chính. Với tổng diện tích 304 mẫu, 290 con trâu. Thành lập 11 đội sản xuất cơ bản, 3 trại chăn nuôi lợn tập trung do ông Dương Đình Dinh làm Chủ nhiệm, ông Hoàng Văn Cát và ông Hứa Văn An Phó Chủ nhiệm, ông Hoàng Văn Phát làm kế toán. (Năm 1962 ông Dương Đình Dinh được điều động về Ban nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, ông Hoàng Văn Cát được bầu làm chủ nhiệm.) Sau khi thành lập hợp tác xã toàn xã, cấp ủy, chính quyền chủ trương dồn dân thành lập khu dân cư tập trung, trước tiên làm thí điểm để rút kinh nghiệm mới nhân ra toàn xã. Từ phương án đó Ban quản trị hợp tác xã đã chuyển dân cư từ xóm Hòa Bình ra khu vực Lịch Đàm đặt tên là Hợp Nhất. Qua một năm thực hiện điểm, gặp rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng lại nhà cửa, hơn nữa ruộng đất không tập trung, người dân phải đi làm

xa, nên việc thực hiện kế hoạch dồn dân không đạt kết quả, các hộ dân quay trở lại nơi ở cũ. Từ đó Chi bộ quyết định không tiếp tục triển khai ra toàn xã như kế hoạch đã định. Việc xây dựng hợp tác xã theo quy mô lớn lãnh đạo xã mới chỉ thực hiện theo phong trào chung mà chưa lường hết được những khó khăn chủ quan trong điều kiện cụ thể ở địa phương. Thực tế là trình độ điều hành của Ban quản trị đối với một tổ chức kinh tế trên địa bàn rộng, dân cư không tập trung, đội ngũ cán bộ năng lực có hạn, đội trưởng không phân công được công việc một cách hợp lý, quản lý lao động lỏng lẻo dẫn đến số lượng công điểm nhiều, mà kết quả thực tế thu được thấp. Từ nhận định đó Ủy ban hành chính quyết định giải thể hợp tác xã toàn xã, thành lập 2 hợp tác xã là hợp tác xã Hồng Quang và hợp tác xã Miền Lương: Hợp tác xã Hồng Quang (Hồng Tiến và Quang Vinh) do ông Nguyễn Đình Sôi làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã Miền Lương (Quyết tâm và Cầu Đá) do ông Nông Văn Chức làm Chủ nhiệm. Trong quá trình thực hiện vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ruộng đất và dân cư phân tán, nên chỉ tồn tại được 1 năm lại tách hợp tác xã Miền Lương ra thành 2 hợp tác xã là Quyết tâm và Cầu Đá. Như vậy đến thời điểm này xã Trung Lương có 3 hợp tác xã: Hồng Quang, Quyết Tâm và Cầu Đá.

Cuối năm 1962, thực hiện chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, Ban khai hoang của tỉnh Thái Bình đã cử một tổ tiền trạm lên huyện Định Hóa khảo sát tình hình ở xã Trung Lương và thống nhất cụ thể với huyện trước khi lên đã thành lập khung hợp tác xã. Đầu năm 1963, xã Trung Lương đã tiếp nhận 40 hộ với 185 khẩu ở xã Hồng Phong huyện Hưng Hà và Vũ Thư (Thái Bình) lên khai hoang trong đó có chi bộ lãnh đạo ngay tại quê Thái Bình lấy tên là hợp tác xã Hồng Lương do ông Phạm Ngọc Bình làm Bí thư, kiêm chủ nhiệm hợp tác xã và 5 đảng viên (Phạm Lương Mai, Đoàn Văn Tú, Nguyễn Thị Đạt, Nguyễn Văn Sáu, Nguyễn Văn Chư). Ban đầu mới lên ở tạm thôn Na Guồng vài ngày. Chính quyền xã đã huy động lực lượng đoàn thanh niên dựng nhà ở khu vực Khuân Giàng. Sau đó đón bà con về phân cho mỗi hộ gia đình một gian ở tạm. Những ngày đầu còn "lạ nước, lạ cái" chưa quen thông thổ rừng núi, một số hộ gia đình đã bỏ về xuôi. Số bà con ở lại chính quyền xã đã vận động nhân dân sở tại giúp đỡ tre, mai, nứa, lá dựng nhà cửa ổn định đời sống và cấp cho 6 mẫu 7 sào ruộng thuộc cánh đồng Gốc Sấu, Khuân Giàng (trong số ruộng này có một số ruộng của nông dân xã Bộc Nhiêu đã được chính quyền 2 xã thống nhất chuyển về cho xã

Trung Lương) và khu đất đồi thấp ven Suối Tát, Hòa Bình và Gốc Sấu để đồng bào khai hoang và cày, cấy, tổ chức thành một đội sản xuất trồng lúa do ông Phạm Lương Mai làm đội trưởng, Lê Văn Đoan làm đội phó, (đầu tiên gọi là đội Khuân Giàng).

Năm 1963, cơ sở Đảng xã Trung Lương có thêm 1 chi bộ của đội sản xuất Hồng Lương từ Thái Bình chuyển lên, cùng với số lượng đảng viên của 3 hợp tác xã với tổng số 48 đảng viên, đủ điều kiện nâng quy mô từ chi bộ lên đảng bộ. Được Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo, tháng 9 năm 1963, Đảng bộ Trung Lương tổ chức Đại hội lần thứ VI. Đại hội phấn khởi tự hào với tinh thần trách nhiệm cao đã thảo luận sôi nổi và thống nhất nhận định: trong 10 năm (từ 1954 đến 1963) Chi bộ đã khắc phục mọi khó khăn lãnh đạo nhân dân hoàn thành khôi phục phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định đời sống nhân dân và bước đầu xây dựng hợp tác xã, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tạo ra bộ mặt nông thôn mới, hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời xây dựng Chi bộ ngày càng lớn mạnh, từ đó khẳng định Chi bộ Trung Lương đã hoàn thành vai trò lịch sử của mình. Đại hội giành nhiều thời gian bàn phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ mới. Về tổ chức, Đại hội nhấn mạnh các tổ Đảng ở hợp tác xã sẽ nâng lên thành chi bộ

nên trách nhiệm nặng nề hơn, yêu cầu đảng viên cần nêu cao hơn nữa tính tiền phong gương mẫu, tinh thần trách nhiệm mới đủ khả năng lãnh đạo. Về giải pháp Đại hội yêu cầu Ban chấp hành khóa mới chỉ đạo Ủy ban hành chính cần có biện pháp chuyển nghị quyết của Đại hội thành chương trình kế hoạch cụ thể, chỉ đạo nhân dân khắc phục tồn tại của những năm trước, tiếp tục phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đại hội tiến hành bầu ban chấp hành mới gồm 7 đồng chí do đồng chi Lý Văn Dần làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Chùm Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Sau Đại hội Đảng ủy quyết định các tổ Đảng ở 2 hợp tác xã Hồng Quang, Miền Lương nâng lên thành chi bộ và tiến hành tiến hành Đại hội bàn phương hướng củng cố hợp tác xã theo nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, đồng thời bầu chi ủy: Chi bộ Hồng Quang có 18 đảng viên, bầu đồng chí Nguyễn Đình Thang làm Bí thư. Chi bộ Miền Lương có 25 đảng viên bầu đồng chí Nông Văn Chức làm Bí thư. Chi bộ Hồng Lương có 5 đảng viên cũng tổ chức đại hội và bầu đồng chí Phạm Văn Bình làm Bí thư. Như vậy tính đến cuối năm 1963 Đảng bộ xã Trung Lương có 3 chi bộ.

Cuối năm 1963, triển khai Nghị Quyết 70 của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý hợp tác xã, Chi bộ đã cử 2 đồng chí cán bộ chủ chốt là Ma Văn Chùm và Hoàng

Văn Cát tham gia lớp tập huấn "cải tiến quản lý hợp tác xã" do huyện tổ chức. Sau đợt học tập ở huyện, cán bộ về cơ sở phối hợp với cán bộ của Ban vận động của huyện tổ chức học tập, phổ biến những yêu cầu mới về củng cố hợp tác xã cho cán bộ, đảng viên, xã viên. Đồng thời lấy ý kiến dân chủ của nhân dân về hướng tháo gỡ những bất hợp lý trong hoạt động của các hợp tác xã trong thời gian qua. Sau khi lấy ý kiến dân chủ của nhân dân cho thấy vướng mắc nhiều nhất là việc hưởng lợi từ tài sản (ruộng, trâu) góp vào hợp tác xã và phương án ăn chia, đây là những vấn đề gây nhiều thắc mắc trong xã viên, họ cho rằng cách tính trước đây còn mang tính bình quân, chưa hợp lý, những gia đình có nhiều ruộng, trâu góp vào hợp tác xã nhưng ít lao động chính lại thu nhập thấp hơn những gia đình có ít ruộng góp vào hợp tác xã nhưng nhiều lao động lại thu nhập cao hơn, từ tình trạng trên làm cho xã viên thiếu phấn khởi, nhiều khi so bì thiệt hơn gây mất đoàn kết trong nội bộ xã viên, những vướng mắc trên được tập thể xã viên kiến nghị, đề xuất biện pháp tháo gỡ. Sau khi Ban quản trị tập hợp ý kiến chung của xã viên từ cuối năm 1963 đầu năm 1964 theo chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã họp và thống nhất để ra hướng giải quyết, mọi xã viên đều có nghĩa vụ đóng cổ phần vào hợp tác xã. Định

mức một cổ phần tính theo số lượng trâu của hợp tác xã quy ra tiền chia cho số lượng xã viên, mỗi cổ phần là 45 đồng, gia đình nào không có trâu thì nộp bằng tiền, chưa có tiền nộp ngay thì trả bằng thóc theo từng vụ. Về phương án ăn chia, ngoài phần chủ yếu là tổng công điểm của mỗi gia đình, còn được cộng thêm 25% hoa lợi cho diện tích ruộng góp vào hợp tác xã. Giải quyết được 2 vấn đề này, đã tạo ra sự công bằng hơn, làm cho xã viên phấn khởi, yên tâm, tin tưởng vào tính ưu việt của con đường làm ăn tập thể, tạo được khí thế thi đua lao động sản xuất trong các hợp tác xã. Hưởng ứng phong trào thi đua "phất cao cờ hồng, vượt gió Đại Phong, tiến quân toàn diện", đã cổ vũ tinh thần yêu nước của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã, các hợp tác xã thi đua phấn đấu theo 4 tiêu chuẩn đó là: Đoàn kết tốt, tăng tích lũy cho hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Để đạt được mục tiêu trên, Đảng ủy đã chỉ đạo các hợp tác xã huy động hàng trăm công lao động của xã viên thường xuyên gia cố các phai, đập, ao, hồ và tu sửa hàng nghìn mét mương chủ động dẫn nước về các cánh đồng nâng diện tích cấy được 2 vụ lên 94,5 mẫu. Ngoài việc chăm lo thủy lợi các biện pháp kỹ thuật gieo cấy cũng được chú trọng, dụng cụ làm đất được thay thế 100% loại cày

"chìa vôi" bằng "cày 51", thay bừa gỗ bằng bừa sắt, cào cỏ thông thường bằng cào cỏ cải tiến. Từ năm 1963 đến năm 1965, xã đã cử cán bộ dự các lớp tập huấn áp dụng kỹ thuật mới vào đồng ruộng. thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật như nước tưới, tăng lượng phân chuồng cho mỗi sào lúa là 200kg, xử lý thóc giống bằng "3 sôi, 2 lạnh"(*) theo dõi phát hiện sâu bệnh kịp thời phun thuốc phòng trừ. Nhờ đó năng xuất tăng từ 65 kg/sào lên 75kg/sào. Những năm 1963 - 1965 sản lượng lương thực đạt từ 300 tấn tăng lên 450 tấn, bình quân thu nhập hàng năm của xã viên cũng tăng từ 200kg lên 250kg/người. Chỉ tiêu nộp thuế, bán nghĩa vụ cho Nhà nước năm nào cũng vượt mức kế hoạch được cấp trên khen thưởng.

Về chăn nuôi, gia đình xã viên nuôi trâu cho hợp tác xã đều làm chuồng kín đáo, hợp vệ sinh có hố dự trữ phân (để đổi cho hợp tác xã lấy công điểm) có trách nhiệm nuôi, chăm sóc cho trâu béo khỏe. Tính đến năm 1965 tổng đàn trâu toàn xã có 500 con. Đàn trâu phát triển chẳng những đảm bảo sức kéo cho sản xuất còn bán cho thương nghiệp huyện cung cấp cho những nơi thiếu trong huyện, có năm còn cung cấp cho một số cơ sở ở miền xuôi. Về chăn nuôi tập thể, cả 3 hợp tác xã đều thành lập trại chăn nuôi tập thể, trong đó trại chăn

(*) Ngâm thóc vào nước ấm theo tỷ lệ: 3 phần nước sôi, hai phần nước lạnh.

nuôi của hợp tác xã Hồng Quang và hợp tác xã Quyết Tâm chủ yếu là chăn nuôi lợn bột với số lượng từ 50 đến 60 con. riêng trại chăn nuôi của hợp tác xã Cầu Đá ngoài chăn nuôi lợn còn phát triển thêm đàn dê với số lượng 80 con. Đàn lợn có 20 con lợn nái, 40 con lợn bột mỗi năm xuất chuồng từ 80 đến 120 con lợn giống cung cấp cho xã viên và bán nghĩa vụ cho Nhà nước 5 tấn lợn hơi và cung cấp cho hợp tác xã mua bán huyện hơn 1 tấn dê. Ngoài ra còn một số lượng lớn lợn hợp tác xã giao chỉ tiêu cho từng gia đình bán nghĩa vụ cho Nhà nước 20 kg lợn hơi/lao động chính. Theo kế hoạch được giao bình quân 20 tấn/ năm nhưng xã đã thực hiện được 25 tấn, một số gia đình bán vượt mức được mua các mặt hàng đối lưu như dầu hỏa, vải , bát đĩa, phụ tùng xe đạp v.v...Đàn gia cầm chủ yếu gà, vịt, bình quân mỗi gia đình nuôi từ 20 đến 30 con. Trong điều kiện kinh tế tự túc, tự cấp việc mua bán trao đổi chưa được Nhà nước cho phép thì gà vịt là nguồn thực phẩm dự trữ quan trọng trong đời sống hàng ngày của người dân.

Bước sang năm 1964, Đảng ủy chỉ đạo nâng đội sản xuất Hồng Lương thành hợp tác xã, có 2 đội sản xuất là Hồng Lương 1 và Hồng Lương 2. Ban đầu mới thành lập hợp tác xã cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhất là tư liệu sản xuất, chính quyền xã đã vận động nhân dân

sở tại giúp đỡ thóc, gạo để bà con đảm bảo sinh hoạt đời sống hàng ngày và giúp tư liệu sản xuất như trâu, cày, bừa để làm đất trồng cấy. Như vậy tính đến năm 1964 xã Trung Lương đã xây dựng được 4 hợp tác xã là Hồng Quang, Quyết Tâm, Cầu Đá và Hồng Lương. Cuối năm 1964 đầu năm 1965 tiếp tục đón một số lượng lớn đồng bào ở các xã Văn Lang, Văn Cẩm, Hồng Minh thuộc huyện Hưng Hà và xã Vũ Trung thuộc huyện Kiến Xương (Thái Bình) lên khai hoang trồng chè ở Trung Lương. Trước khi lên đã thành lập khung hợp tác xã có chi bộ lãnh đạo ngay tại quê đó là hợp tác xã Văn Lương và hợp tác xã Vũ Lương: Hợp tác xã Văn Lương có 21 hộ 170 khẩu, chi bộ có 4 đảng viên do đồng chí Nguyễn Đình Đĩnh làm Bí thư kiêm Chủ nhiệm hợp tác xã, đồng chí Nguyễn Văn Mâu làm phó chủ nhiệm hợp tác xã, đồng chí Tô Quốc Tá làm kế toán. Hợp tác xã Văn Lương chia làm 2 đội sản xuất. Những ngày đầu mới đến còn ở nhờ nhà dân sở tại thời gian 3 tháng, cấp ủy chính quyền xã nhanh chóng khoanh khu đồi thấp thuộc khu vực Suối Tát, Suối Dẫy, đồng thời cấp hơn 200 mẫu đất đồi cho đồng bào khai phá, vận động nhân dân giúp tre, mai, nứa, lá dựng nhà ở thành từng xóm và đặt tên xóm theo tên hợp tác xã, huyện cấp giống chè để đồng bào tiến hành trồng ngay.

Hợp tác xã Vũ Lương có 54 hộ hơn 300 khẩu do ông Ngô Văn Khiêm làm chủ nhiệm sau 3 tháng ông Khiêm chuyển đi thì ông Phạm Văn Giáp lên thay làm chủ nhiệm xã cấp đất ở khu vực Đồi Mả, đồi 10 mẫu, khu Rừng Cấm, đồi 2 mẫu tám và Đèo Đất để đồng bào khai hoang trồng chè. Hai hợp tác xã trồng chè 3 năm đầu chưa được thu hoạch vẫn được Nhà nước phân phối lương thực, khi cây chè được thu hoạch hợp tác xã giao khoán cho xã Viên nộp từ 2 đến 3 tấn chè búp tươi bán cho nhà nước để mua lương thực (theo phân phối từ 13 đến 15kg gạo/lao động chính). Đây là cố gắng của cấp ủy chính quyền xã giải quyết những khó khăn về đời sống, cũng như công ăn việc làm cho đồng bào miền xuôi lên khai hoang. Đồng bào Thái Bình lên phát triển cây chè chuyên canh đã mở ra một nghề mới ở Trung Lương. Quá trình cùng chung sống và lao động những tập quán tốt đẹp của miền xuôi và miền ngược được phát huy, sự hòa hợp đó đã làm tăng thêm tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của một vùng quê cách mạng. Tính đến năm 1965 Trung Lương đã có 6 hợp tác xã trong đó có 4 hợp tác xã trồng lúa và 2 hợp tác xã trồng chè. Từ thực tế hoạt động của các hợp tác xã từ 1961 - 1965 còn bộc lộ một số hạn chế cần khắc phục; trước hết là công tác chỉ đạo

ngay từ những ngày đầu xây dựng hợp tác xã, cấp ủy chính quyền đã nóng vội chỉ đạo xây dựng hợp tác xã theo quy mô liên xóm, địa bàn hợp tác xã quá rộng, ruộng đất phân tán, thêm vào đó đội ngũ cán bộ chủ chốt nhận thức còn hạn chế, giáo điều coi việc tổ chức đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể là mục tiêu chủ yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nên trong tổ chức thực hiện chạy theo phong trào, nôn nóng, phát triển nhanh về số lượng, (gò ép phải đưa 100% nông dân vào hợp tác xã) đồng thời vội vàng ghép 4 hợp tác xã có quy mô liên xóm lại thành một hợp tác xã lớn (hợp tác xã toàn xã) trong khi đó đội ngũ cán bộ trực tiếp điều hành hợp tác xã (ban quản trị) có nhiệt tình, hăng hái nhưng do trình độ văn hóa, trình độ quản lý kinh tế, quản lý lao động còn hạn chế, mọi công việc chỉ thực hiện một cách rập khuôn, máy móc theo sự chỉ đạo từ trên xuống, mà không căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã, dẫn đến xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức lao động chưa sát, phương án ăn chia chưa công bằng hợp lý, quản lý tài sản, công tác tài vụ còn sai sót, chậm được khắc phục. Đối với xã viên tinh thần làm chủ tập thể chưa cao, làm việc một cách thụ động, chỉ chú ý đến số lượng công điểm nên làm dối, làm ẩu. Những mặt yếu trên làm cho hiệu quả kinh tế của các

hợp tác xã thấp, năm nào Đảng bộ cũng phải chi đạo củng cố và điều chỉnh hợp tác xã.

Thực hiện phong trào xây dựng và phát triển "Ba ngọn cờ hồng" ở nông thôn do Trung ương phát động đó là (hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng). Xã Trung Lương thành lập Hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, thu hút được nhiều hộ nông dân tham gia đóng cổ phần. Cửa hàng hợp tác xã mua bán được thành lập từ năm 1961 do ông Nông Văn Khang làm Chủ nhiệm, ông Lý Văn Vóc Phó Chủ nhiệm và 3 nhân viên bán hàng. Hợp tác xã mua bán xã có 2 cửa hàng lẻ, một cửa hàng ở phía Bắc đặt tại khu vực Tân Tiến Do ông Ngô Văn Khóa bán hàng, một cửa hàng ở phía nam đặt tại Cầu Đá do bà Bùi Thị Thản bán hàng. Hợp tác xã mua bán hoạt động theo phương thức nhận những mặt hàng thiết yếu như: dầu hỏa, muối, mắm, xoong nồi, bát đĩa tại mậu dịch quốc doanh huyện mang về phân phối cho nhân dân trong xã, tạo điều kiện cho bà con xã viên có thời gian tập trung vào sản xuất. Hợp tác xã tín dụng huy động đồng tiền nhàn rỗi trong dân bằng hình thức gửi tiết kiệm, mỗi hộ gửi từ 2 đến 5 đồng hợp tác xã tín dụng có vốn luân chuyển từ 300 đến 400 đồng, khi hộ xã viên có nhu cầu vay vốn thì cán bộ tín dụng ra ngân hàng rút tiền về cho vay. Mặc dù hoạt

động của 2 tổ chức này hiệu quả chưa cao, nhưng đáp ứng phần nào nhu cầu đời sống của nhân dân và theo phong trào chung của huyện, Đảng bộ Trung Lương cũng đã thành lập được đủ các loại hình hợp tác xã.

Về giáo dục, cùng với chăm lo phát triển kinh kế, ổn định đời sống nhân dân, sự nghiệp giáo dục được cấp ủy, chính quyền quan tâm. Năm học 1957 - 1958, tại Trung Lương mới có một phân hiệu của trường cấp I Trung Hội do Thầy Ma Văn Tác phụ trách với 90 học sịnh (từ lớp 1 đến lớp 3) địa điểm đặt tại Nạ Lèo - Đồng Ẻn, đến năm học 1959 - 1960 phân hiệu này tách khỏi trường cấp I Trung Hội thành lập trường cấp I Trung Lương, trường lớp do nhân dân đóng góp xây dựng, tuy là cột gỗ mái lá, phên nứa, bàn học bằng tre, ghế ngồi bằng gỗ tròn nhưng khuôn viên rộng rãi, gọn sạch đúng với quy cách của một trường học thời bình, Trường có 5 giáo viên do thầy giáo Ma Văn Tác làm hiệu trưởng. Đến năm học 1960 - 1961 tổng số học sinh của trường có 120 em chia làm 4 lớp (từ lớp 1 đến lớp 4).Các em học xong lớp 4 lên cấp II chuyển đi học ở các trường cấp II Thanh Bình (Định Biên) một số xuống trường cấp II Bình Thành học. từ 1963 - 1964 số học sinh của trường tăng lên 350 em, chia làm 8 lớp (3 lớp 1, 2 lớp 2, 2 lớp 3, 1 lớp 4) do thầy Ma Văn Phẩm làm hiệu trưởng.

Mặc dù điều kiện dạy học, đời sống giáo viên rất khó khăn nhưng với lòng yêu nghề mến trẻ các thầy cô giáo vẫn hăng say với nhiệm vụ dạy dỗ học sinh.

Phong trào bổ túc văn hóa cũng được giữ vững, từ năm 1959 các năm 1960, 1962 gặp nhiều khó khăn nhưng được giáo viên trường cấp I đến các hợp tác xã trực tiếp giảng dạy vào buổi trưa, buổi tối nên số học viên là xã viên và cán bộ xã đi học đều đặn. Sau 5 năm học tập hầu hết nhân dân trong xã đã đọc thông viết thạo, trong đó đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt trình độ văn hóa được nâng lên, nhiều đồng chí đã hoàn thành chương trình lớp 4. Từ thành tích đó tổng kết công tác bổ túc văn hóa 5 năm (1960 - 1965) xã Trung Lương được Bộ giáo dục tặng bằng khen.

Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, những năm đầu hòa bình lập lại xã chỉ có một cán bộ y tế là ông Nguyễn Duy Tòng. Nhiệm vụ chủ yếu là hướng dẫn nhân dân thực hiện tốt phong trào "3 sạch, 4 diệt", vệ sinh nơi công cộng và kiểm tra đôn đốc nhân dân phát quang bụi rậm quanh nhà, khơi thông cống rãnh diệt muỗi, phòng sốt rét, ăn chín, uống sôi. Năm 1960 Ủy ban hành chính xã huy động các hợp tác xã đóng góp vật liệu và công sức dựng 3 gian nhà gỗ tại khu vực xóm Bình Định làm trạm xá xã. Trạm có 3 giường bệnh do

ông Nguyễn Duy Tòng làm trạm trưởng, bà Phạm Thị Đào y tá (hộ lý) . Đến năm 1965, ông Triệu Văn Vân làm Trạm trưởng. Trạm y tế xã phối hợp với trạm y tế huyện khám bệnh, phát thuốc chống sốt rét cho nhân dân, xuống từng gia đình phun thuốc DDT diệt muỗi, rận, rệp, và làm nhiệm vụ điều trị những bệnh thông thường cho nhân dân, giúp xã chỉ đạo phong trào vệ sinh yêu nước.

Công tác tuyên truyền cổ động được duy trì thường xuyên, mỗi xóm có một thông tin viên, vào buổi tối hàng tuần dùng loa tay truyền đi bản tin phản ánh khí thế thi đua lao động sản xuất ở các hợp tác xã. Đồng thời tuyên truyền phổ biến đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn dân.

Đời sống văn hóa tiếp tục được nâng lên, phong trào thể dục thể thao phát triển, đội bóng đá ở các hợp tác xã được thành lập. Buổi chiều sau giờ làm việc thanh niên đến sân trường hoặc tận dụng những đám ruộng bằng phẳng tập đá bóng, các hợp tác xã tổ chức thi đấu giao hữu trong những ngày lễ, tết. Năm 1964 đội tuyển bóng đá xã Trung Lương tham gia thi đấu ở huyện, tuy chưa đạt giải những đã thể hiện được phong trào thể dục thể thao có bước phát triển đáng kể. Cùng với phong trào thể dục thể thao, các hợp tác xã đều thành lập đội văn nghệ quần chúng, điển hình là Đội văn nghệ hợp

tác xã Văn Lương, Vũ Lương, Hồng Quang bằng những tiết mục tự biên tự diễn, những làn điệu dân ca bằng tiếng Tày, Nùng, Kinh hòa quyện vào nhau trong những đêm biểu diễn, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, tạo được khí thế vui tươi trong lao động sản xuất, xây dựng đời sống mới. Đội văn nghệ xã Trung Lương tham gia các đợt hội diễn văn nghệ của huyện đều đạt giải.

Phong trào xây dựng đời sống mới trong việc cưới, việc tang, giữ gìn vệ sinh chung được cấp ủy thường xuyên quan tâm, giao cho đoàn thanh niên và các đoàn thể làm nòng cốt vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện, cưới xin, tang hiếu theo quy ước mới, qua quá trình thực hiện xóa bỏ dần các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nếp sống văn hóa mới được xác lập, ý thức con người mới xã hội chủ nghĩa được hình thành trong các tầng lớp nhân dân.

Về An ninh - Quốc phòng, lực lượng dân quân thường xuyên được củng cố, hàng năm huấn luyện theo phương án tác chiến đã được Ban chỉ huy quân sự huyện thông qua, không ngừng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Phối hợp chặt chẽ với Lực lượng công an tăng cường tuần tra canh gác, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khi cần cấp trên có thể điều động đi làm nhiệm vụ. Năm 1959 huyện Định

Hóa được Bộ Quốc phòng chọn triển khai thí điểm công tác tuyển quân theo luật nghĩa vụ quân sự mới ở miền núi. Thực hiện nhiệm vụ trên Chi bộ Trung Lương đã thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã và chỉ đạo tổ chức thống kê số nam thanh niên từ 18 đến 45 tuổi cử đi khám tuyển, trong đợt đầu thực hiện luật nghĩa vụ quân sự 3 người đã trúng tuyển. Trong 5 năm từ 1955 đến năm 1959 xã Trung Lương đã có 32 thanh niên nhập ngũ tham gia bộ đội thường trực bảo vệ Tổ quốc.

Kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bằng sự nỗ lực của mình, biết khai thác thuận lợi và huy động được sức mạnh vật chất, tinh thần của toàn dân, Chi bộ xã Trung Lương đã bước đầu xây dựng được cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, xác lập và hoàn thiện dần cơ cấu kinh tế - nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.

II. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho chiến trường đánh Mỹ (1965 - 1975)

Sau khi triển khai kế hoạch: "chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến" theo tinh thần Chỉ Thị số 01/CT ngày 8 tháng 7 năm 1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái về những biện pháp cơ bản của

công tác phòng không nhân dân, chuẩn bị thực hiện triệt để Nghị quyết 11 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ leo thang trên địa bàn toàn tỉnh, tháng 6/1965 tại xã Trung Lương một không khí vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu diễn ra sôi nổi, công tác tổ chức được điều chỉnh, sắp xếp theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ, nếp sống quân sự hóa được quán triệt đến toàn dân, đến từng hợp tác xã, từng thôn bản và trường học. Hệ thống hầm hào được xây dựng quanh cánh đồng, trụ sở nơi làm việc của xã, của ban quản trị hợp tác xã, dọc đường đi quanh các xóm bản, trường học và từng nhà dân. Các hợp tác xã thành lập trạm gác "phòng không" luôn có người canh trực, khi có máy bay hoạt động, dùng kẻng báo động cho mọi người biết để phòng tránh. Các trường học sơ tán vào ven khu rừng xóm Hòa Bình, Thẩm Lậc, Khuổi Chẹo xã đã huy động các hợp tác xã đóng góp tre, gỗ, lá cọ và nhân lực dựng tạm lớp học cho giáo viên và học sinh tiếp tục học tập tại các địa điểm an toàn. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho nhân dân. Lực lượng dân quân được tổ chức, biên chế thêm 1 trung đội cơ động do đồng chí Nguyễn Hải Nguyên xã đội phó trực tiếp chỉ huy, đồng chí Nguyễn Đình Đĩnh là chính trị viên trưởng, bà Hoàng Thị Đến chính trị viên

phó trong đó có 1 tiểu đội trực chiến, 1 tiểu đội tiếp tế, hậu cần, 1 tiểu đội tải thương. Lực lượng tại chỗ có 6 tiểu đội ở 6 hợp tác xã, phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an tuần tra canh gác bảo vệ tài sản của hợp tác xã, của nhân dân và là lực lượng trực tiếp sản xuất, khi xẩy ra chiến sự thì hướng dẫn nhân dân sơ tán, kiểm soát các vị trí theo phương án đã định. Sau một thời gian tích cực chuẩn bị đến cuối năm 1965 cấp ủy, chính quyền và nhân dân Trung Lương đã hoàn thành công tác triển khai thế trận mới, thế trận chiến tranh nhân dân sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu với kẻ thù xâm lược bảo vệ quê hương. Thời gian này một đơn vị bộ đội tình nguyện Trung Quốc đến Trung Lương, Huyện đã chỉ đạo Ban chỉ huy xã đội bố trí khu vực Khảu Hà để đơn vị bạn xây dựng 6 ụ pháo phòng không. Tại xóm Lê Lợi là nơi thành lập Trung đoàn công binh kiến trúc 299 đây là một đơn vị kỹ thuật mới với chức năng xây dựng công trình cơ bản chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, đơn vị đã được đảng bộ và nhân dân giúp đỡ xây dựng lán trại bảo vệ bí mật nơi đóng quân.

Để tăng cường sức người, sức của cho các chiến trường đánh Mỹ, xây dựng hậu phương vững mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế được coi

là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân xã Trung Lương. Từ nhận thức đó, vận dụng Nghị quyết Trung ương V (khóa III) về "phát triển nông nghiệp miền núi ", học tập kinh nghiệm của hợp tác xã Thành Công (Đại Từ), năm 1965, Đảng ủy đã đề ra nhiệm vụ trước mắt trong những năm 1965 - 1968 là: Sắp xếp lại tổ chức các hợp tác xã cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng và tổ chức Đại hội xã viên bàn phương án mở rộng sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, chấn chỉnh lại công tác quản lý tài vụ, quản lý điều hành các khâu sản xuất. Các hợp tác xã được củng cố về tổ chức, đưa phong trào thi đua lao động sản xuất lên cao trào mới, với khẩu hiệu! "mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt" được cụ thể hóa bằng hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân. Công tác quản lý, điều hành sản xuất theo chế độ "ba khoán, ba quản" là động lực kích thích lòng hăng say lao động của xã viên, vì lợi ích của người lao động được chú ý, việc phân phối sản phẩm công bằng hơn, từ đó thu nhập của xã viên ngày càng tăng, đời sống được cải thiện. Trong phong trào thi đua "vừa sản xuất, vừa chiến đấu" những năm 1967, 1968 các hợp tác xã đã huy động hàng nghìn ngày công lao động của xã viên củng cố lại hệ thống thủy lợi; các hợp tác xã đã đắp

và sửa chữa các vai, đập, hồ Đầm Du Kích, hồ Thẩm Lạ, Thẩm Lậc và sửa chữa nạo vét hàng nghìn mét mương chủ động nước tưới cho hơn 100 mẫu thuộc các cánh đồng. Các biện pháp kỹ thuật thâm canh được áp dụng như làm cỏ sục bùn 2 lần, dùng phân hữu cơ bón thúc đúng với từng thời kỳ sinh trưởng của cây lúa. Nhờ đó năng suất bình quân cả năm tăng từ 85kg/sào năm 1966 lên 100kg/sào năm 1967. Năm 1968 là năm thực hiện cuộc vận động chính trị tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược do Tỉnh ủy phát động, các hợp tác xã Hồng Quang đạt năng suất 5 tấn thóc/ha. Cả xã Trung Lương đạt bình quân 4 tấn/ha.

Hợp tác xã chuyên canh chè Văn Lương, Vũ Lương đã cải tiến cách quản lý, phân lô, phân thửa, khoán cho các nhóm lao động. Lương thực được phân phối theo kết quả lượng chè búp tươi bán cho Nhà nước. Công lao động của xã viên tính ra tiền sau thu hoạch, trừ tiền mua lương thực theo định xuất, hộ thừa công điểm được thanh toán bằng tiền, nhờ đó đã khuyến khích được xã viên trồng chè tích cực chăm bón đúng kỹ thuật, thu hái kịp thời vụ, làm cho sản lượng chè mỗi năm một tăng, năm 1968 lượng chè búp tươi bán cho Nhà nước là 20 tấn đến năm 1970 đạt 30 tấn. Thành tích đạt được

trong chỉ đạo tổ chức lại sản xuất của Đảng bộ bước đầu đạt được kết quả đáng ghi nhận, mặc dù hiệu quả các ngành chăn nuôi trồng màu và phát triển một số ngành nghề còn gặp nhiều khó khăn lúng túng nhưng đã đạt được những chuyển biến tích cực, tạo điều kiện để Trung Lương phát triển cho những năm tiếp theo. Được sự chỉ đạo của trên tháng 12 năm 1970 Ủy ban hành chính xã đã chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành Đại hội xã viên bàn phương hướng phát triển sản xuất và bầu Ban quản trị mới:

- Hợp tác xã Hồng Quang do ông Nguyễn Đình Chức làm chủ nhiệm.

- Hợp tác xã Quyết Tâm do ông Trần Kim Lăng làm chủ nhiệm.

- Hợp tác xã Cầu Đá do ông Nguyễn Văn Nam làm chủ nhiệm.

- Hợp tác xã Hồng Lương do ông Nguyễn Văn Chư làm Chủ nhiệm.

- Hợp tác xã Văn Lương Do ông Nguyễn Văn Mâu làm chủ nhiệm.

- Hợp tác xã Vũ Lương do ông Phạm Văn Giáp làm chủ nhiệm.

Ngoài các đội sản xuất lúa, chăn nuôi, các hợp tác xã căn cứ điều kiện cụ thể, tổ chức thêm tổ nung vôi, làm gạch, thả cá.v.v...

Sau khi ổn định tổ chức các hợp tác xã bắt tay vào cải tạo ruộng đồng, những mảnh ruộng nhỏ phá bờ đi để thành các thửa ruộng lớn, bờ vùng bờ thửa được kiến thiết lại theo tiêu chuẩn (bờ thửa rộng 0,5m, bờ vùng rộng 4m) mỗi hợp tác xã có một hội trường, trụ sở làm việc của Ban quản trị, một kho chứa thóc và 1 sân kho. Xã còn huy động 6 tiểu đội dân quân làm nòng cốt cùng với các gia đình xã viên, chia làm nhiều đợt, thay nhau xây dựng mở rộng các tuyến đường từ các cánh đồng về sân kho các đội, từ trụ sở Ủy ban hành chính xã đi các xóm Có hệ thống đường giao thông thuận tiện, các hợp tác xã đã bỏ kinh phí mua xe cải tiến chở phân ra ruộng, mùa gặt chở thóc về sân kho. Sau một năm thực hiện nghị quyết Đại hội, bộ mặt nông thôn Trung Lương có nhiều đổi thay, ý thức làm chủ tập thể của xã viên được nâng lên, chất lượng lao động tăng lên đáng kể.

Về sản xuất lúa, những năm 1969, 1970 mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp mưa nhiều gây lụt lớn đã phá vỡ nhiều nhiều vai, đập nhỏ và hệ thống mương máng. Các hợp tác xã đã huy động hàng nghìn công lao động để khắc phục đảm bảo nước tưới cho các cánh đồng

kịp vụ gieo cấy. Từ năm 1971 xã Trung Lương chuyển toàn bộ diện tích sang cấy các giống lúa Nông nghiệp 8, Chân châu lùn, Mộc tuyền, ... là giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, đồng thời áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như xử lý thóc giống bằng lò thúc mầm 54^0c, cấy chăng dây thẳng hàng, bón đủ từ 4 đến 5 tấn phân các loại cho 1 mẫu đất canh tác, điều tiết nước hợp lý từ khi gieo cấy đến thời kỳ sinh trưởng, nên sản lượng lương thực liên tục tăng từ 520 tấn năm 1970 lên 610 tấn năm 1974, vụ xuân năm 1975 đạt 310 tấn. Từ đó việc đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước xã Trung Lương luôn hoàn thành vượt mức trên giao. Những năm 1971, 1972 nộp thuế 45 tấn, bán nghĩa vụ 50 tấn. Từ năm 1974, 1975 với tinh thần tất cả để giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, xã Trung Lương đã huy động 70 tấn nộp cho Nhà nước. Vụ xuân năm 1975 Đảng bộ phát động các hợp tác xã, các đoàn thể và xã viên ủng hộ miền Nam 30 tấn thóc. Từ 1970 - 1975 xã Trung Lương năm nào cũng hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước và được Ủy ban hành chính tỉnh tặng bằng khen. Ngoài ra đầu năm 1975, huyện phát động phong trào dốc toàn bộ sức người, sức của cho giải phóng hoàn toàn miền Nam xã đã phát động nhân dân ủng hộ mỗi gia đình 20 kg thóc, tổng số đạt 15 tấn.

Về Chăn nuôi theo định hướng của Đảng ủy, Chi bộ đã vận động các tầng lớp nhân dân phát triển chăn nuôi trâu, lợn, gia cầm bán nghĩa vụ cho Nhà nước, đồng thời lãnh đạo các hợp tác xã nông nghiệp mở rộng chăn nuôi lợn tập thể, tập trung củng cố chuồng trại, tăng thêm nhân lực thành lập tổ trồng màu chuyên làm thức ăn cho lợn, mỗi cơ sở nuôi từ 60 đến 100 con, 2 hợp tác xã Cầu Đá, Hồng Quang còn phân khu nuôi lợn sinh sản cung cấp giống cho các gia đình xã viên. Cả 3 trại chăn nuôi tập thể mỗi năm xuất chuồng 5 tấn lợn hơi và hàng trăm con lợn giống. Cùng với gần 300 hộ gia đình xã viên hoàn thành chỉ tiêu mỗi năm từ 20 đến 25kg lợn hơi/lao động chính, ngoài ra bán theo giá khuyến khích từ 8 đến 10 tấn. Đàn trâu được các gia đình chăm sóc béo khỏe, mỗi năm sinh sản thêm từ 40 đến 50 con. Tổng số đàn trâu luôn giữ ở mức 600 con, mỗi năm cung cấp cho cửa hàng Nhà nước từ 5 đến 10 con trâu thịt và hàng tấn gà, vịt. Các hợp tác xã còn tận dụng ao hồ để thả cá mỗi năm thu hoạch trên 2 tấn cung cấp cho đời sống xã viên.

Về phát triển ngành nghề, mỗi hợp tác xã có một tổ nung vôi, làm gạch mỗi năm cung cấp hàng chục tấn vôi bột cho hợp tác xã bón ruộng, hàng chục vạn viên gạch cho xây dựng chuồng trại, làm sân kho, nhà kho hợp tác

xã và bán cho xã viên. Nhìn chung xây dựng ngành nghề ở Trung Lương chỉ tổ chức theo phong trào, hiệu quả kinh tế thấp một số ngành nghề hoạt động trong thời gian ngắn phải giải thể. Mặc dù Đảng bộ đã có nghị quyết xây dựng kinh tế nông nghiệp phát triển toàn diện với nhiều ngành nghề bổ sung hỗ trợ cho nhau, nhưng trên thực tế ở các hợp tác xã chỉ chú trọng vào sản xuất cây lúa, cây chè còn chăn nuôi, trồng màu phát triển chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của xã, các ngành nghề như nung vôi, làm gạch, các hợp tác xã chỉ coi là nghề phụ nên khoán trắng cho các đội dẫn đến hiệu quả kinh tế chưa cao. Nguyên nhân là do đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã còn lúng túng trong quản lý điều hành, trình độ xây dựng kế hoạch sản xuất chỉ mới tập trung vào trồng lúa, cây chè theo từng thời vụ. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tài chính chưa chặt chẽ còn nhiều sơ hở. Tình trạng trên làm cho phong trào hợp tác xã ở Trung Lương phát triển chưa toàn diện và chưa vững chắc. Mặt khác thời kỳ này cấp trên đề ra chủ trương phân phối lương thực theo công thức "tối thiểu 13, tối đa 18" cũng gây ra những khó khăn cho cơ sở, theo quy định này mỗi nhân khẩu chỉ được phân phối lương thực tối thiểu là 13 kg, tối đa là 18 kg thóc/tháng (trẻ con và người già thì ít hơn) đây là cách phân phối bình quân,

ngoài việc khống chế mức tối đa còn phải điều hòa từ nơi thừa sang nơi thiếu. Cách làm này không động viên được người lao động hăng say sản xuất, nhiều gia đình xã viên, có nhiều nhân lực họ chỉ làm đủ số công điểm theo mức lương thực được phân phối, còn lại tập trung công sức phát nương, rẫy trồng lúa, hoặc làm những việc khác để tăng thu nhập, hợp tác xã không quản lý được.

*

* *

Xã Trung Lương không có nhiều mục tiêu kinh tế, chính trị, quân sự trọng điểm nhưng nằm trên trục đường từ Quán Vuông - Bình Thành đi Phú Minh (Đại Từ) và là trục đường chính đi các xã phía nam của huyện. Là nơi đơn vị bộ đội Trung Quốc tình nguyện giúp Việt Nam đánh Mỹ bố trí trận địa và là địa điểm sơ tán của các Trường Đại học Bắc Thái, nên cấp trên yêu cầu Đảng bộ xã lãnh đạo lực lượng vũ trang và nhân dân tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao. Ban chỉ huy xã đội được kiện toàn cho đủ 4 chức danh; xã đội trưởng, xã đội phó, chính trị viên trưởng, chính trị viên phó. Công tác huấn luyện quân sự được triển khai thành nhiều đợt, Huyện đội cử cán bộ xuống huấn luyện cho

cán bộ từ tiểu đội trở lên về phương pháp hiệp đồng tác chiến bắn máy bay bay thấp và huấn luyện cho các chiến sĩ về động tác sử dụng thành thạo súng trung liên. Năm 1967 theo yêu cầu của Huyện, xã Trung Lương cử 120 dân quân thành lập một đại đội do ông Nguyễn Văn Tiếp làm đại đội trưởng chở nguyên vật liệu đến khu núi đá xã Nghĩa Đô huyện Phú Lương xây dựng 3 nhà ngoại vụ cho bộ đội tình nguyện Trung Quốc, hoàn thành trước thời hạn 15 ngày. Từ năm 1967, máy bay Mỹ liên tục ném bom xuống 10 xã trên huyện Định Hóa. Mặc dù ở Trung Lương những năm này chưa bị đánh phá nhưng với tinh thần nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, lực lượng vũ trang của xã thường xuyên được củng cố, các năm từ 1969 đến năm 1971 dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy công tác huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật cho dân quân được triển khai rộng khắp, 100% cán bộ từ tiểu đội trở lên đã được tập huấn tại cơ quan quân sự huyện, trở về xã vừa chỉ huy tác chiến vừa tổ chức huấn luyện cho các chiến sĩ dân quân, năm nào cũng đạt kết quả cao. Năm 1972 đế quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra miền Bắc, nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Bắc Thái bị đánh phá ác liệt. Để chủ động đối phó với máy bay mỹ bắn phá vào địa bàn, xã Trung Lương được huyện trang

bị 2 đại liên, tăng thêm 10 khẩu K44 và 2 cơ số đạn, khẩn trương xây dựng trận địa phòng không tại khu vực Khảu Tồ, đôn đốc các xóm bản, các hợp tác xã sửa sang, củng cổ, đào thêm hầm hào để phòng tránh, các bộ phận ứng cứu tải thương chuẩn bị dụng cụ thuốc men sẵn sàng làm nhiệm vụ khi cần thiết, trận địa bắn máy bay ở Khảu Tồ được đào đắp lại kiên cố, canh trực suốt ngày đêm. Cuối năm 1972, chiến sự diễn ra ác liệt trên nhiều địa bàn huyện Định Hóa gây nhiều thiệt hại về người và tài sản. Ngày 6/10/1972, máy bay Mỹ ném bom trúng kho thóc của Nhà nước tại Quán Vuông xã Trung Hội, ngay khi máy bay Mỹ còn đang gầm rú, ném bom xuống các nơi khác, xã Trung lương đã điều 2 trung đội cơ động đến ứng cứu cùng dân quân xã Trung Hội dập lửa cứu 900 tấn thóc khỏi vùng nguy hiểm. Tiếp đó suốt từ chiều ngày mùng 6 đến sáng 7/10/1972 dân quân Trung Lương cùng các xã đã chuyển toàn bộ số thóc đến nơi an toàn. Cùng ngày máy bay Mỹ đã ném 12 quả bom xuống khu vực trường cấp II (Thẩm lậc và Khuổi Chẹo) nhưng do cán bộ giáo viên, học sinh các trường làm tốt công tác phòng không nhân dân, đào hầm hào phòng tránh đầy đủ, chắc chắn, nên chỉ có một em bị thương nhẹ (Nông Thị Thay 11 tuổi), không xảy ra thiệt hại về người. Ngay sau đó lực lượng dân quân của xã có sự

hướng dẫn của cán bộ chuyên môn ở Huyện đội, đã nhanh chóng khắc phục hậu quả, bảo đảm an toàn để nhân dân an tâm sản xuất. Sau trận giặc Mỹ ném bom xuống địa bàn, Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã đã kịp thời rút kinh nghiệm, ổn định tư tưởng nhân dân tiếp tục củng cố hầm hào phòng tránh, triệt để thực hiện nếp sống quân sự hóa, duy trì cuộc sống lao động bình thường, mọi người dân đều vững vàng không hoang mang giao động. Lực lượng dân quân đặt dưới sự chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự thống nhất, được tổ chức chặt chẽ, huấn luyện đầy đủ đã phát huy được vai trò nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ tại chỗ, tham gia sản xuất và sẵn sàng chiến đấu cao.

Công tác tuyển quân xã Trung Lương là một trong những xã của huyện thường xuyên hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao, theo tinh thần "thóc không thiếu một cân quân không thiếu một người" Đảng ủy đã giao nhiệm vụ cho Ban chỉ huy xã đội, thường xuyên thống kê nắm vững số thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ, sẵn sàng huy động vào quân đội với mức độ cao nhất. Từ đó tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ phối hợp với Ban chấp hành đoàn thanh niên lao động, các đoàn thể tổ chức cho thanh niên học tập tình hình nhiệm vụ cách mạng. Quán triệt sâu sắc 2

nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, quyền lợi và nghĩa vụ người thanh niên. Hưởng ứng cuộc vận động "ba sẵn sàng" (sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu khi Tổ quốc cần) thanh niên nô nức đăng ký tình nguyện nhập ngũ. Từ năm 1965 đến năm 1968, liên tục trong nhiều đợt tuyển quân toàn xã đã có 60 Thanh niên lên đường đánh giặc. Ngày nhập ngũ Đảng ủy, chính quyền, các đoàn thể, đại diện các tầng lớp nhân dân đến từng gia đình tặng quà động viên, ngày giao quân thực sự là ngày hội của tuổi trẻ xã Trung Lương. Với những thành tích xuất sắc trên, xã Trung lương được Ủy ban hành chính tỉnh tặng giấy khen. Và năm 1971, Đảng bộ và nhân dân xã Trung lương được Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng III về thành tích xuất sắc trong phong trào tòng quân chống Mỹ cứu nước.

Trong 10 năm từ 1965 đến 1975, Trung Lương đã huy động gần 300 thanh niên lên đường chiến đấu trên khắp mọi nẻo đường đánh giặc từ Bắc vào Nam đến chiến trường nước bạn Lào, Căm Pu chia, các chiến sĩ từ quê hương Trung Lương ra đi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Cùng với công tác động viên thanh niên lên đường đánh Mỹ, Đảng bộ,

chính quyền, các đoàn thể đã thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, các gia đình có người đi bộ đội, thanh niên xung phong, gia đình liệt sĩ neo đơn được hợp tác xã điều hòa lương thực đảm bảo với mức sống chung ở địa phương. Được ưu tiên mua các mặt hàng thiết yếu do nhà nước phân phối. Những gia đình của cán bộ chiến sĩ chiến đấu ở chiến trường miền Nam, các nước bạn Lào, Căm Pu Chia có trợ cấp của Nhà nước được các ngành chức năng cấp phát đúng, đủ, kịp thời. Mỗi khi có giấy báo tử về địa phương, Đảng ủy đã chỉ đạo Ủy ban hành chính phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức lễ truy điệu trọng thể, tuyên dương công lao, phát động toàn dân học tập gương hy sinh vì dân vì nước của liệt sĩ, gia đình liệt sĩ được chăm sóc chu đáo. Thực hiện cuộc vận động "toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội", do Huyện ủy Định Hóa phát động, theo tinh thần nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Trung Lương một mặt động viên cán bộ, nhân dân toàn xã bằng hành động thiết thực chăm sóc, giúp đỡ các gia đình chính sách, động viên khích lệ thanh niên hăng hái lên đường tòng quân, không có trường hợp đảo ngũ hoặc trốn tránh nhiệm vụ. Với tinh thần cách mạng tiến công, Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ số lượng, đảm bảo chất lượng

chính trị, kỹ thuật quân sự làm nòng cốt trong lao động sản xuất, phối hợp với lực lượng Công an giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương. Trong chiến tranh ác liệt, xã Trung Lương luôn là một trong những xã dẫn đầu phong trào thực hiện có hiệu quả công tác quân sự địa phương ở huyện Định Hóa. Lực lượng vũ trang xã Trung Lương từ năm 1970 đến năm 1975 liên tục đạt danh hiệu đơn vị quyết thắng.

Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, cụ thể hóa Nghị quyết số 39 NQ/TU ngày12 tháng 3 năm 1967 của Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái "về bảo vệ trật tự trị an thời chiến" Đảng bộ một mặt triển khai học tập cho đảng viên, tuyên truyền cho nhân dân nắm được âm mưu thủ đoạn chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của đế quốc Mỹ và bọn phản động trong nước, nhằm chống phá đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống Mỹ cứu nước của Đảng và nhân dân ta. Từ đó yêu cầu cán bộ và nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác phát hiện những hành động khác thường báo cáo với công an xã, để kịp thời xử lý, mặt khác củng cố, hoàn thiện thêm một bước, lực lượng công an bao gồm Ban Công an xã có 3 thành viên do đồng chí Ma Văn Quế làm trưởng ban, với 21 chiến sĩ chia thành 6 tổ ở 6 hợp tác xã và một tổ trực thuộc Ủy ban hành chính xã, lực lượng này do đồng chí

Ma Văn Quế trực tiếp phụ trách. Các tổ công an ngoài nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản của hợp tác xã, tài sản của nhân dân còn có nhiệm vụ theo dõi những hành động chống phá của bọn phản động và sẵn sàng xử lý các tình huống theo điều động của Ban công an xã. Những năm 1966, 1967 một số phần tử xấu ngấm ngầm đến Trung Lương tuyên truyền xúi dục một số gia đình xã viên ở các xóm, bản làm đơn xin ra hợp tác xã, nói xấu lãnh đạo xã, huyện, vận động họ vào "Hội Nông dân Liên hiệp Việt Nam". Đây là tổ chức phản động do Lường Văn Dư và Ma Khánh Hiệu tổ chức cầm đầu, chúng đã nhen nhóm từ năm 1963 và có cơ sở ở 9 xã thuộc 2 huyện Phú Lương và Định Hóa. Nhưng với tinh thần cảnh giác, dựa vào "tai mắt" của nhân dân công an xã Trung Lương đã cử người theo dõi chặt chẽ mọi hoạt động của chúng, đồng thời báo cáo với Đảng ủy và lãnh đạo Công an huyện ngăn chặn kịp thời không để chúng có cơ hội hoạt động do đó tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại Trung Lương được giữ vững.

Về giáo dục phổ thông được duy trì và phát triển, số lượng học sinh luôn giữ ở mức từ 320 - 380 em. Để đảm bảo cho con em được học tập trường phân tán thành từng lớp nhỏ trong rừng để tránh máy bay địch, năm học 1966 - 1967 Trường cấp I sơ tán vào các khu

rừng ở Khuẩn Hấu, Khảu Quảng và xóm Tân Vinh, số lượng học sinh đến trường không giảm sút; năm học 1966 - 1967 có 350 học sinh, chia thành 8 lớp (3 lớp 1, 2 lớp 2, 2 lớp 3 và 1 lớp 4). Số học sinh học hết cấp I ở xã ngày càng đông, để tạo điều kiện cho các cháu học hết cấp I không phải đi học xa, năm 1967 được sự chỉ đạo của ngành giáo dục huyện Cấp ủy, chính quyền 2 xã Trung Hội và Trung Lương đã bàn bạc thống nhất quyết định thành lập trường cấp II Lương Hội (địa điểm tại Thẩm Lậc, 3 năm sau trường lại chuyển ra địa điểm mới thuộc khu vực xóm Trung Kiên rút số học sinh của xã đang theo học ở Trường cấp II Thanh Bình và trường cấp II Bình Thành về cùng với số học sinh của xã Trung Hội đến học. Số lượng học sinh 230 em, tổ chức thành 5 lớp (2 lớp 5, 2 lớp 6, 1 lớp 7). Trường có 7 giáo viên do ông Lục Văn Lần làm Hiệu trưởng, đến năm 1972 - 1973 tăng lên 280 học sinh và 10 thầy cô giáo. Các thầy cô giáo đã vượt mọi khó khăn với tinh thần "bám trường, bám lớp" duy trì phong trào "2 tốt" (dạy tốt, học tốt) nên chất lượng vẫn giữ được ở mức trung bình, không có học sinh bỏ học, số học sinh lên lớp từ 70 - 75%. Các lớp bổ túc văn hóa được duy trì đều đặn ở các hợp tác xã, vào buổi trưa, buổi tối cán bộ, xã viên tích cực học tập. Từ năm 1968 đến năm

1973 phòng giáo dục huyện tổ chức sát hạch, 100 lượt cán bộ xã, cán bộ quản trị hợp tác xã và xã viên được cấp giấy chứng nhận thanh toán xong chương trình cấp I. Các nhà trẻ ở các đội sản xuất của hợp tác xã cũng phải sơ tán vào khu vực an toàn, người nuôi dạy trẻ do hợp tác xã cử xã viên phụ trách và được trả công điểm như xã viên trực tiếp sản xuất (mỗi ngày 10 điểm), các cháu ở nhà trẻ được trông nom chăm sóc chu đáo, tạo điều kiện để chị em phụ nữ yên tâm sản xuất, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Về văn hóa được Đảng bộ, chính quyền quan tâm chỉ đạo, Hội đồng nhân dân xã đã thông qua quy ước về việc cưới, việc tang tổ chức đơn giản, tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với điều kiện chiến tranh, được nhân dân tích cực thực hiện. Phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ phát triển, các đội bóng đá của xã vẫn được duy trì thường xuyên thi đấu giao hữu giữa các hợp tác xã. Các đội văn nghệ ở các hợp tác xã thường xuyên luyện tập vào ngày lễ, ngày tết hoặc tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ, xã đã tổ chức biểu diễn văn nghệ lôi cuốn được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, với các tiết mục tự biên tự diễn bằng các làn điệu dân gian của các dân tộc, cùng các bài ca cách mạng, đã tạo được khí thế vui tươi, lành mạnh trong lao động sản xuất và xây dựng đời

sống mới. Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ "tiếng hát át tiếng bom" là sự cổ vũ, động viên của nhân dân.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cấp ủy, chính quyền chăm lo. Năm 1967, trạm y tế xã được Ủy ban hành chính xã quyết định cho xây dựng ở khu vực Đồng Ẻn một nhà cột gỗ lợp lá cọ, có 3 giường bệnh, 1 phòng hộ sinh, với 3 nhân viên y tế trong đó 1 trạm trưởng. Mặc dù trạm còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về thuốc men, dụng cụ chữa bệnh, nhưng đối với các bệnh thông thường như chị em phụ nữ sinh nở đã không phải đưa lên tuyến huyện. Trong khó khăn thiếu thốn, cán bộ nhân viên y tế xã thay nhau trực và phục vụ người bệnh chu đáo, tận tình .

Công tác xây dựng Đảng, nhận thức đầy đủ về vai trò lãnh đạo của Đảng trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy thử thách và gay go quyết liệt, Đảng bộ dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Định Hóa đã tập trung mọi nỗ lực tổ chức cho cán bộ, Đảng viên học tập, quán triệt về phương hướng thực hiện 3 chỉ thị, nghị quyết, trong đó 2 nghị quyết quan trọng của Trung ương đó là: Nghị quyết 195 nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Chỉ thị 192 đưa những đảng viên không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng và

Nghị quyết 09 của Huyện ủy thực hiện Chỉ thị 50 của Tỉnh ủy Bắc Thái về "xây dựng địa bàn vững mạnh". Đây là cuộc sinh hoạt chính trị lớn, nhằm nâng cao nhận thức kiên định, lập trường tư tưởng cho đảng viên, nâng cao trình độ lãnh đạo của các chi bộ, cải tiến nội dung hình thức hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng cho sát với tình hình thực tế ở địa phương. Trong học tập từng chi bộ, từng đảng viên tự kiểm điểm ưu, khuyết điểm của tổ chức và cá nhân. Thông qua sự góp ý chân thành đối với từng cán bộ đảng viên. Đảng ủy đối chiếu với nội dung của cuộc vận động đánh giá chất lượng đảng viên và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng chi bộ, trên cơ sở đó, định ra phương hướng, giải pháp thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, động viên sức người, sức của cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đề ra chương trình hành động xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Sau khi hoàn thành kiểm điểm, Đảng ủy đánh giá phần ưu điểm chung của đội ngũ đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác, vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình, có trách nhiệm, vượt khó hoàn thành nhiệm vụ được giao. Về chi bộ, giữ vững vai trò lãnh đạo, hoàn thành nhiệm vụ chính trị do Đảng bộ giao cho. Về khuyết điểm, đối với các chi bộ sinh hoạt chưa đúng định kỳ, nội dung nghèo nàn, chưa bám sát

nghị quyết Đảng ủy, lãnh đạo hoạt động của các hợp tác xã chưa sâu sát, đôi khi thiếu dân chủ trong xây dựng phương án sản xuất, Đối với đảng viên, kể cả đảng viên là cấp ủy ý thức tự phê bình và phê bình chưa cao, biểu hiện rõ trong các buổi sinh hoạt, đoàn kết một chiều, ngại va chạm, không tạo được sự nhất trí cao trong công tác lãnh đạo. Kết quả bình xét sau khi học tập 3 chỉ thị, nghị quyết; về chi bộ đạt 4 tốt có 5 chi bộ, đạt 83,3%; trung bình đạt 21,7%. Về đảng viên đạt tiêu chuẩn 4 tốt 50 đồng chí đạt 89 %, trung bình 03 đồng chí đạt 5%, yếu 03 đồng chí đạt 5%. Trong thực hiện nghị quyết 192 đã khai trừ ra khỏi Đảng 03 đảng viên.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng, những quần chúng tiêu biểu hăng hái trong phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, tham gia dân quân trực chiến và phục vụ chiến đấu, được cấp ủy quan tâm bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Tính đến đầu năm 1975 Đảng bộ đã kết nạp được 05 đảng viên mới trong đó có 02 đồng chí kết nạp trong cuộc vận động kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Tuy nhiên công tác phát triển Đảng còn bộc lộ một số thiếu sót, biểu hiện rõ nhất là sau khi kết nạp, việc tiếp tục bồi dưỡng, giáo dục của các chi bộ đối với đảng viên dự bị, chưa sâu sát, chưa liên tục, nên một số vi phạm kỷ luật phải kéo dài thời

gian dự bị. Về số lượng đảng viên của Đảng bộ tăng lên do được bổ sung thông qua công tác phát triển đảng viên mới và tiếp nhận đảng viên từ nơi khác chuyển về (bộ đội phục viên xuất ngũ, nghỉ chế độ). Tính đến đầu năm 1975, Đảng bộ có 72 đảng viên, sinh hoạt trong 6 chi bộ.

Những năm chống Mỹ cứu nước, Mặt trận Tổ quốc đã tập hợp, đoàn kết các dân tộc, các ngành, các giới thực hiện tốt nhiệm vụ "vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu", phát động các đoàn thể hưởng ứng phong trào "Ba sẵn sàng" của thanh niên, "Ba đảm đang" của phụ nữ. Tất cả các đoàn thể đều hoạt động sôi nổi, linh hoạt và sáng tạo góp phần vào thành tích chung của xã, tiêu biểu là đoàn thanh niên và Hội phụ nữ:

Chi đoàn thanh niên không những đi đầu trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, động viên đoàn viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ, ra chiến trường giết giặc cứu nước mà trong lao động sản xuất ở hậu phương thanh niên (chủ yếu là nữ thanh niên) luôn là lực lượng xung kích trên những nhiệm vụ khó khăn nhất trong xây dựng hợp tác xã, công tác giáo dục, bảo vệ thiếu niên nhi đồng.

Hội phụ nữ, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước diễn ra ngày càng ác liệt, thanh niên trai tráng khỏe

mạnh lần lượt ra trận, ở lại hậu phương chỉ còn phụ nữ, người già và trẻ em. Phụ nữ là nòng cốt trong lao động sản xuất ở các hợp tác xã và là trụ cột trong từng gia đình chăm lo săn sóc cha già, mẹ yếu, nuôi con khỏe dạy con ngoan, để chồng, con yên tâm chiến đấu ngoài mặt trận. Ở lại hậu phương với tinh thần "Ba đảm đang" chị em gánh vác mọi công việc của gia đình và xã hội. Thực hiện khẩu hiệu: "Hậu phương thi đua với tiền phương" chị em ngày đêm chăm lo sản xuất làm ra nhiều thóc gạo, ngô, khoai, sắn, tích cực chăn nuôi trâu, lợn, gia cầm, đảm bảo cuộc sống gia đình, đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của chi viện cho các chiến trường đánh Mỹ. Được tôi luyện trong lao động sản xuất và chiến đấu nhiều chị em đã trưởng thành, được kết nạp vào Đảng, được nhân dân tín nhiệm bàu làm đại biểu Hội đồng nhân dân xã, giữ các cương vị chủ chốt như Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng, đội phó sản xuất, chiến sĩ dân quân. Tiêu biểu như các chị Bùi Thị Thản, Ma Thị Chấm, Hoàng Thị Đến... nhiều nhiệm kỳ được Đảng tín nhiệm bàu vào Ban chấp hành Đảng bộ và giữ chức vụ chủ chốt trong Đảng bộ. Trong từng cương vị công tác, các chị đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và công cuộc chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ và nhân dân trong xã.

Trải qua 21 năm (1954 - 1975) từ một chi bộ có 14 đảng viên đã phát triển thành một Đảng bộ với 72 đảng viên. Đảng bộ Trung Lương đã vượt lên những gian nan thử thách, lãnh đạo nhân dân thực hiện có hiệu quả công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, hoàn thành kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng cùng nhân dân trong huyện chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, huy động sức người sức của cho các chiến trường đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ trên phạm vi cả nước. Từ phong trào quần chúng Đảng bộ đã vượt lên chính mình, từng bước trưởng thành, thể hiện được bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo trên các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của từng thời kỳ cách mạng.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gần 300 thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ, chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc trên các chiến trường đánh Mỹ, 35 người con yêu dấu vĩnh viễn không trở về, hy sinh anh dũng vì độc lập thống nhất đất nước, 34

chiến sĩ là thương binh, 16 bệnh binh mang trên mình thương tích của chiến tranh và hàng trăm chiến sĩ trở về với di chứng của chất độc da cam Đi ô xin (11 đồng chí đã được hưởng chính sách của Nhà nước). Ở hậu phương nhân dân các dân tộc trong xã đã khắc phục khó khăn, gian khổ vừa chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa sản xuất ra lúa gạo, chăn nuôi gia súc, gia cầm đóng góp cho các chiến trường hàng trăm tấn thóc, 150 tấn thịt lợn, 20 tấn gia cầm và hàng vạn ngày công phục vụ chiến đấu góp phần cùng nhân dân huyện Định Hóa tỉnh Bắc Thái trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ghi nhận những thành tích đó, Đảng bộ và nhân dân Trung Lương được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 huân chương lao động hạng III, 1 Huân chương Chiến công hạng III và 350 huân, huy chương các loại cùng nhiều bằng khen, giấy khen của Chính phủ, của tỉnh, huyện. Những gia đình có người tham gia quân đội được tặng "Bảng gia đình vẻ vang". Đó là những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Trung Lương đạt được trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Chương IV
ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG (5/1975 - 1985)

Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975 giang sơn thu về một mối, đất nước thống nhất cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phấn khởi trước thắng lợi vẻ vang của dân tộc, được sự nhất trí của Thường vụ Huyện ủy, tháng 8 năm 1976 Đảng bộ xã Trung Lương tổ chức trọng thể Đại hội lần thứ XII (nhiệm kỳ 1976 - 1979). Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ do đồng chí Phạm văn Giáp Bí thư Đảng ủy trình bày, 100% đảng viên dự Đại hội nhất trí cao với nhận định của cấp ủy: trong nhiệm kỳ qua Đảng bộ đã nỗ lực vượt bậc lãnh đạo nhân dân hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội nhiệm kỳ 1973 - 1975 đề ra. Đặc biệt đã huy động tổng lực đóng góp sức người, sức của cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, nhất là mùa xuân 1975, góp phần xứng đáng cùng nhân dân toàn huyện và

cả nước hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp thống nhất nước nhà. Trong phương hướng lãnh đạo nhiệm kỳ mới, Đảng bộ đặt lên hàng đầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân tiếp tục đóng góp của cải và công sức cho Nhà nước để từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, củng cố hệ thống chính trị, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng hợp tác xã vững mạnh, với giải pháp cụ thể giao cho các hợp tác xã, phát triển nông nghiệp toàn diện trên 4 mục tiêu; là cây lúa, cây màu, cây chè và chăn nuôi gia súc, gia cầm, tận dụng ao hồ thả cá, để tăng năng xuất, sản lượng lương thực, thực phẩm, cần chú trọng nâng cấp ao, hồ, vai, đập, sửa chữa mương máng dẫn nước về các cánh đồng, tăng diện tích cấy được 2 vụ lên 30 đến 35 mẫu (sấp xỉ 15 ha) tăng hệ số quay vòng đất từ 1,5 lên 1,8 lần trên một đơn vị diện tích gieo trồng, áp dụng rộng rãi các biện pháp kỹ thuật thâm canh đưa năng xuất bình quân cả năm từ 38 đến 40tạ/ha, sản lượng đạt 600 tấn cả màu quy thóc (riêng thóc đạt 550 tấn) Đại hội dân chủ bàu ban chấp hành khóa mới gồm 9 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Bằng làm Bí thư, đồng chí Ma Thị Chấm Phó bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Nguyễn Đình Đĩnh ủy viên Thường vụ thường trực Đảng. Thực hiện nghị quyết Đại hội các chi bộ đã củng cố, điều chỉnh chỉ tiêu phấn đấu phát triển sản xuất của

hợp tác xã. Năm 1976, diện tích gieo cấy của 4 hợp tác xã là 316 mẫu (gần 115ha). Trong 2 năm 1976, 1977 thời thiết không thuận vụ chiêm xuân rét đậm sương muối kéo dài làm cho thời vụ gieo cấy chậm lại, nhiều cánh đồng thiếu nước khô hạn, nên diện tích trồng lúa bị thu hẹp chỉ đạt 65% kế hoạch, năng xuất bình quân cả năm đạt 30 tạ/ha từ đó sản lượng giảm trên 20 tấn so với năm 1975. Trước tình hình đó Đảng ủy đã chỉ đạo các hợp tác xã phát động xã viên trồng khoai lang, ngô xuống chân ruộng không có nước cày cấy, phát rẫy trồng thêm sắn để bù vào sự thiếu hụt của sản lượng thóc. Đồng thời vận động xã viên độn thêm ngô, khoai, sắn vào bữa ăn hàng ngày, đảm bảo đủ số lượng thóc nộp cho Nhà nước.

Thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 theo Nghị quyết của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, Chính phủ chỉ đạo sát sao cơ chế kế hoạch hóa, tập trung bao cấp. Theo đó Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế từ sản xuất đến phân phối lưu thông, thông qua hai hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân (quốc doanh) và sở hữu tập thể (hợp tác xã). Kinh tế nông nghiệp cũng chịu sự chi phối của cơ chế này, cụ thể: cấp trên (tỉnh, huyện) giao chỉ tiêu cho xã từ số lượng diện tích gieo cấy, năng suất, sản lượng và nộp sản phẩm bằng biện pháp hành

chính. Biết rằng huyện giao cho xã Trung Lương một số chỉ tiêu tăng quá khả năng, nhưng Đảng ủy, Ủy ban nhân dân vẫn phải tính toán, giao chỉ tiêu cho các hợp tác xã phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành bằng được chỉ tiêu kế hoạch trên giao và nộp đủ sản phẩm do huyện phân bổ. Quán triệt Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ, Đảng ủy Trung Lương cử 2 đồng chí Nguyễn Văn Bằng và Nguyễn Duy Đoài được Huyện ủy triệu tập về Trường Đảng tỉnh tập huấn tiếp thu Nghị quyết 46 của Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 8/6/1976 về "*tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến, quản lý nông lâm nghiệp từ cơ sở*" trong đó được cụ thể hóa bằng phương thức "*Huyện là cơ quan xây dựng kế hoạch, mỗi xã là một hợp tác xã*". Sau 45 ngày học tập trở về đã tham mưu cho Đảng ủy triển khai đợt sinh hoạt chính tri lớn, đây là cuộc sinh hoạt chính trị nhằm làm cho đảng viên và nhân dân nắm vững chủ trương và quy mô của cuộc vận động này là đưa sản xuất nông nghiệp từ sản xuất nhỏ manh mún tiến lên làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa. Cụ thể hóa nghị quyết của Huyện ủy, Đảng bộ xã Trung Lương tổ chức nhiều cuộc sinh hoạt lấy ý kiến của đảng viên và cán bộ, xã viên, để xây dựng phương án thực hiện của xã. Trong quá trình thảo luận của Ban chấp hành Đảng bộ có hai loại ý kiến khác nhau một ý kiến cho rằng xây dựng hợp

tác xã toàn xã là chủ trương đúng đắn, ý kiến thứ 2 phân tích, nếu xây dựng hợp tác xã toàn xã là nôn nóng không có cơ sở thực tiễn, đồng thời đối chiếu với tiêu chí do 2 đồng chí đi tiếp thu ở tỉnh về thì xã Trung Lương chưa đủ điều kiện xây dựng hợp tác xã toàn xã. Cụ thể là địa bàn rộng, ruộng đất phân tán, trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ còn hạn chế, cuối cùng đi đến thống nhất giữ nguyên 04 hợp tác xã trồng lúa như hiện tại, đồng thời cải tiến phương thức làm ăn mới, chia sản xuất ra nhiều công đoạn, thành lập thêm các đội chuyên. Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy cả 06 hợp tác xã mở hội nghị xã viên phân công lại lao động. Ngoài các đội chuyên đã có từ trước, mỗi hợp tác xã tổ chức thêm 04 đội chuyên là chuyên giống, giao thông thủy lợi, phòng trừ sâu hại và khoa học kỹ thuật. Đội chăn nuôi được giao thêm nhiệm vụ tận dụng ao hồ để nuôi cá. Theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân mỗi hợp tác xã dành ra một số quỹ đất để mở rộng sân kho, xây dựng hội trường và nơi làm việc của ban quản trị, mua sắm bàn ghế, tủ đựng tài liệu, thường xuyên có cán bộ thường trực để điều hành sản xuất. Sau khi kiện toàn tổ chức là quy hoạch lại ruộng đồng, những đám ruộng nhỏ liền nhau, bờ được phá đi thành thửa ruộng lớn, bờ vùng bờ thửa, đường từ các cánh đồng về sân kho được mở rộng, bắt đầu từ vụ mùa năm 1978 các hợp tác xã đã tổ chức theo

phương thức làm ăn mới. Có thể nói dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy các hợp tác xã nông nghiệp ở Trung Lương đã cải tiến, đổi mới cách làm ăn. Riêng hợp tác xã cây chè thành lập tổ phòng trừ sâu hại, còn việc chăm sóc thu hái vẫn thực hiện như trước.

Song song với tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội ổn định đời sống nhân dân. Đảng bộ đặc biệt quan tâm chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ, chu đáo chính sách hậu phương quân đội. Sau ngày giải phóng miền Nam từ tháng 5/1975 đến năm 1978 xã Trung Lương đã đón 27 cán bộ chiến sĩ phục viên, xuất ngũ về quê hương sinh sống. Việc trước tiên Đảng bộ, chính quyền chỉ đạo các hợp tác xã sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe và khả năng để ổn định đời sống, điều hành cấp phát chế độ cho thương binh, gia đình liệt sĩ kịp thời. Đối với các đối tượng chính sách gặp khó khăn được trợ cấp, ưu tiên phân phối, điều hòa lương thực. Triển khai điều tra, lập danh sách báo cáo cấp trên khen thưởng thành tích chống Mỹ cứu nước cho hơn 300 cán bộ, chiến sĩ quân đội, dân quân tự vệ và cán bộ địa phương.

Về công tác quân sự địa phương, Đảng bộ và nhân dân xã Trung Lương luôn nêu cao cảnh giác đối với âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, thường xuyên

củng cố lực lượng dân quân, lực lương công an, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, tham gia huấn luyện quân sự, sẵn sàng chiến đấu theo chương trình của Ban chỉ huy quân sự huyện. Cuối năm 1976, thực hiện triển khai thí điểm công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự và củng cố lực lượng dân quân tự vệ (theo Chỉ thị số 122/CT- UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái và Chỉ thị số 360/A- DQ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) xã Trung Lương đã tổ chức quán triệt những nội dung mới làm cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân thống nhất tư tưởng không chủ quan trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở nắm vững quy trình các bước thực hiện, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc phát động phong trào tự nguyện đăng ký, lấy thanh niên làm nòng cốt mở hội đăng ký nghĩa vụ quân sự trên quy mô toàn xã[1]. Chỉ trong thời ngắn xã Trung Lương đã hoàn thành lập danh sách các đối tượng trong diện đăng ký nghĩa vụ trước thời gian quy định được Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện biểu dương. Bước sang năm 1977, thực hiện nghị quyết của Huyện ủy về "chuyển hướng nội dung phương thức hoạt động quân sự địa phương cho phù hợp với yêu cầu mới". Đảng ủy chỉ đạo ủy ban nhân dân xã sắp xếp lại

[1] Lịch sử Quân sự huyện Định Hóa.

biên chế, củng cố tổ chức lực lượng dân quân, thành lập 02 đại đội cơ động, mỗi đại đội có 40 chiến sĩ. Đại đội 1 do đồng chí Ma Doãn Nga làm Đại đội trưởng. Đại đội 2 do đồng chí Nguyễn Hữu Lập làm Đại đội trưởng, 6 hợp tác xã giữ nguyên biên chế, mỗi hợp tác xã 01 trung đội, sau khi ổn định tổ chức, dân quân được huấn luyện thuần thục các động tác và hành động tác chiến theo từng trạng thái sẵn sàng chiến đấu, xây dựng thế trận phòng thủ liên hoàn trong xã. Trong các đợt huấn luyện quán triệt phương châm kết hợp quốc phòng với xây dựng kinh tế, lực lượng dân quân xã đã huy động hàng trăm lượt dân quân tham gia làm thủy lợi, bảo dưỡng duy tu đường giao thông nông thôn. Nhờ đó trong 2 năm 1976, 1977 dân quân đã tham gia sửa chữa hàng chục vai đập, hồ chữa nước, nạo vét 2km mương nội đồng, sửa chữa và làm mới 3 km đường từ cánh đồng về sân kho và đường liên xóm. Đặc biệt năm 1977 theo điều động của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, trong 02 đợt xã Trung Lương tổ chức 02 đại đội trong đội hình trung đoàn của huyện Định Hóa tham gia xây dựng công trình thủy lợi trọng điểm của tỉnh xây dựng tuyến kênh từ hồ Núi Cốc đi qua xã Đông Cao huyện Phổ Yên. Đợt 1 từ ngày 20 tháng 4 đến 20 tháng 5 năm 1977 với 40 chiến sĩ do đồng chí Trần Ngọc Tân làm Đại đội trưởng đồng Nguyễn Đình Ký làm Đại đội phó. Đợt 2 cuối tháng 10

năm 1977 với 35 chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Đình Cúc làm Đại đội trưởng, đồng chí Lương Thị La Đại đội phó. Trong cả 2 đợt tham gia làm thủy lợi dân quân xã Trung Lương chấp hành nghiêm nếp sống quân sự hóa, trực ban, trực chiến đảm bảo giờ công lao động, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao. Đồng thời tranh thủ ngày nghỉ, giờ nghỉ huấn luyện quân sự hoàn thành các khoa mục do Ban chỉ huy quân sự huyện giao đạt loại khá. Tổng kết năm 1977, xã Trung Lương là một trong 6 đơn vị xã trong toàn huyện đạt đơn vị quyết thắng góp phần vào thành tích lá cờ đầu trong tỉnh của lực lượng vũ trang huyện Định Hóa. Năm 1978, tình hình biên giới ở hai đầu đất nước diễn biến ngày càng phức tạp, một số phần tử xấu đã ngấm ngầm tuyên truyền kích động, lừa gạt người Hoa bỏ về nước (Trung Quốc) làm cho nhiều người dân hoang mang giao động. Trước tình hình đó dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy, Đảng bộ xã một mặt giải thích rõ quan điểm đường lối đoàn kết dân tộc của Đảng ta cho các tầng lớp nhân dân trong xã, mặt khác động viên một số ít cư dân là người Hoa yên tâm ở lại làm ăn sinh sống, không có tình trạng "bài xích khủng bố người Hoa" như bọn xấu tuyên truyền. Theo sự chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy, thực hiện Nghị quyết ngày 5 tháng 8 năm 1978 của Tỉnh ủy, giữa tháng 9 năm 1978, Đảng ủy xã thành lập Ban chỉ huy quân sự

thống nhất do đồng chí Ma Văn Quế Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Đình Đĩnh Thường vụ thường trực Đảng làm chính trị viên. Sau khi thành lập Ban chỉ huy quân sự đã rà soát phương án tác chiến, xác định, bổ xung một số điểm chốt trọng điểm trên địa bàn xã, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho lực lượng dân quân ở từng hợp tác xã và lực lượng cơ động theo sự chỉ đạo thống nhất của ban chỉ huy quân sự thống nhất.

Ngày 17/2/1979, nhà cầm quyền Trung Quốc huy động một lực lượng lớn quân đội đồng loạt mở cuộc tấn công quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Trước tình hình đó, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái 20 thanh niên xã Trung Lương đã lên đường nhập ngũ ra mặt trận chiến đấu bảo vệ lãnh thổ của đất nước. Nhiều sĩ quan và quân nhân dự bị tái ngũ trở lại quân đội bổ sung cho các đơn vị chiến đấu ở phía trước. Ở hậu phương khi nhận được lệnh quân sự khẩn cấp của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự thống nhất xã đã kịp thời ra lệnh cho các lực lượng về vị trí đã được chuẩn bị từ trước. Trong hai đại đội cơ động, một đại đội được bổ sung 3 súng trung liên, 2 cơ số đạn, nhận nhiệm vụ xây dựng trận địa phòng không trên đồi Khảu Tồ, thường

xuyên trực chiến sẵn sàng chiến đấu. Đại đội bộ binh sẵn sàng cơ động khi có lệnh. Mỗi đại đội thành lập một trung đội đảm bảo hậu cần, tải thương, các hợp tác xã mỗi hợp tác xã chuẩn bị 1 tấn thóc làm quỹ quốc phòng, 1 con lợn từ 30kg trở lên, khi xã điều động phải đáp ứng đầy đủ. Theo phương án tác chiến các lực lượng (chủ yếu là dân quân) tổ chức huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật tại những điểm tập kết lực lượng. Xã còn tổ chức diễn tập thực binh phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng. Trên địa bàn trọng điểm của xã, Ủy ban nhân dân đã huy động hàng trăm lượt dân công chia làm hai bộ phận: Một bộ phận phối hợp với xã Trung Hội đào giao thông hào, xây dựng phòng tuyến của huyện tại khu vực Đồng Mon án ngữ đường tỉnh lộ từ km31 vào. Một bộ phận đào giao thông hào trên các điểm cao ở xóm Văn Lương, Đèo Đất sang tạo thành một phòng tuyến khép kín án ngữ con đường sang Bộc Nhiêu vào Sơn Phú. Trong thời gian làm nhiệm vụ quân sự các lực lượng dân quân, thanh niên và dân công được hợp tác xã cung cấp lương thực, thực phẩm đầy đủ. Ngoài nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho chiến trường xã Trung Lương còn được giao nhiệm vụ giúp đỡ, bảo vệ tiểu đoàn 5 trung đoàn 24 - Sư đoàn 10 Quân đoàn 3, bộ đội chủ lực tập kết ém quân tại các xóm Tiến Lợi, Tân Vinh. Đảng ủy, chính quyền xã và các đoàn thể đã vận động nhân dân ủng hộ 5

ngàn tàu lá cọ, 2 ngàn cây tre, mai, nứa, gỗ xây dựng lán trại cho bộ đội, phát động tinh thần giữ gìn bí mật nơi đóng quân, cùng các lực lượng dân quân bảo vệ an ninh, an toàn ở địa phương. Với truyền thống tương thân, tương ái, đồng cam cộng khổ, góp phần chia xẻ với những khó khăn của các chiến sĩ và nhân dân ở biên giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc đã phát động phong trào quyên góp ủng hộ bình quân mỗi gia đình 5 kg thóc, mỗi hợp tác xã 100 kg thóc 1 con lợn (30 kg trở lên) và hàng vạn mũi chông tre gửi lên biên giới cho các chiến sĩ. Tính đến cuối năm 1979 đầu năm 1980 nhân dân xã Trung Lương đã ủng hộ được 3 tấn thóc 5 con lợn gửi lên biên giới cho các chiến sĩ. Tết Nguyên đán 1980 nhân dân xã Trung lương đã gửi 750 chiếc bánh chưng để các chiến sĩ ăn tết vui xuân trên chiến hào.

Những năm 1981-1985, Ban chỉ huy xã đội đã tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kiện toàn lực lượng vũ trang địa phương cho phù hợp theo hướng tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng hoạt động với phương châm "quân sự hóa toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân" đến cuối năm 1981 dân quân xã Trung Lương có 215 chiến sĩ, biên chế thành một trung đội cơ động (32 chiến sĩ) và 15 tiểu đội đưa lực lượng dân quân ở các hợp tác xã về hoạt động ở địa bàn xóm bản,

phương án tác chiến phòng thủ được bổ sung, các vị trí phòng thủ được điều chỉnh. Hàng năm tổ chức huấn luyện cho chiến sĩ, nắm vững các thao tác sử dụng súng bộ binh K44, K63 và các động tác kỹ thuật, chiến thuật theo các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, nắm vững các trọng điểm của xã, trong phương án phòng thủ được Ban chỉ huy quân sự huyện phê duyệt, kết quả các khoa mục chính trị đạt loại khá, bắn đạn thật đạt loại giỏi. Lực lượng dân quân xã không những được Đảng ủy, chính quyền, các đoàn thể quan tâm mà còn được các hợp tác xã chăm lo về vật chất và tinh thần, thời gian huấn luyên, làm nhiệm vụ quân sự do cấp trên điều động xã viên là dân quân được hợp tác xã trích quỹ trả công. Ngoài ra còn được ủng hộ thóc gạo, thực phẩm để dân quân yên tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác tuyển quân năm nào cũng đạt chỉ tiêu trên giao.

Lực lượng công an xã được củng cố, tăng thêm biên chế và thành lập tổ an ninh ở các xóm đi vào hoạt động, tích cực ngăn chăn hiện tượng trộm cắp tài sản của hợp tác xã và của nhân dân. Mặc dù phải huy động một lực lượng lớn xã viên đi phục vụ chiến đấu, ở hậu phương các hợp tác xã vẫn đảm bảo tiến độ sản xuất, đúng thời vụ. Vụ xuân năm 1979 sản lượng đạt 390 tấn/vụ. Đời sống xã viên đảm bảo.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV tổ chức tháng 4/11/1982 đã đánh giá kết quả lãnh đạo trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và khẳng định sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng nhân dân toàn huyện và nhân dân cả nước đóng góp sức người sức của bảo vệ biên giới thắng lợi. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, vận dung một cách sáng tạo Nghị quyết 46 của Thường vụ Tỉnh ủy vào điều kiện cụ thể của địa phương, xây dựng các hợp tác xã thành đơn vị kinh tế từ sản xuất đến phân phối thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân làm chuyển biến cơ bản cách điều hành và quản lý theo phương thức làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, trong khi một số hợp tác xã toàn xã trên địa bàn huyện gặp khó khăn lúng túng có triệu trứng sa sút thì ở Trung Lương 6 hợp tác xã (4 hợp tác xã trồng lúa, 2 hợp tác xã trồng chè) vẫn giữ được nhịp độ phát triển, được Huyện ủy đánh giá là đơn vị điển hình về tăng năng xuất lúa của các xã phía nam huyện. Về phương hướng, ngoài việc thông qua các chỉ tiêu giải pháp thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, Đại hội đã quyết nghị 3 nội dung quan trọng có tính đột phá trong xây dựng cơ sở hạ tầng đó là:

- Tập trung nhân lực và kinh phí san ủi 4 ụ pháo (của đơn vị quân tình nguyện Trung Quốc đã rút đi) thành mặt bằng xây dựng trường tiểu học tại địa điểm mới.

- Xây dựng 2 tuyến đường liên hợp tác xã Hồng Quang đi Hồng Văn Lương, Quyết Tâm đi Cầu Đá,

- Triển khai nhiều biện pháp bảo vệ cây xanh ở rừng Khảu Quảng coi đó là "lá phổi" của xã.

Đây là quyết định lịch sử làm thay đổi bộ mặt nông thôn xã Trung lương trong những năm sau này. Đại hội đã tiến hành bầu ban chấp hành khóa mới gồm 9 đồng chí do đồng chí Nguyễn Duy Đoài làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Quế Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Nguyễn Đình Đĩnh ủy viên Thường vụ thường trực Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Ủy ban nhân dân đã xây dựng kế hoạch cụ thể: Thành lập Ban Kiến thiết do đồng chí Phó Chủ tịch làm trưởng ban, cán bộ chuyên trách, các đoàn thể và chủ nhiệm các hợp tác xã làm ủy viên. Khảo sát địa hình, dự toán kinh phí và công lao động. Phát động phong trào toàn dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng đóng góp sức người sức của (bằng tiền hoặc thóc), phân bổ chỉ tiêu đóng góp cho từng hợp tác xã. Liên hệ với các cơ quan chuẩn bị

nguyên vật liệu. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy các ngành các cấp đã vào cuộc tích cực thực hiện:

- Đối với xây dựng trường cấp I, song song với việc thuê máy ủi san đồi ụ pháo ban kiến thiết đã hợp đồng với Công ty Gang thép Thái Nguyên đổi 5,5 tấn thóc lấy 100 cột xi măng cốt thép (mỗi cột 55 kg thóc). Tiếp đó huy động gần 1000 công của các hợp tác xã khẩn trương xây dựng trường ở địa điểm mới đến tháng 9/1985, 10 phòng học cột bê tông lợp lá vách đất đã hoàn thành. Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 quân đoàn 3 kết nghĩa với đoàn thanh niên xã đã xây dựng cổng trường coi đó là công trình kỷ niệm của tình quân dân cá nước. Ngoài ra còn san ủi mặt bằng trụ sở ủy ban, sân vận động đón các dự án của cấp trên. Với đường giao thông liên hợp tác xã được xác định là công trình trọng điểm nên đã huy động tổng lực vừa giao chỉ tiêu cho các hợp tác xã, vừa vận động công sức của cán bộ cơ quan, học sinh và được tiểu đoàn 5 giúp sức, đến tháng 10/1985 các tuyến đường Hồng Quang - Hồng Văn Lương. Quyết Tâm - Cầu Đá đã hoàn thành tạo điều kiện cho nhân dân đi lại dễ dàng.

Về sản xuất lúa, hợp tác xã xác định đảm bảo thủy lợi phải đặt lên hàng đầu, nên xã đã chỉ đạo huy động sức lực và vốn sửa chữa củng cố 2 hồ Nạ hát, Khuổi

Chẹo cùng 5 ao hồ nhỏ đảm bảo nước tưới cho hai cánh đồng Tân Vinh, Đồng Ẻn, hệ thống mương máng được nạo vét đảm bảo 60% diện tích cấy được 2 vụ. Từ khi các hợp tác xã hoạt động theo phương thức làm ăn mới, cấp ủy, chính quyền xã đã chỉ đạo đại bộ phận diện tích chuyển sang cấy lúa ngắn ngày như Mộc Tuyền, Sán Ưu, Nông Nghiệp 8 là giống lúa chống được sâu bệnh và năng suất ổn định hơn. Các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của phòng nông nghiệp huyện như cấy ít dảnh, tận dụng phân chuồng bón lót, bón thúc bằng các loại phân hữu cơ. Đội phòng trừ sâu bệnh thường xuyên quản lý ruộng đồng không để sâu bệnh phát sinh trên diện rộng. Kết quả năng suất đảm bảo từ 35 đến 40tấn/ha, tổng sản lượng lương thực (cả ngô, khoai, sắn) đạt hơn 600 tấn năm 1980 riêng thóc đạt 450 tấn. Hai hợp tác xã chè mở rộng thêm diện tích, trong 2 năm đã khai phá được thêm 4 ha, cây chè được chăm sóc thu hái đúng thời vụ, đúng kỹ thuật, sản lượng đạt từ 30 đến 35 tấn/ha/năm, mỗi năm bán cho nhà máy chè Sơn Phú từ 100 đến 120 tấn chè búp tươi. Chiến tranh biên giới kết thúc, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục phải đương đầu với những khó khăn thách thức do các thế lực thù địch tăng cường bao vây cấm vận, phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân ta. Thêm vào đó tệ quan liêu bao cấp cùng với những lúng

túng trong công tác quản lý xã hội và tình trạng khủng hoảng kinh tế càng làm trầm trọng thêm. Vấn đề đặt ra cho Đảng Nhà nước ta là phải tìm ra phương thức phát triển mới làm cho sản xuất "bung ra" theo hướng đó Ban Bí thư Trung ương Đảng đã họp và ra Chỉ thị số 100-CT/TƯ ngày 13/1/1981 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp với phương châm kết hợp hài hòa "3 lợi ích" gồm lợi ích của nhà nước, của tập thể, và của người lao động, đây là chủ trương khởi đầu cho sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra bước chuyển mới trong công cuộc cải cách mô hình xây dựng hợp tác xã. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ xã Trung Lương đã tổ chức Hội nghị bao gồm các ngành các cấp của xã, Bí thư chi bộ, Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm 6 hợp tác xã quán triệt các chỉ thị nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện và đề ra hướng cụ thể thực hiện chỉ thị 100 CT/TW là tìm bước đi thích hợp vận dụng vào điều kiện cụ thể trong địa bàn xã, từ đó đề ra phương án chung thực hiện trong toàn xã. Về khoán quỹ đất chỉ thực hiện trong 4 hợp tác xã trồng lúa, định mức giao khoán cho mỗi lao động chính là 2,5 sào và hai khẩu ăn theo được tính bằng 1 lao động chính để giao thêm đất với phương thức này từng hợp tác xã khoán đất cho xã viên để tiện

canh, tiện cư. Với 2 hợp tác xã chè áp dụng cơ chế khoán bằng cách phân lô giao khoán cho gia đình xã viên chăm sóc, thu hái và hợp tác xã thu sản phẩm mỗi sào 180 kg chè búp tươi bán cho nhà máy chè Sơn Phú. Phần tăng năng xuất xã viên được chế biến thành chè khô bán ra thị trường.

Về chăn nuôi, đối với các trại chăn nuôi lợn tập trung hợp tác xã giao khoán chỉ tiêu sản xuất đàn lợn cho các trại chăn nuôi tập trung mỗi năm xuất chuồng từ 80 đến 150 con lợn giống, 2 tấn lợn hơi. Đối với gia đình xã viên khoán cho mỗi lao động chính bán nghĩa vụ cho Nhà nước 20 đến 25 kg lợn hơi/lao động chính. Đàn trâu giữ nguyên phương án cũ, giao cho xã viên chăm sóc và trả công mỗi năm 120 kg thóc/1 con trâu. Về phương thức quản lý chỉ đạo sản xuất của Ban quản trị hợp tác xã thay đổi. Hợp tác xã đảm nhiệm các khâu cung cấp giống, khâu thủy lợi, cung cấp thuốc trừ sâu, bảo vệ ruộng đồng, chỉ đạo thời vụ và thu sản của xã viên nộp bao gồm thuế và các khoản chi: quỹ xây dựng hợp tác xã, quỹ phúc lợi. Từ đó hợp tác xã giữ nguyên các đội chuyên còn các khâu từ gieo mạ đến thu hoạch, bảo quản đều do xã viên đảm nhiệm. Chị thị 100 được nông dân trong xã đón nhận và phấn khởi thực hiện. Sau khi giao đất xã viên đã tận dụng thời gian đầu tư công

sức vào sản xuất, từ đó năng suất tăng lên rõ rệt, hai vụ lúa của năm 1982 sản lượng đạt 550 tấn, năng suất bình quân đạt 130kg/sào (xấp xỉ 4 tấn/ha) tăng từ 18 đến 20% so với thời kỳ chưa khoán. Ngoài ra các gia đình còn tận dụng sức lao động mở rộng diện tích đồi bãi trồng thêm sắn, khoai, đậu, đỗ để tăng thêm thu nhập. Đối với chăn nuôi đàn trâu tăng hàng năm từ 10 đến 12 con giữ vững số lượng 550 con, đàn lợn 2.000 con và trên 10.000 con gia cầm.

Cuối năm 1985 Huyện ủy chỉ đạo các xã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW. Đảng ủy xã Trung Lương đã hướng dẫn các hợp tác xã tổng kết, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, sau đó mở Hội nghị tổng kết chung. Qua thảo luận xã viên rút ra được một số kết luận qua thực tiễn chỉ đạo của Đảng bộ và thực hiện của các hợp tác xã cho thấy:

Tổ chức bộ máy điều hành của các hợp tác xã có bước cải tiến, nhiệm vụ của từng chức danh trong Ban quản trị cụ thể hơn, chi phí quản lý những năm đầu giảm hơn so với thời kỳ chưa khoán. Đối với xã viên phấn khởi, tự giác chủ động về thời gian, sử dụng nhân lực, đầu tư công sức hợp lý, kết hợp khá tốt giữa trồng lúa và trồng màu và chăn nuội, nên sản phẩm làm ra xã viên được hưởng từ 55 đến 60% cao hơn so với thời kỳ làm

ăn theo công điểm, đây là nguyên nhân làm cho năng suất sản lượng tăng. Tuy nhiên khi thực hiện cơ chế khoán còn bộc lộ một số vướng mắc cần tập trung tháo gỡ, đó là diện tích ruộng khoán đối với nhiều gia đình thu hẹp theo từng năm, từ 2,5 sào giảm xuống quân bình chỉ còn 1,5 sào/lao động chính, lý do dân số tăng, việc tách hộ diễn ra thường xuyên khi con cái trưởng thành lập gia đình ra ở riêng. Mặt khác trình độ quản lý điều hành của cán bộ hợp tác xã còn hạn chế, ở Trung lương chỉ thực hiện khoán đối với cây lúa còn các đội chuyên như thủy lợi, chăn nuôi, phòng trừ sâu bệnh... xã viên chỉ được phân phối lương thực theo định lượng nên thu nhập thường thấp hơn so với xã viên trồng lúa. Đây là mâu thuẫn phát sinh từ nội bộ hợp tác xã, không tạo được sự công bằng cho tất cả mọi người, từ những bất hợp lý trên bắt đầu nẩy sinh tư tưởng chỉ làm đủ mức khoán còn tập trung sức lao động và thời gian của các thành viên trong gia đình trồng lúa nương, trồng chè, sắn khoai dẫn đến tình trạng phát rẫy tràn lan, làm cho diện tích rừng bị thu hẹp. việc thu nộp sản phẩm theo mức khoán càng về sau càng không dứt điểm, dây dưa kéo dài nhiều vụ, bộ máy điều hành của hợp tác xã mất dần hiệu lực, trong khi đó tổng mức huy động lương thực nộp cho nhà nước tăng liên tục từ 18 tấn năm 1981 lên 21 tấn năm 1985 làm cho thu nhập thực tế xã viên

giảm, mức bình quân thu nhập đầu người từ 23kg/tháng (1982) giảm xuống chỉ còn 17kg/tháng (1985). Thực tế thông qua Chỉ thị 100 Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng mở ra hướng phát triển mới, nhưng cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp vẫn chưa có sự đổi thay căn bản, những quy định của chính sách hợp tác xã còn nhiều bất hợp lý gây khó khăn cho việc chỉ đạo kinh tế tập thể ở cơ sở. Cùng với biện pháp tích cực trong phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng, Nhà nước cũng ban hành nhiều chính sách mới, chủ trương từng bước mở rộng các quan hệ kinh tế thị trường. Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh một số đơn vị quốc doanh ở huyện Định Hóa chuyển sang tự hạch toán kinh doanh còn đang lúng túng chưa đạt kết quả thì Nhà nước tiếp tục đề ra chính sách mở cửa thị trường phá bỏ ngăn sông cấm chợ, tạo điều kiện cho tư thương từ Thái Nguyên lên, từ Chợ Chu, chợ Quán Vuông và một số nơi khác bằng mọi phương tiện xe đạp, gánh bộ chuyên chở hàng hóa len lỏi vào các làng bản đến tận nhà dân trao đổi với nông dân những mặt hàng thiết yếu dầu, muối, vải vóc được quyền lựa chọn lại không mất thời gian xếp hàng chờ đợi, có tiền thì trả không có tiền thì trao đổi bằng thóc, gạo, lợn, gà. Người bán hàng nông phẩm cũng không phải mạng đi xa mà giá lại cao hơn giá quy định của Nhà nước và được trả tiền ngay hoặc hiện vật mình

cần, tất cả đều diễn ra với tinh thần bình đẳng "thuận mua vừa bán", việc tự do mua bán trao đổi làm cho cửa hàng hợp tác xã mua bán xã dần dần vắng khách, hàng ê ẩm, ứ đọng không bán được, có nguy cơ ngừng hoạt động. Phương thức mua bán trao đổi giữa nông dân và tư thương bước đầu mang lại một số thuận lợi nhưng cũng chứa đựng những hạn chế, giá cả lên xuống thất thường do tư thương ép giá, cuối cùng người lao động vẫn phải chịu thiệt thòi.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được Đảng ủy, chính quyền và nhân dân thường xuyên quan tâm. Để tạo điều kiện cho học sinh nhỏ không phải đi học xa, xã đã thành lập 2 phân hiệu lẻ, phân hiệu Cầu Đá có 3 lớp (từ lớp 1 đến lớp 3), phân hiệu Hồng Lương có 3 lớp (từ lớp 1 đến lớp 3). Năm học 1977 - 1978 theo chỉ đạo của phòng giáo dục huyện, trường cấp II Trung Lương được thành lập trên cơ sở tách từ trường cấp II Lương Hội (trường ghép 2 xã Trung Lương và Trung Hội) thu nhận 260 con em ở xã Trung Lương và một số xã lân cận (Bình Yên, Sơn Phú) với tổng số 7 lớp học (3 lớp 5, 2 lớp 6 và 1 lớp 7). Trường có 12 giáo viên do thầy Nông Công Chứ làm Hiệu trưởng và thầy Nguyễn Văn Lành làm Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn khối cấp II và thầy Lường Văn Thị Hiệu phó phụ trách chuyên môn

khối cấp I. Thời gian đầu chưa có trường riêng Ủy ban nhân dân xã đã sắp xếp trường cấp II dùng chung cơ sở vật chất với trường cấp I và tổ chức học 2 ca cấp II học buổi sáng, cấp I học buổi chiều. Năm học 1977 - 1978 đánh dấu mốc phát triển mới sự nghiệp giáo dục ở xã Trung Lương đã có đủ 2 cấp học và ngành nhà trẻ mẫu giáo ở các hợp tác xã. Trường cấp II có 16 giáo viên và 15 lớp học với 600 học sinh do thầy Phạm Văn Tỉnh làm Hiệu trưởng, Thầy Lương Văn Thị làm Hiệu phó. Thời gian này đời sống giáo viên vô cùng khó khăn, lương chậm phát từ 3 đến 4 tháng, lương thực, thực phẩm các mặt hàng thiết yếu thiếu nghiêm trọng (có tem phiếu không có hàng để mua) bữa ăn của thầy cô giáo đến 70% là hạt mạch, sắn, khoai. Để khắc phục khó khăn, Ủy ban nhân dân đã yêu cầu hợp tác xã cho nhà trường mượn 1 mẫu ruộng cạn gần khu vực trường và 1 mẫu ruộng chằm thụt ở Lịch Đàm để giáo viên tranh thủ tăng gia cải thiện đời sống. Với trách nhiệm cao cả, tình thương yêu học trò các thầy cô giáo đã vượt qua khó khăn, giữ vững phong trào "Dạy tốt, Học tốt", nhờ đó chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 98%, tỷ lệ tốt nghiệp ở cả 2 cấp đều đạt từ 85 - 90%.

Đối với các lớp mẫu giáo nhà trẻ ở các hợp tác xã đã xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo đúng quy cách, cử xã

viên có trách nhiệm trông nom, hàng tháng trả công 25 kg thóc, đời sống còn nhiều khó khăn.

Về y tế, được sự quan tâm của phòng y tế huyện, xã Trung Lương đã củng cố trạm y tế tuy còn đơn sơ, nhà gỗ mái lá, nhưng đã có nơi để nhân dân đến khám, chữa bệnh, thường xuyên có một y sĩ, 2 y tá thường trực. Phong trào vệ sinh yêu nước được triển khai đến từng xóm bản, thực hiện "ba dứt điểm" gồm giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh đã hoàn thành trong toàn xã. Hàng năm tổ chức tiêm vác xin phòng bệnh, chủng đậu cho trẻ em, các bản xa trạm y tế cử cán bộ xuống tiêm phòng bổ sung. Năm 1985 tổng kết phong trào vệ sinh Trung Lương là một trong 11 xã đứng đầu toàn huyện (xếp loại A).

Hoạt động văn hóa thể thao được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân, từ năm 1980 Hội đồng nhân dân đã thông qua quy ước nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Vận dụng quy ước về nếp sống văn hóa do Hội đồng nhân dân đề ra. Thực hiện trong toàn huyện trong đó quy định gia đình có người "chết" không được đón thầy cúng ma, mà tổ chức lễ tang trang trọng gọn nhẹ, các hợp tác xã có quy định quy tập mồ mả vào nghĩa địa riêng, không chôn cất bừa bãi. Đối với việc cưới, nam nữ đến tuổi mới được kết hôn

(nữ 18, nam 20 tuổi) và phải đến Ủy ban nhân dân đăng ký, không được thách cưới và tổ chức linh đình, nhà trai dẫn lễ không quá 40 kg (các loại thịt gạo rượu) đám cưới được đoàn thanh niên tổ chức theo nghi thức "đời sống mới" vui vẻ, lành mạnh, tiết kiệm, không tổ chức cỗ bàn linh đình, tốn kém, trường hợp cưới tảo hôn phải xử lý, các quy ước trên được nhân dân đồng tình và thực hiện đầy đủ. Hoạt động văn nghệ được duy trì trong từng hợp tác xã, vào các ngày tết, ngày lễ lớn của dân tộc, tổ chức các đêm giao lưu biểu diễn các tiết mục tự biên tự diễn cùng các bài ca cách mạng, những làn điệu dân ca của đồng bào quê ở miền xuôi Thái Bình, Nam Định hòa cùng các điệu then, lượn của đồng bào dân tộc bản địa, tạo nên khí thế vui tươi phấn khởi, thắm đượm tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc. Các đội bóng đá thường xuyên luyện tập, tổ chức thi đấu giao hữu giữa các hợp tác xã và các xã bạn. Đội tuyển bóng đá xã thi đấu ở huyện luôn đạt giải cao.

Công tác xây dựng Đảng, quá trình lãnh đạo Đảng bộ luôn giữ vững mối quan hệ đoàn kết, thống nhất trên cơ sở các nguyên tắc của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị, bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương. Thực hiện có kết quả các hoạt động phát triển kinh tế văn hóa, xã hội, giữ

vững an ninh quốc phòng, từng bước đưa công tác xây dựng Đảng vào nền nếp. Từ năm 1975 đến 1985 Đảng bộ tiến hành 3 kỳ đại hội (1976 - 1979, 1979 – 1982, 1982 - 1986) qua mỗi nhiệm kỳ Đảng bộ đã đề ra được những giải pháp phù hợp lãnh đạo nhân dân thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị đề ra. Từng nhiệm kỳ đã chú ý kiện toàn lại tổ chức chi bộ của các hợp tác xã, đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy. Về công tác tư tưởng, theo chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy, Đảng bộ đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị mời cán bộ chuyên môn của huyện về truyền đạt những nội dung mới về lý luận và thực tiễn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cho đảng viên nhận thức đúng đắn về những khó khăn trong thời kỳ quá độ không chao đảo trước những tác động trong thời kỳ đầu Đảng ta tiến hành các bước thử nghiệm chuyển đổi cơ chế, tìm hướng tháo gỡ cho nền kinh tế nước ta vượt qua những thử thách đòi hỏi mỗi đảng viên phải kiên định mục tiêu lý tưởng, nêu cao tinh thần tiền phong gương mẫu, tuyệt đối tin tưởng, bản thân thực hiện và vận động quần chúng thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước. Bước sang năm 1980 cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá phân loại chi bộ đảng viên theo tiêu chuẩn 4 tốt (đạo đức, phẩm chất, năng lực và bản lĩnh) và thực hiện chỉ thị 83 của Ban Bí

thư về tổ chức phát thẻ đảng viên. Đảng bộ đã đề ra chủ trương phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên, mỗi đảng viên được chi bộ phân công với 3 nhiệm vụ chính (còn gọi là 3 định) đó là: Phụ trách gia đình, phụ trách một số hộ quần chúng, phụ trách chỉ đạo tăng sản lúa và hoa màu. Căn cứ khả năng, sức khỏe của từng đảng viên chi bộ phân công nhiệm vụ cho phù hợp, hàng tháng, hàng năm chi bộ sinh hoạt kiểm điểm kết quả hoạt động của đảng viên theo tiêu chuẩn 4 tốt và 3 định. Kết quả 90% đảng viên đủ tiêu chuẩn phát thẻ Đảng đợt đầu, 75% đảng viên đạt tiêu chuẩn đảng viên 4 tốt, 25% đạt trung bình. Qua triển khai nhiệm vụ phát thẻ đảng viên Đảng bộ đã khắc phục được một số thiếu sót của đảng viên và của chi bộ. Do thực hiện có nền nếp công tác xây dựng Đảng năm 1984 Đảng bộ được Huyện ủy chọn làm đơn vị điểm thực hiện chỉ thị 34 về công tác kiểm tra Đảng của Ban Bí thư. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Huyện ủy, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, Đảng bộ đã quán triệt nội dung và thực hiện các bước từ xây dựng ủy ban kiểm tra của Đảng ủy, hệ thống cán bộ kiểm tra của cấp ủy các chi bộ, đồng thời dự thảo quy chế về công tác kiểm tra. Sau một thời gian thực hiện mô hình tổ chức công tác kiểm tra Đảng theo phương châm có lãnh đạo phải có kiểm tra được Huyện ủy nhân rộng ra các tổ chức cơ sở Đảng trong toàn

huyện, đồng thời Đảng bộ Trung Lương cũng đạt được những chuyển biến tích cực. Công tác phát triển Đảng đầu năm 1985 Đảng bộ có 102 đảng viên, số lượng đảng viên hàng năm tăng từ 7 đến 10% chủ yếu là tăng cơ học, do đảng viên từ các đơn vị quân đội phục viên xuất ngũ, nghỉ chế độ về địa phương tăng thêm sức mạnh lãnh đạo cho Đảng bộ. Một số đảng viên ở quân đội về đã được Đảng ủy giao các nhiệm vụ quan trọng như đội trưởng sản xuất, tiểu đội trưởng dân quân, công an viên phụ trách các đoàn thể, nhiều đồng chí sau một thời gian hoạt động được bầu làm Bí thư chi bộ, được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân như các đồng chí Nguyễn Duy Đoài, Dương Thanh Triều giữ chức Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch ủy ban nhân dân. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã trưởng thành từ phong trào hợp tác xã và phong trào cách mạng ở địa phương, qua quá trình hoạt động đã tích lũy được kinh nghiệm lãnh đạo điều hành khá vững vàng. Công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới còn nhiều thiếu sót. Trong 10 năm Đảng bộ mới kết nạp được 20 đảng viên, nguyên nhân chính là do các chi bộ chưa chủ động bồi dưỡng, tạo nguồn, giao nhiệm vụ cho đảng viên giúp đỡ để kết nạp những quần chúng ưu tú tích cực vào Đảng, nhất là lớp trẻ và đội ngũ tri thức (giáo viên) chưa được quan tâm đúng mức.

Các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân tập thể, đoàn thanh niên, phụ nữ, trong bước chuyển đổi hình thức hoạt động của các hợp tác xã, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã tích cực hoạt động củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, vận động hội viên tham gia các phong trào yêu nước, phát huy truyền thống cần cù lao động, xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống. Trong xây dựng chính quyền, các đoàn thể vận động nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, 95% cử tri tham gia bầu cử. Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã đã lựa chọn được 25 đại biểu có đủ uy tín, năng lực thay mặt nhân dân đảm trách những nhiệm vụ nặng nề mà Đảng giao cho.

Trong 10 năm, 1975 - 1985 Đảng bộ đã kế thừa truyền thống, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước, đã vươn lên đảm nhiệm vai trò lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng trong quá trình lãnh đạo Đảng bộ chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất tư tưởng hành động, nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những bài học được rút ra để Đảng bộ tiếp tục vươn lên thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội trong giai đoạn cách mạng mới.

Chương V
ĐẢNG BỘ TRUNG LƯƠNG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI QUÊ HƯƠNG (1986 - 2010)

I . Đảng bộ Trung Lương trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới 1986 - 2000

Trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó chúng ta còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng nhất là sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã làm cho nền kinh tế nước ta càng thêm khủng hoảng trầm trọng. Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng ta phải tìm tòi bước đi thích hợp. Tiếp thu ý kiến xây dựng của toàn Đảng, toàn dân và tỏ rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trong bối cảnh ấy, để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, phát triển đi lên. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 1986, đã thảo luận và đề ra đường lối đổi mới toàn diện với chủ trương chuyển nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập

trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là bước chuyển biến mang tính đột phá về tư duy kinh tế của Đảng, phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, đáp ứng đúng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện. Đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước ra đời, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế được hình thành và phát triển, người dân được tự do sản xuất kinh doanh theo pháp luật và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tiếp thu đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ xã Trung Lương đã xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 1986 - 1991 theo hướng giải phóng sức lao động, phát triển kinh tế mà trọng tâm là nông nghiệp, làm ra nhiều sản phẩm, có hàng hóa đưa ra thị trường. Để tổ chức thực hiện, năm 1987, Trung Lương tiếp tục củng cố hợp tác xã, chấn chỉnh những sai sót trong việc thực hiện "Khoán 100", nới lỏng việc kiểm soát các mặt hàng nông sản như chè, thóc, gạo, gia cầm... nông dân được tự do mua bán, đồng thời khuyến khích xã viên tiếp tục chăm sóc ruộng đồng, tích cực trồng chè, chăn nuôi và làm thêm ngành nghề: sản xuất gạch, làm nan cọ bán

cho cửa hàng ngoại thương huyện. Có thể nói thời gian này những chính sách kinh tế mới tác động đến xã Trung Lương chưa nhiều, mới chỉ là bước đầu chuyển đổi về nhận thức chuyển nền kinh tế nông nghiệp từ "cấp phát, giao nộp" sang sản xuất hàng hóa theo định hướng của Đảng. Để tiếp tục chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, ngày 5/4/1988 Bộ chính trị ban hành Nghị quyết số 10/ NQ- TƯ về "Đổi mới quản lý nông nghiệp" còn gọi là "Khoán 10". Nghị quyết 10 của Bộ chính trị đã thực sự giải phóng sức lao động, giải phóng năng lực sản xuất của mọi thành phần kinh tế trong nông nghiệp, được đông đảo nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Trung Lương nói riêng, hồ hởi đón nhận. Điểm mới của Nghị quyết 10, thực chất là khoán sản phẩm đến hộ nông dân, lấy hộ xã viên làm đơn vị kinh tế tự chủ. Người nông dân được giao đất, chủ động hoàn toàn trong sản xuất, có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước và góp các loại quỹ theo quy định của hợp tác xã, xã viên tự do bán sản phẩm của mình làm ra, hợp tác xã không quản lý. Khoán 10 là động lực mới cho người nông dân phấn khởi tập trung vốn, sức lao động đầu tư cho sản xuất, nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, từng bước cải thiện đời sống của người dân. Triển khai Nghị quyết 10 của Bộ chính trị. cấp ủy chính quyền

xã đã triệu tập Hội nghị quán triệt những quan điểm, nội dung mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, lấy ý kiến dân chủ từ trong Đảng ra quần chúng để xây dựng kế hoạch thực hiện thống nhất trong toàn xã. Căn cứ vào điều kiện cụ thể đất đai xã đã giao về cho các đội sản xuất, Đảng bộ chủ trương trên cơ sở quỹ đất của hợp tác xã đã giao cho xã viên trong thời kỳ Khoán 100, điều chỉnh về định xuất mới, mỗi lao động chính được giao 2 sào, 2 lao động phụ được tính bằng 1 lao động chính để phân thêm đất. Ưu tiên cho các gia đình chính sách, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công được nhận ruộng ở nơi thuận tiện. Đất chè cũng giao cho xã viên như trong thời kỳ Khoán 100 điều chỉnh sang không giao khoán cho từng gia đình, mà phân lô, phân thửa khoán cho từng nhóm xã viên chăm sóc thu hái theo sự chỉ đạo của hợp tác xã. Đàn trâu trước đây giao cho gia đình xã viên chăm sóc bảo vệ, nay định giá thanh lý bán cho xã viên, mỗi con trâu giá trung bình từ 4 đến 5 tạ thóc (giá 1 tạ thóc bằng 30.000 đồng), ưu tiên các gia đình có trâu được mua trước, còn các gia đình không có trâu thì hợp tác xã hỗ trợ 1 nửa tiền để mua trâu. Đối với bộ máy lãnh đạo hợp tác xã, Đảng ủy đã chỉ đạo giảm bớt số người trong Ban quản trị chuyển công tác điều hành sang làm nhiệm vụ cùng

ứng các khâu: Giống, thủy lợi, phân bón và bảo vệ cây con. Các loại quỹ cũng giảm, xã viên chỉ phải nộp thuế, quản lý phí, thủy lợi phí, quỹ công ích để xây dựng các công trình công cộng của xã, các loại quỹ này thu bình quân trên diện tích đất giao cho từng hộ, phân hóa học, thuốc trừ sâu, giống do hợp tác xã làm dịch vụ cung ứng gia đình xã viên sử dụng bao nhiêu thanh toán bấy nhiêu. Thực hiện chủ trương của cấp ủy, sau khi được giao đất, xã viên chủ động bỏ vốn ra đầu tư vào sản xuất, tận dụng thời gian, sử dụng hợp lý sức lao động của từng thành viên trong gia đình, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất và chú ý đến việc sử dụng đất đai, cấy các giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, ít sâu bệnh như CR 203, Nông nghiệp 8...Ngoài ra các gia đình xã viên còn tận dụng đất vườn tạp, phát bờ bãi trồng thêm sắn, khoai, đậu..., cả xã mỗi năm thu được hàng trăm tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng khá. Việc kết hợp trồng lúa, trồng chè, trồng màu và chăn nuôi, tạo các công đoạn khép kín trong kinh tế hộ, nên tận dụng được sức lao động của các thành viên trong gia đình, từ đó thu nhập của gia đình xã viên tăng lên, tình trạng thiếu đói được thu hẹp dần. Trong những năm thực hiện Khoán 10 và chính sách kinh tế mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp ở xã tạo được những chuyển biến khá

rõ rệt, diện tích, sản lượng lúa, chè, màu đều tăng, cụ thể: lúa 230 ha (vụ mùa 130 ha vụ chiêm 100 ha) năng xuất bình quân đạt 40 - 45 tạ/ha sản lượng đạt 1.030 tấn vượt mức so với Khoán 100. Đối với cây chè ngoài diện tích giao khoán các hộ còn tự khai phá mở rộng diện tích tăng thêm 10 ha, diện tich được thu hoạch 58 ha, năng suất 25 tạ/ha đạt 140 tấn chè búp tươi.

Cuối năm 1990, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ tổ chức sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, báo cáo sơ kết có đánh giá Nghị quyết 10 là động lực thúc đẩy nền sản xuất phát triển, nông dân phấn khởi thực hiện, vì khoán 10 đã xóa bỏ được chế độ phân phối bất hợp lý theo định lượng, tạo điều kiện cho người trực tiếp lao động chủ động hoàn toàn trong các công đoạn sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu nhập của người lao động được hưởng cao hơn. Thực hiện khoán 10 của Bộ chính trị trên địa bàn huyện thực chất là điều chỉnh một bước quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, mà đất đai là tư liệu sản xuất cơ bản, do đó khi thực hiện giao đất ở cơ sở xã đã nẩy sinh nhiều vấn đề phức tạp, tranh chấp đất đai trong nội bộ nông dân xẩy ra ở nhiều xã do quá trình giao đất không đồng bộ, không hợp lý, đã gây tâm lý trong nội bộ xã viên muốn được canh tác trên mảnh ruộng của mình trước đây công

hữu vào hợp tác xã. Từ đó làn sóng đòi "đất ông cha" bắt đầu nẩy sinh và phản ứng dây chuyền ở nhiều xã trong huyện, nhiều nơi tranh chấp đất đai trở thành điểm nóng, làm cho một bộ phận xã viên trước đây đóng cổ phần bằng tiền, mà phần đông là đồng bào Thái Bình lên khai hoang ghép vào hợp tác xã bị mất ruộng ảnh hưởng đến đời sống dẫn đến mất ổn định về chính trị. Trước tình hình đó, đầu năm 1991 dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái (nay là Tỉnh ủy Thái Nguyên), Huyện ủy Định Hóa đã ra nghị quyết lãnh đạo, giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đúng luật, công bằng, dân chủ, mọi xã viên đều có ruộng cày, đồng ý cho xã viên được nhận diện tích khoán trên mảnh ruộng của mình trước đây công hữu vào hợp tác xã, chỉ giao đủ định xuất, phần dư ra giao cho người không có đất sử dụng. Nhưng do công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện không chặt chẽ, nhiều nơi hiểu sai vấn đề nghị quyết của Huyện ủy nên tình hình càng phức tạp hơn.

Đối với xã Trung Lương, Trong 6 hợp tác xã (4 hợp tác xã trồng lúa, 2 hợp tác xã trồng chè) chỉ có hợp tác xã Hồng Lương việc tranh chấp đất đai có diễn ra nhưng không gay gắt. Đây là vùng đất địa phương quy hoạch giao cho xã viên là người Thái Bình lên xây dựng kinh tế mới từ năm 1963, nay theo trào lưu chung những

người có ruộng trước đây công hữu thành của chung đến đòi lại, trong khi đó số xã viên của hợp tác xã Hồng Lương chấp hành chính sách của trên cố giữ lại, đã có sự cãi cọ, co kéo trên đồng ruộng. Trước tình hình đó Đảng ủy đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư làm trưởng ban, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm phó ban, trưởng các ban ngành đoàn thể, Bí thư chi bộ, Chủ nhiệm hợp tác xã Hồng Lương làm ủy viên. Ban chỉ đạo đã gặp gỡ xã viên nắm bắt nguyện vọng của từng gia đình, sau đó tập thể Ban chấp hành quyết định thành lập tổ hòa giải vận động nhân dân nhường nhịn, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, khơi dậy tình làng nghĩa xóm đã bao năm gắn bó, đồng thời vận động các hộ không có ruộng công hữu vào hợp tác xã trả cho người có ruộng là 100.000 đồng/sào gọi là đền bù công khai phá và giao cho ủy ban nhân dân làm trọng tài, tổ chức thực hiện. Từ đó tình hình tranh chấp đất đai lắng dịu và đến vụ mùa năm 1991 đi vào ổn định. Đây là sự vận dụng sáng tạo nghị quyết của Huyện ủy về giải quyết tranh chấp đất đai một cách linh hoạt, kịp thời của Đảng bộ vào điều kiện cụ thể của xã, đem lại hiệu quả thiết thực, khắc phục được tình hình tranh chấp có nguy cơ trở thành "điểm nóng", giữ vững an ninh trật tự, củng cố sự đoàn kết trong nội bộ nông dân. Khi nông dân được giao đất

hộ gia đình trở thành đơn vị kinh tế tự chủ thì hoạt động của hợp tác xã lại gặp khó khăn, Ban quản trị không nắm được sản lượng thu hoạch của từng hộ để tính thuế, dẫn đến thu thuế không đạt kế hoạch, một số xã viên nợ thuế dây dưa kéo dài, chỉ tính 2 vụ lúa năm 1992, tổng số thuế nộp cho Nhà nước của các hợp tác xã trồng lúa nợ tới 23 tấn, thuế chè nợ 12,7 tấn, xã viên nợ hợp tác xã cả tiền và thóc, không có hướng tháo gỡ. Đất của công như sân kho, nhà kho quản lý lỏng lẻo chủ cũ đến đòi lại để canh tác. Nghiêm trọng hơn đất đai hợp tác xã cải tạo thành ao, hồ trữ nước, phục vụ sản xuất bị người dân lấy lại, phá đi cấy lúa làm hệ thống thủy lợi bị thu hẹp tới 20 ha, tổng diện tích 26ha nay chỉ còn 6 ha, bờ vùng bờ thửa thẳng hàng, thẳng lối không còn, đường từ cánh đồng về sân kho về các bản bị vạc đi, chỉ trong thời gian ngắn do ý thức của người dân giảm sút đã xóa đi thành quả hàng vài chục năm xã viên hợp tác xã đã dầy công xây dựng. Tính đến vụ mùa năm 1992 cả hợp tác xã trồng lúa và trồng chè trên thực tế đã ngừng hoạt động. Từ thực tế trên Đảng ủy xã nhận thấy hình thức tổ chức kinh tế tập thể (hợp tác xã) không còn phù hợp, cần vận dụng đường lối của Đảng, tìm hướng chuyển phương thức quản lý kinh tế nông nghiệp nông thôn cho phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng địa bàn của xã. Từ định

hướng này nhiều cuộc họp toàn thể Đảng bộ đã được tổ chức, thảo luận nhằm tìm ra hướng tháo gỡ khó khăn. Quán triệt quan điểm của Trung ương về ưu điểm, nhược điểm của kinh tế hộ, Đảng ủy đã tập hợp ý kiến xây dựng của đảng viên và nhân dân, đề ra phương án giải quyết những tồn tại trong thời gian qua. Đồng thời xây dựng nghị quyết tập trung vào 4 nội dung chủ yếu:

- Hợp tác xã đã ngừng hoạt động nhưng yêu cầu Ban quản trị phải đứng ra tổ chức hội nghị lấy ý kiến tập thể của xã viên về phương án giải quyết tồn đọng thuế, nợ các khoản giữa hợp tác xã với xã viên.

- Ủy ban nhân dân xã tiến hành kiểm kê diện tích các loại đất trồng lúa, trồng chè, trồng màu và đất rừng, chuyển công tác chỉ đạo quản lý sản xuất kinh doanh về cơ sở xóm bản, do trưởng xóm điều hành dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã.

- Nắm lại hạng đất phân bổ chỉ tiêu nộp thuế các loại đến từng hộ, giao cho các xóm tổ chức thực hiện.

- Xốc lại đội hình, thay đổi phương thức chỉ đạo sản xuất theo cơ chế mới.

Triển khai thực hiện chủ trương này, Ủy ban nhân dân đã xây dựng kế hoạch cụ thể, yêu cầu các ngành,

các cấp, tích cực thực hiện. Trước hết về tổ chức bầu lại các trưởng xóm, bản, đưa trưởng xóm trở lại vị trí làm nhiệm vụ điều hành công tác hành chính, giữ gìn an ninh trật tự, đoàn kết xóm bản, vận động nhân dân hăng hái sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và những nhiệm vụ do Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã đề ra, mà trước đây do cơ chế quy định đã giao cho đội sản xuất và Ban quản trị hợp tác xã điều hành. Những công tác tiếp theo, thành lập tổ khảo sát nắm lại diện tích đất, trồng lúa trồng chè, trồng màu và đất rừng, số lượng đàn gia súc gia cầm của từng gia đình, của từng xóm bản, nhằm nắm vững thực lực để có hướng chỉ đạo mới. Về giải quyết tồn đọng Đảng ủy, Ủy ban nhân dân chỉ đạo quyết liệt từ tháng 1/1993 đến hết tháng 6/1993 các hợp tác xã đã họp xã viên, từng hợp tác xã thanh toán với nhau phần xã viên nợ hợp tác xã, hợp tác xã nợ xã viên và thu dóc nợ thuế nộp cho Nhà nước. 2 năm liên tục Ủy ban nhân dân, các ngành các cấp đã vào cuộc, tập trung đôn đốc quyết liệt, tổ chức thu nhiều đợt đến vụ mùa năm 1994 mới hoàn thành, kết quả thu nợ thuế 2 năm 1992, 1993 là 12,45 tấn, 6 hợp tác xã đã thu xã viên nợ thóc hợp tác xã 34,56 tấn, tiền xã viên nợ thu được 3.574.000 đồng. Tuy nhiên khi nền

kinh tế chuyển sang sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, thì cách vận hành của hợp tác xã theo nếp cũ (tập trung quan liêu bao cấp) không còn phù hợp mà tự tan rã là tất yếu khách quan, kinh tế hợp tác xã nông nghiệp ở Trung Lương đã tồn tại hơn 30 năm, trải qua nhiều khó khăn thử thách đã từng bước vươn lên làm tròn nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần cùng nhân dân miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, Tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX họp ngày 14/1/1996 và Đại hội giữa nhiệm kỳ năm 1997 Đảng bộ quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Nông - Lâm nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ. Xác định cây lúa, cây màu, cây chè và chăn nuôi là 4 mũi nhọn tạo ra sản phẩm hàng hóa, chuyển diện tích vườn tạp sang trồng cây ăn quả, phấn đấu nâng thu nhập bình quân đầu người từ 250 lên 300 kg thóc/năm. Với giải pháp cơ bản lấy xây dựng cơ sở hạ tầng mà trọng tâm là Điện, Đường, trường, trạm, thủy lợi tạo đà cho sự phát triển toàn diện. Đây là mục tiêu phấn đấu cao, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân nỗ lực phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khai thác mọi tiềm

năng nội lực, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước thông qua các dự án của huyện, của tỉnh và Trung ương để tạo ra sức bật mới, làm cho kinh tế phát triển, bộ mặt nông thôn của xã ngày càng đổi mới. Trên cơ sở đó, từ năm 1996 Ủy ban nhân dân đã lập kế hoạch huy động nội lực, xin Nhà nước hỗ trợ đầu tư có trọng điểm, quản lý tốt các lòng hồ sẵn có, để phục vụ cho sản xuất, trước hết tập trung chỉ đạo nâng cấp một số hồ nhỏ, động viên nhân dân trữ nước ở các ao tư gia đình để phục vụ cho sản xuất, đây là kết quả bước đầu đã có hiệu quả tốt. Xã còn huy động hàng ngàn ngày công lao động (lao động công ích và lao động xã hội), sửa chữa cải tạo một số tuyến mương, đưa nước về các cánh đồng nâng diện tích gieo cấy vụ xuân tăng lên 100 ha, nâng diện tích gieo trồng cả năm tăng lên 230,5ha. Cùng với việc khai thác có hiệu quả hệ thống thủy lợi, chính quyền xã đã đề nghị với Hội nông dân và phòng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện cử cán bộ kỹ thuật về mở các lớp tập huấn, hướng dẫn ứng dụng khoa học kỹ thuật, đưa giống lúa có năng suất cao, ít sâu bệnh, hợp với chất đất ở Trung Lương vào sản xuất như: Khang dân, Bao thai nguyên chủng, Kim cương, Trung quốc II... nhờ đó năng xuất vượt lên, nếu như năm 1994 đạt 40 tạ/ha thì những năm 2000 tăng lên 18

đến 40% đạt 48 tạ/ha, sản lượng riêng thóc là 1.100 tấn vượt 3% kế hoạch.

Thực hiện cuộc vận động tăng diện tích cây màu nhân dân còn tận dụng ruộng một vụ để trồng khoai lang, đậu, đỗ và đặc biệt là cây ngô lai Bai ô xít trồng xuống ruộng trong vụ đông, nâng diện tích trồng màu lên 40ha, mỗi năm thu hoạch từ cây màu lên 100 tấn, nâng sản lương lương thực lên 1.150 tấn (cả màu quy thóc). Tính bình quân đầu người đạt 270 kg/năm, vấn đề lương thực cơ bản được giải quyết, tình trạng thiếu đói trong lúc giáp hạt đã chấm dứt.

Ngoài cây lúa, cây chè được xác định là cây mũi nhọn trong phát triển kinh tế, năm 1996 toàn xã có 58 ha trong đó chè chuyên canh 28ha, mỗi năm trồng mới được 2 ha, đến năm 2000 nâng diện tích chè lên 70 ha tập trung chủ yếu ở các hợp tác xã Văn Lương, Vũ Lương, trong những năm qua toàn bộ diện tích chè được cải tạo và áp dụng tiến độ khoa học kỹ thuật vào từng công đoạn chăm sóc, thu hái năng xuất đạt từ 40 đến 50 tạ/ha, cây chè đang dần dần trở thành một trong những nguồn thu nhập ổn định trong từng gia đình.

Trong phong trào xóa vườn tạp trồng cây ăn quả được mở rộng theo chương trình dự án 120, được

CÂY CHÈ, SẢN PHẨM GÓP PHẦN LÀM GIÀU CHO NHÂN DÂN XÃ TRUNG LƯƠNG

khuyến khích bằng chính sách Nhà nước cho vay, vốn, mỗi hộ 500.000 đồng để mua cây giống và kinh phí chăm sóc, nên nhiều gia đình đã cải tạo đất vườn tạp thành vườn vải thiều, mơ lai, hồng không hạt... đến năm 2000 tăng lên 50ha cây ăn quả các loại trong đó nhiều hộ trồng được từ 150 đến 250 cây vải thiều đến nay đã cho thu hoạch.

Về lâm nghiệp, thực hiện Chỉ thị 286, 287 của Chính phủ về việc khai thác, quản lý, bảo vệ rừng, xã tiếp tục giao rừng cho các hộ trồng theo chương trình 327, 661 khoanh nuôi, tái sinh bảo vệ tốt, trồng mới được 85ha, đến đầu năm 2000, 90% đất rừng đã có người bảo vệ. Độ che phủ toàn xã đạt 60% từ đó người nông dân có thu nhập từ rừng ngày càng tăng, ý thức bảo vệ rừng được nâng lên, tình trạng phá rừng bừa bãi giảm đáng kể.

Cùng với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo chuyển mạnh việc chăn nuôi gia súc, gia cầm sang sản xuất hàng hóa. Với lợi thế các loại rau màu khá dồi dào, lại được kích thích bởi yếu tố thị trường nên người dân đã tích cực chăn nuôi để tăng thu nhập, mỗi gia đình đều nuôi từ 1 đến 2 con trâu (có gia đình nuôi hàng chục con), 3 đến 5 con lợn và vài chục

con gà, vịt. Năm 2000 có 420 con trâu, bò, 3.500 con lợn (trong đó nái có 87 con) và hơn 10.000 con gia cầm. Số lượng thực phẩm tươi sống (thịt các loại) ngoài cung cấp cho nhu cầu tại chỗ còn bán ra các chợ trong huyện. Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, giá trị thu nhập của người dân từ chăn nuôi đã chiếm 25% tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế của xã. Thu nhập từ chăn nuôi làm cho kinh tế gia đình khá lên, có điều kiện mua sắm vật dụng phục vụ cho sinh hoạt như xe máy, giường tủ, ti vi...

Về xóa đói giảm nghèo, được sự quan tâm của Đảng, bằng những chính sách cụ thể thiết thực, các hộ nghèo ở xã đã được vay vốn với lãi xuất thấp để phát triển sản xuất, vượt lên thoát nghèo. Nhờ đó tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 15% năm 1997 xuống còn 7% năm 2000. Năm 1998 Nhà nước thực hiện thu thuế bằng tiền, nên các nguồn thu được triển khai theo luật ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã đảm nhiệm và trích nộp cho Nhà nước. Năm đầu tiên thực hiên luật ngân sách xã đã thu các loại thuế đạt là 43.700.000 đồng tạo điều kiện cho xã chủ động các nguồn chi, nhất là chi hỗ trợ cho xây dựng cơ sở hạ tầng.

Năm 1992, huyện Định Hóa được Đảng Nhà nước đầu tư theo dự án ATK Thủ đô kháng chiến năm xưa là

động lực lớn, tạo bước ngoặt đột biến về xây dựng cơ sở hạ tầng tập trung vào các trọng điểm: Điện - Đường - Trường - Trạm. Về Điện ngay từ năm 1991 Nhà nước đã đầu tư xây dựng đường dây cao thế đưa điện lưới quốc gia về Định Hóa. Đến năm 1998 theo kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư cho xã Trung Lương xây dựng trạm biến áp số 1 đặt tại xóm Tiến Lợi, công suất 160 KVA với tổng kinh phí là 320 triệu đồng trong đó vốn đầu tư của huyện 80 triệu đồng, vốn đối ứng của nhân dân 240 triệu đồng. Sau gần một năm thi công trạm biến áp và các công trình đường dây 0,4 đến các xóm đã hoàn thành. 17 giờ 30 phút ngày 20/1/1999 đã đóng điện đưa điện lưới quốc gia đến 11 xóm của xã Trung Lương gồm các xóm: Lê Lợi, Tân Tiến, Tân Vinh, Quang Trung, Hồng Hoàng, Bình Định 1, Bình Định 2, Thẩm Quản, Thẩm Tang, Tiến Lợi và Hồng Tiến. Năm 1995, xã được huyện đầu tư 78 triệu đồng để xây trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến tháng 2 năm 1996 hoàn thành đưa vào sử dụng.

Về giáo dục đào tạo, năm học 1994 - 1995 trường phổ thông cơ sở xã Trung Lương do cô giáo Dương Thị Toàn làm hiệu trưởng cùng 2 hiệu phó là Nông Văn Bộ làm Hiệu phó phụ trách công tác chuyên môn cấp II, cô Hoàng Thị Hoa Hiệu phó phụ trách chuyên môn cấp I.

Năm học 1996 - 1997 thực hiện Chỉ thị 03 của Tỉnh ủy, vận dụng nghị quyết Trung ương II khóa VIII về giáo dục đào tạo với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và chuyên môn của phòng giáo dục, xã Trung Lương đề ra chương trình hành động, phấn đấu đến năm 2000, đưa sự nghiệp giáo dục của xã vượt qua khó khăn, tiếp tục vươn lên theo kịp phong trào chung của huyện. Về tổ chức, theo Quyết định số 751/TCCB ngày 16/9/1996, tách trường phổ thông cơ sở thành 2 trường, Tiểu học và Trung học cơ sở. Tình hình cơ sở vật chất trường lớp ở Trung Lương là một trong những xã gặp khó khăn, khi tách trường, trường trung học cơ sở có 2 phòng xây cấp 4 dùng làm văn phòng và thư viện cho cả 2 trường, còn lớp học vẫn chung với trường tiểu học (trường tiểu học có 10 phòng bằng cột bê tông, lợp lá), mặt bằng của cả 2 trường đều nằm trên một quả đồi chia làm 2 cấp, cao thấp, chật hẹp, số lượng lớp ít, phải học 02 ca. Ngày 15/10/1996 đồng chí Nguyễn Ngô Hai Bí thư Tỉnh ủy lên Định Hóa kiểm tra các hoạt động của huyện, được Huyện ủy báo cáo tình hình giáo dục còn có nhiều khó khăn về trường lớp ở một số xã, trong đó có xã Trung Lương. Lãnh đạo huyện mời đồng chí trực

tiếp xuống thăm trường Trung Lương, khi về đồng chí giao nhiệm vụ cho sở giáo dục xây dựng dự án xây cho trường trung học cơ sở Trung Lương 8 phòng học với khả năng đầu tư từ 300 đến 500 triệu đồng, giao cho sở giáo dục làm chủ đầu tư. Nắm bắt thời cơ này, mùa hè năm 1997, Ủy ban nhân dân xã đã huy động nhân lực, nhờ máy ủi của công ty Việt Bắc Quân khu I đang thi công làm đường tại địa bàn xã giúp đỡ san ủi, hạ cấp, mở rộng mặt bằng với diện tích 6.588m^2 ngang với mặt bằng trường tiểu học thành một khu đất bằng phẳng. Tháng 4/1997 bắt đầu khởi công xây dựng 8 phòng học, 1 nhà hiệu bộ, 1 nhà thư viện cấp 4, lợp ngói với tổng kinh phí 500 triệu đồng, đến tháng 9/1997 hoàn thành đưa vào sử dụng. Năm học 1997 - 1998 thầy và trò trường trung học cơ sở đã có lớp học mới khang trang sạch đẹp.

Về tổ chức, Trường tiểu học có 25 giáo viên, 598 học sinh với 23 lớp (5 lớp 1, 4 lớp 2, 5 lớp 3, 5 lớp 4 và 4 lớp 5), có 7 lớp lẻ ở 2 phân hiệu Hồng Lương và Cầu Đá, do cô Hoàng Thị Hoa làm Hiệu trưởng, cô Hoàng Thị Mao làm Hiệu phó. Trường trung học cơ sở có 15 giáo viên 408 học sinh với 10 lớp (3 lớp 6, 3 lớp 7, 2 lớp 8 và 2 lớp 9) do cô Dương Thị Toàn làm Hiệu trưởng và Nông Văn Bộ làm Hiệu phó. Trường mẫu giáo cơ sở vật

chất còn phân tán, tạm bợ có 5 lớp với 80 cháu và 6 giáo viên do cô Vũ Thị Oanh làm Hiệu trưởng trong đó chỉ có 2 giáo viên biên chế còn 4 giáo viên hợp đồng, dân nuôi với phụ cấp bằng thóc, hoặc bằng tiền là 150.000 đồng/tháng đời sống gặp nhiều khó khăn, đây là những bất hợp lý, cần có sự chuyển đổi cơ chế của Nhà nước mới tháo gỡ được. Về chuyên môn, đội ngũ giáo viên đều được ngành giáo dục tổ chức bồi dưỡng vào dịp hè nhằm nâng cao trình độ chính trị, phương pháp giảng dạy mới nên chất lượng được nâng lên rõ rệt. Các năm học từ 1998 đến 2000 tỷ lệ học sinh lên lớp của cả 2 trường đạt 97%, đỗ tốt nghiệp trường trung học cơ sở đạt 95%, trường tiểu học 98% , trường tiểu học có 02 học sinh giỏi cấp tỉnh, 52 học sinh giỏi cấp trường, trường trung học cơ sở có 4 học sinh giỏi, 125 học sinh khá, số học sinh yếu có 42 em chiếm 10%. Với quyết tâm hoàn thành chương trình phổ cập tiểu học và xóa mù chữ vào năm 2000, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã giao nhiệm vụ cho các thầy cô giáo đến từng xóm, bản, thống kê trình độ, học lực theo độ tuổi, tổ chức bổ túc cho những người chưa có điều kiện đi học, đến cuối năm 1999 đã có số cháu 5 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 là 42 cháu đang đi học đạt 93%. Số người từ 15 đến 35 tuổi 857 người, học xong tiểu học 797 người đạt 94%. Như vậy

đến năm 2000 xã Trung Lương đã được công nhận hoàn thành chương trình phổ cập bậc tiểu học và xóa mù chữ theo chuẩn quốc gia. Tuy nhiên công tác xã hội hóa giáo dục ở Trung Lương chuyển biến chậm, việc đóng góp quỹ đối ứng xây dựng trường thường không đạt kế hoạch. Nguyên nhân của những hạn chế này là do nhân dân còn nghèo nhưng về mặt chủ quan vẫn là tư tưởng của người dân mà trực tiếp là cha mẹ học sinh phần nào còn trông chờ ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước mà phần nội lực chưa thực sự được phát huy.

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân có bước phát triển, được sự quan tâm của Đảng ủy, điều hành của chính quyền và chỉ đạo trực tiếp của trung tâm y tế huyện, những năm 1996 - 2000 trạm xá ở khu trung tâm được tu sửa mở rộng mặt bằng. Được sự hỗ trợ của huyện, xã đã đầu tư 80 triệu đồng xây dựng nhà dân số, mua sắm thêm thiết bị khám chữa bệnh, trạm xá có 6 giường bệnh thường xuyên khám chữa bệnh, cấp thuốc cho các đối tượng chính sách và nhân dân, bình quân mỗi năm từ 400 đến 500 lượt người. Trung Lương là xã 135 nên 100% bệnh nhân được khám chữa bệnh miễn phí. Đội ngũ y tế thôn bản có 23 người làm nhiệm vụ đến các bản tuyên truyền, tư vấn công tác phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe, vệ sinh môi trường, phát hiện dịch

bệnh kịp thời báo về trạm có hướng xử lý, y tế xã đã chú ý thực hiện tốt chương trình y tế học đường, chương trình y tế quốc gia chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Hàng năm tiêm chủng vác xin phòng bệnh theo độ tuổi cho 400 cháu, 500 trẻ em được uống Vitamin. Do làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, y tế xã không để xẩy ra các bệnh dịch nguy hiểm, hoàn thành chương trình chống phong và bệnh lao. Đối với kế hoạch hóa gia đình, năm 1997 xã đã thành lập ban dân số kế hoạch hóa gia đình do đồng chí Chủ tịch làm trưởng ban, phó ban là cán bộ chuyên trách, các ngành, đoàn thể, trạm xá là ủy viên, đây là nhiệm vụ mới đối với một xã miền núi như Trung Lương . Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Ban dân số - kế hoạch hóa gia đình phối hợp chặt chẽ với Hội phụ nữ và trạm y tế, tổ chức các buổi truyền thông, lồng ghép, vận động xây dựng nếp sống sinh ít con (từ 1 đến 2 con) để có điều kiện nuôi dạy con tốt, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Cùng với tuyên truyền hàng năm còn tổ chức khám thai, tiêm vác xin phòng bệnh cho hàng trăm lượt chị em. Qua nhiều năm triển khai công tác kế hoạch hóa gia đình toàn xã đã có 300 lượt cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại, số người sinh con thứ 3 giảm. Đến năm 1999, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên chỉ còn 1,09%, sinh con thứ 3 còn 4,7%. Công tác kế hoạch

hóa gia đình đi vào nền nếp đã góp phần đảm bảo sự phát triển cân đối và ổn định dân số ở Trung Lương.

Thực hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa" là mối quan tâm thường xuyên của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể xã đối với các gia đình chính sách. Trung Lương có 34 thương bệnh binh, 46 liệt sĩ, 06 gia đình có công với nước, 15 cán bộ tiền khởi nghĩa, 02 lão thành cách mạng, 02 bà mẹ Việt Nam anh hùng và 151 cán bộ hưu trí, bằng tấm lòng trân trọng Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành chức năng đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chu đáo mọi chế độ Nhà nước giành cho các đối tượng trong diện chính sách. Năm 1996 theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã Trung Lương đã rà soát lập danh sách bổ sung 80 người tham gia chống Mỹ cứu nước chưa được tặng Huân huy chương các loại đề nghị Nhà nước khen thưởng. Vào những ngày lễ lớn của đất nước, tết cổ truyền Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức gặp mặt, tặng quà, thăm hỏi, động viên, phát huy truyền thống tương thân tương ái, các đoàn thể xã đã vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ quỹ tình nghĩa 4.200.000 đồng, tặng 25 sổ tiết kiệm cho 25 hộ đối tượng chính sách khó khăn (với số tiền 100.000 đồng/1sổ) với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, ủng hộ đồng bào miền trung bị thiên tai

bão lụt, nhân dân Cu Ba anh em 9.513.000 đồng, theo lời kêu gọi của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cùng với phát triển kinh tế, đời sống văn hóa của nhân dân các dân tộc trong xã có bước phát triển mới. Thực hiện Nghị quyết Trung ương V (khóaVIII) về "xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" Đảng ủy đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân các đoàn thể cụ thể hóa 8 mục tiêu về xây dựng xóm bản văn hóa, 5 tiêu chuẩn gia đình văn hóa trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, được triển khai đến từng xóm bản và được nhân dân hưởng ứng. Năm 1998, 1999, 100% xóm bản đã họp dân xây dựng quy ước nếp sống văn hóa trong cưới xin, ma chay, lễ hội, hòa giải trong quan hệ xóm bản, đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng. Hàng năm căn cứ vào các mục tiêu trên các xóm, tổ chức bình xét gia đình văn hóa, xóm, bản văn hóa. Kết quả từ 1998 đến 2000, tỷ lệ đạt gia đình văn hóa đạt từ 62% tăng lên 74%. Các xóm bản đạt xóm văn hóa cũng tăng, đã có 02 xóm đạt "làng văn hóa"cấp tỉnh, 03 xóm đạt làng văn hóa cấp huyện. Quá trình thực hiện nếp sống văn hóa tinh thần đoàn kết xóm

bản, đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng bền chặt, nền nếp gia phong của từng gia đình được phát huy.

Phong trào thể dục thể thao một thời gian chỉ hoạt động theo "mùa vụ" mang tính tự phát vì thiếu sự tài trợ của hợp tác xã, đến năm 1996 phong trào được phục hồi và mở rộng đến các xóm bản, các tầng lớp thanh thiếu niên, người cao tuổi và phụ nữ tham gia nhiệt tình. Từ phong trào chung lãnh đạo xã đã quyết định thu hồi 4 sào đất ở khu Nạ Lèo huy động sức lao động của thanh niên và kinh phí của địa phương chi gần 20 triệu đồng làm sân vận động của xã là một cố gắng lớn, nhờ đó phong trào càng lan rộng ra các xóm và nhà trường. Năm 1997 đến năm 2000 đã tổ chức thi đấu bóng đá giao hữu giữa các xóm để chọn đội tuyển thi đấu ở cấp huyện. Sân vận động của xã là một trong những nơi thu hút các xã bạn đến giao lưu thi đấu.

Văn nghệ quần chúng phát triển với nhiều hình thức phong phú, các làn điệu dân ca của các dân tộc được khai thác bảo tồn và phát triển trong các tiết mục tự biên, tự diễn của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, xã đã tổ chức nhiều đêm công diễn thu hút mọi tầng lớp nhân dân đến xem, động viên phong trào văn nghệ quần chúng phát triển, nhiều năm đội

tuyển của xã tham gia hội diễn văn nghệ ở huyện được giải cao. Lời ca tiếng hát mang lại cuộc sống vui tươi phấn khởi cho các tầng lớp nhân dân có thêm nghị lực để lao động sản xuất, kinh doanh, góp phần làm lành mạnh hóa xã hội. Kinh tế phát triển, đời sống vật chất tăng thì nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao, đòi hỏi nhu cầu cung cấp thông tin càng đa dạng, từ khi huyện Định Hóa hoàn thành trạm tiếp sóng truyền thanh, truyền hình các phương tiện nghe nhìn tăng lên đáng kể. Nếu như những năm 80 của thế kỷ 20 cả xã Trung Lương chỉ có 50 đến 60 đài bán dẫn, một vài máy thu hình đen trắng thì sau 15 năm đổi mới (năm 2000) đã có trên 500 Ti vi trong đó 70% là Ti vi màu, tỷ lệ dân số có phương tiện nghe nhìn đạt tới 90% là điều đáng ghi nhận phản ánh trình độ dân trí đã được nâng lên rõ rệt.

Là địa bàn chiến khu xưa từng là nơi đóng quân của các cơ quan quan trọng của quân đội tháng 5/1994 xã Trung Lương đã được đoàn cán bộ của sở văn hóa Thái Nguyên đến điều tra thống kê di tích lịch sử. Kết quả xã có 12 di tích lịch sử văn hóa, mặc dù đại bộ phận di tích chưa được nhà nước xếp hạng, Đảng bộ và nhân dân trong xã vẫn trân trọng lưu giữ, bảo vệ hiện trạng của các di tích coi đó là hiện vật quý, là trách nhiệm

thiêng liêng của mình. Nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong xã là được Đảng Nhà nước quan tâm đầu tư khôi phục các di tích này để lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ, niềm tự hào của những người đi trước mà nhân dân Trung Lương đã cưu mang, nuôi dưỡng trong những năm kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Công tác an ninh được củng cố, theo sự chỉ đạo chung những năm 1990 - 2000 cơ chế thị trường mở ra có những chuyển biến tích cực về đời sống vật chất, tinh thần, nhưng cũng bộc lộ những tiêu cực làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội bị xáo trộn đó là nạn trộm cắp, số đề, cờ bạc đã len lỏi đến các vùng nông thôn thuộc xã Trung Lương, nguy hại hơn một số thanh niên đi đào vàng trở về đã mắc nghiện, lôi kéo thêm 1 số thanh niên hư hỏng mắc theo từ năm 1996 đến năm 2000 Trung Lương có 07 người nghiện. Trước tình hình đó, thực hiện chỉ thị 135 của Trung ương về đấu tranh phòng chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, Đảng ủy đã ra nghị quyết củng cố lực lượng an ninh quyết tâm triệt phá những mầm mống gây mất an ninh trật tự trên địa bàn xã mà tập trung vào các xóm có tệ nạn ma túy. Chấp hành nghị quyết của Đảng ủy, lực lượng công an tăng thêm số lượng, mạng lưới an ninh nhân dân được thành lập, mỗi xóm có một công an viên cùng với các đoàn

thể, các ngành, các cấp phối hợp với dân quân, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, vừa tuyên truyền thuyết phục vừa tổ chức nhiều đợt truy quét tệ nạn xã hội. Được sự giúp đỡ của nhân dân, công an xã đã phát hiện và triệt phá các tụ điểm đánh bạc bắt và xử lý 15 vụ trộm cắp, gây rối trật tự công cộng. Lực lượng công an xã hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, điều hành của chính quyền, được nhân dân đồng tình ủng hộ trong hoạt động đấu tranh chống tiêu cực đã thực sự là nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, do đó nhiều năm công an Trung Lương là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ, được Ủy ban nhân dân huyện khen, các chiến sĩ công an nhiều đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ quyết thắng, được cấp trên khen. Lực lượng công an xã đã góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xứng đáng là công cụ chuyên chính bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân. Tuy vậy công tác bảo vệ an ninh tổ quốc còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại, các tệ nạn xã hội tuy được kiềm chế đẩy lùi, nhưng nạn cờ bạc, số đề, trộm cắp vẫn còn, nguy hiểm hơn đã xuất hiện đối tượng tiếp tay cho bọn buôn bán ma túy từ nơi khác đến hoạt động ngày càng tinh vi, làm cho người nghiện không giảm mà còn tăng lên, đó là những tác động xấu, nguyên nhân làm cho

xã hội bất ổn là mối quan tâm lo lắng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Trung Lương.

Công tác quân sự địa phương có nhiều thay đổi theo phương thức hoạt động mới, hệ thống chỉ huy thông suốt từ huyện đến cơ sở. Từ năm 1996 thực hiện pháp lệnh dân quân tự vệ, lực lượng dân quân được tổ chức theo biên chế mới, thường xuyên đảm bảo tỷ lệ 2,3 đến 2,5% dân số. Lực lượng nòng cốt tổ chức thành 1 trung đội cơ động có 3 tiểu đội (2 tiểu đội tại chỗ và 1 tiểu đội trinh sát). Lực lượng rộng rãi 628 chiến sĩ hình thành ở mỗi xóm một tiểu đội, đồng thời xây dựng 2 trung đội, một trung đội vận tải và một trung đội công binh, lực lượng dự bị động viên 155 đồng chí trong đó có 2 cấp tá, 19 cấp úy còn lại là hạ sĩ quan chiến sĩ. Đảng bộ còn chú ý bổ sung hoàn thiện thế trận phòng thủ trong thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, thống nhất. Đi đôi với công tác tổ chức là công tác huấn luyện trong 10 năm từ 1990 đến 2000, gần 700 lượt chiến sĩ được huấn luyện (mỗi năm từ 60 - 80 chiến sĩ). Kết quả kiểm tra kỹ thuật, chiến thuật, bắn đạn thật đạt 80% khá giỏi. Đặc biệt từ năm 1997 đến 2000 lực lượng dân quân xã tham gia các đợt diễn tập quân sự, trong diễn tập chung của toàn huyện. Trong đợt diễn tập "ZT98" ngoài huấn luyện quân sự theo phương án A2 (phương án tác

chiến trị an) làm cho Đảng ủy, chính quyền các ngành, các cấp nắm vững các động tác vận hành của cơ chế 02/BTC về Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các đoàn thể làm tham mưu, thực hành thứ tự các bước chuyển trạng thái, sẵn sàng chiến đấu và sử lý các tình huống dự kiến sẽ xẩy ra. Trong diễn tập lực lượng dân quân làm nòng cốt kết hợp với xây dựng kinh tế, xã đã huy động 2.306 công lao động xã hội, 2.450 công lao động công ích, 13 chuyến xe công nông làm mới 2km đường, sửa chữa, phát quang 15 km đường giao thông, khai thác, đào đắp 1.755 mét khối đất đá, nạo vét 500 mét kênh mương. Lực lượng dân quân phối hợp với công an truy thu 4.000.000 đồng thuế, truy thu quỹ an ninh quốc phòng, xây dựng trạm xá 1.500.000 đồng, sử phạt hành chính 230.000 đồng . Qua các đợt diễn tập ý thức quốc phòng và tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu thường xuyên được nâng cao.

Đối với công tác xây dựng Đảng, trong những năm 90 của thế kỷ XX tình hình thế giới diễn biến vô cùng phức tạp, Liên Xô "thành trì" của hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước đông âu lần lượt sụp đổ. Tình hình trong nước cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, dẫn đến khủng hoảng kinh tế kéo dài, do các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "Diễn biến hòa bình" bằng nhiều

thủ đoạn hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mặt khác những hạn chế yếu, kém của nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp chưa được khắc phục, làm cho kinh tế đất nước đã khó khăn càng khó khăn hơn. Trong khi đó ở địa phương, hợp tác xã tan rã, kinh tế tập thể không còn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nông thôn, thêm vào đó đường lối đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII thông qua có những điểm mới mẻ chưa hề có tiền lệ, như xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, cho phép tư nhân, cá thể tự do kinh doanh theo pháp luật. Về đối ngoại "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền lãnh thổ, bình đẳng cùng có lợi". Những sự kiện trên đã tác động vào tư tưởng đảng viên cán bộ và nhân dân xã Trung Lương. Một bộ phận đảng viên băn khoăn lo lắng, hoang mang dao động, một số ít đảng viên nhất là đảng viên cao tuổi, cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu có biểu hiện hoài nghi, thậm chí cho rằng: Đảng ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa, ngả theo con đường tư bản chủ nghĩa, không phân biệt rõ kẻ thù nên thiếu lòng tin. Một số ít đảng viên có cả đảng viên chính thức, bỏ sinh hoạt nhiều kỳ không có

lý do, không đóng đảng phí theo điều lệ quy định. Về tổ chức từ năm 1992 trở về trước Đảng bộ Trung Lương có 7 chi bộ (6 chi bộ lãnh đạo 6 hợp tác xã, 1 chi bộ lãnh đạo 3 trường) đó là các chi bộ Hồng Lương, Hồng Quang, Quyết Tâm, Cầu Đá, Văn Lương, Vũ Lương và chi bộ nhà trường. Năm 1992 hợp tác xã không còn, những hoạt động kinh tế xã hội không còn gắn với kinh tế tập thể thì các chi bộ lúng túng, không có hướng lãnh đạo nhiều đảng viên cho rằng hợp tác xã không còn thì không còn gì để lãnh đạo, nên các cuộc sinh hoạt chi bộ thường không đúng định kỳ 1 tháng 1 lần, mà 3 đến 6 tháng mới sinh hoạt, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, chỉ mang tính hình thức. Đối với thường vụ Đảng ủy hoạt động mang tính sự vụ hành chính, quan hệ giữa Đảng với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể thiếu chặt chẽ, những hạn chế trên, do nhiều yếu tố khách quan tác động, làm cho hoạt động của Đảng bộ thời gian đầu có nhiều lúng túng, nhưng về cơ bản Đảng bộ Trung Lương vẫn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc chấp hành nghị quyết của cấp ủy cấp trên, đoàn kết nội bộ, đại bộ phận đảng viên vẫn giữ vững niềm tin gương mẫu, nhanh chóng thích ứng với cơ chế mới, tự học hỏi để nhận thức và hành động đúng bản chất đường lối đổi mới của Đảng, có lực lượng đảng

viên này làm nòng cốt những khó khăn tạm thời đang từng bước được khắc phục. Tháng 6/1992 Nghị quyết Trung ương III (khóa VII) về đổi mới chỉnh đốn Đảng ra đời, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đáp ứng nhiệm vụ nặng nề trong thời kỳ đổi mới. Nội dung của Nghị quyết Trung ương III là sắp xếp lại tổ chức, đổi mới công tác cán bộ, đưa chi bộ về lãnh đạo địa bàn dân cư, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, phải được thống nhất trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Đầu năm 1993 Đảng bộ Trung Lương tiến hành các bước tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương III (khóa VII) theo sự chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy Định Hóa. Về tư tưởng, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, phổ biến, quán triệt những quan điểm của Đảng về đổi mới chỉnh đốn Đảng, xây dựng chương trình vận dụng vào điều kiện cụ thể của Đảng bộ, chỉ đạo các chi bộ sinh hoạt đối chiếu với nội dung nghị quyết, chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế của chi bộ, từng đảng viên trong thời gian qua, uốn nắn những nhận thức lệch lạc về vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, yêu cầu mỗi đảng viên tự học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong

chi bộ, làm cơ sở thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội ở địa phương.

Về tổ chức, chuyển các chi bộ trước đây tổ chức theo mô hình lãnh đạo hợp tác xã về lãnh đạo địa bàn xóm bản. Căn cứ số lượng đảng viên và địa bàn dân cư, Đảng ủy quyết định thành lập 11 chi bộ trong đó 10 chi bộ lãnh đạo 17 xóm bản và 1 chi bộ lãnh đạo 3 trường học. Đó là các chi bộ: Văn Lương 15 đảng viên, Cầu Đá 10 đảng viên, Quang Vinh 18 đảng viên, Lương Trung 11 đảng viên, Hoàng Tiến 15 đảng viên, Hòa Lịch 14 đảng viên, Tiến lợi 16 đảng viên, Vũ Lương 21 đảng viên, Hồng Lương 5 đảng viên, Quyết Tâm 18 đảng viên, nhà trường 9 đảng viên. Cuối năm 1993, Đảng bộ đã tổng kết năm đầu thực hiện nghị quyết trung ương III (khóa VII) từ chi bộ đến các tổ chức do Đảng bộ chỉ đạo, thực tế cho thấy; Đối với chi bộ đưa về lãnh đạo địa bàn xóm bản là một chủ trương đúng, tạo cho chi bộ phát huy vai trò lãnh đạo, gắn bó mật thiết với cuộc sống của nhân dân, so với trước 1993 chi bộ tiến bộ rõ rệt, trong công tác quản lý đảng viên, thực hiện nền nếp sinh hoạt, hàng tháng đề xuất được hướng giải quyết những vấn đề mới nẩy sinh, hợp với nguyện vọng nhân dân. Đối với đảng viên nhận thức rõ về đường lối đổi mới

của Đảng, thông suốt với đường lối kinh tế mở cửa, phát huy tính tích cực của cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, từ đó bản thân tự vươn lên làm giàu chính đáng, tích cực sản xuất vượt qua đói nghèo mới đủ khả năng lãnh đạo quần chúng. Đây là điểm mới bổ sung vào nhận thức về phẩm chất, năng lực của người đảng viên. Đối với Đảng ủy đã xây dựng quy chế làm việc, quy định mối quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể và các chi bộ, phân công, phân nhiệm cụ thể trên nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định chế độ sinh hoạt, giao ban, báo cáo, nắm vững thông tin hai chiều để có hướng lãnh đạo kịp thời và sâu sát. Kết quả bình xét năm 1993, tổng số 152 đảng viên, đủ tư các loại I: 75 đồng chí (50%) khá: 65 đồng chí (41%) loại III: 11 đồng chí (8,5%) và loại IV: 01 đồng chí (0,5%). Quá trình rà soát chất lượng đảng viên Đảng ủy đã chỉ đạo khai trừ 3 đảng viên, xóa tên 8 đảng viên dự bị vì bỏ sinh hoạt nhiều kỳ không có lý do. Về chi bộ; 1 chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh là chi bộ Quang Vinh, 3 chi bộ khá: chi bộ Tiến Lợi, Cầu Đá, nhà trường, 6 chi bộ trung bình, 1 chi bộ yếu là chi bộ Quyết Tâm. Đảng bộ đạt loại khá.

Sau Đại hội lần thứ 18 năm 1994, hàng năm Đảng bộ đã bổ sung quy chế coi trọng việc hoàn thành nhiệm

vụ chính trị của đảng viên, chi bộ làm thước đo mức độ đạt các tiêu chuẩn do Trung ương đề ra, từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trên cả 3 mặt: chính trị tư tưởng và tổ chức. Trong tổ chức thực hiện Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể căn cứ vào nghị quyết của Đảng ủy và sự chỉ đạo của các ngành chức năng cấp trên, chuyển thành các chương trình kế hoạch, triển khai nhiều biện pháp tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Việc đánh giá chất lượng đảng viên ngày càng sâu sát, nghiêm túc, kết quả phấn đấu đạt tiêu chuẩn được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Nếu như năm 1993 chỉ có 1 chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và còn 1 chi bộ yếu, Đảng bộ chỉ ở mức độ khá, từ năm 1994, đến năm 1999 đã có 6 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh đó là các chi bộ Hồng Lương, Quang Vinh, Tiến Lợi, Hòa Lịch, Cầu Đá, nhà trường; 3 chi bộ khá, Vũ Lương, Văn Lương, Quyết Tâm; 2 chi bộ trung bình là Hoàng Tiến, Lương Trung, không còn chi bộ yếu kém. Đối với đảng viên cũng có chuyển biến tích cực trong 164 đảng viên dự phân loại có 127 đồng chí đạt loại I bằng 77,7%, 33 đồng chí đạt loại II bằng 19,9%, 5 đồng chí đạt loại III bằng 3% không còn loại IV. Đảng bộ liên tục đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Để nâng cao trình độ năng lực công tác cho cán bộ đảng viên, Đảng ủy đã cử 4 đồng chí cán bộ chủ chốt tham gia học lớp trung cấp lý luận tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, vừa học, vừa công tác các đồng chí đã cố gắng hoàn thành chương trình. Từ năm 1996 đến năm 2000; 40 lượt Bí thư chi bộ, trưởng xóm, 35 lượt cán bộ đoàn thể, công an viên, cán bộ quân sự đã được cử đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ ngắn ngày do các cơ quan chuyên môn huyện tổ chức, 95% đảng viên tham gia học tập nghị quyết của cấp trên và cấp mình, qua học tập nhận thức về đường lối đổi mới của đảng ngày càng sáng tỏ.

Chấp hành nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, từ năm 1999 thực hiện cuộc vận động xây dựng tổ chức chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương VI lần 2 (khóa VIII) Đảng bộ đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành bước 2 của cuộc vận động, từng đảng viên, cán bộ tự kiểm điểm theo phương châm tự phê bình và phê bình, lấy việc học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh làm chuẩn mực. Qua thực hiện Nghị quyết Trung ương VI lần 2, Đảng bộ đã nghiêm khắc chỉ ra những hạn chế trong quá trình xây dựng Đảng bộ từ đó đề ra hướng khắc phục. Về phát triển Đảng từ 1990 đến năm

1995 các chi bộ lúng túng trong công tác phát triển do những diễn biến phức tạp, khi kinh tế tập thể không còn. Từ năm 1996 trở đi Đảng bộ đã tích cực uốn nắn những sai sót, coi công tác phát triển đảng viên mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của công tác xây dựng Đảng. Vì vậy trong 5 năm từ (1996 - 2000) Đảng bộ đã kết nạp được 25 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên 164 đồng chí.

Về xây dựng và củng cố chính quyền, Đảng ủy đã chỉ đạo chặt chẽ cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1994 – 1999, thành lập Ban bầu cử, tổ chức nhân dân phổ biến mục đích yêu cầu và nội dung của cuộc bầu cử, vận động nhân dân giới thiệu những người có năng lực, nhiệt tình, có uy tín để lựa chọn bầu vào Hội đồng nhân dân xã. Do tổ chức tốt công tác tuyên truyền 99% cử tri tham gia bầu cử. Kết quả 22 đại biểu trúng cử trong đó có 6 nữ, 12 đảng viên, dân tộc thiểu số 12. Đảng ủy đã chỉ đạo Hội đồng nhân họp bổ sung quy chế, đề ra chương trình hoạt động sát thực và bầu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Đình Ký Bí thư Đảng ủy trúng cử Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Thành Lê phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Dương Văn Kháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Hứa Đức Hưng làm phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tích cực hoạt động cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng bộ triển khai thành chương trình cụ thể phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội. Đối với xóm bản Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo chia tách, sắp xếp địa bàn từ 17 thành 23 xóm bản cho phù hợp và thuận tiện việc điều hành chung, thống nhất bầu trưởng xóm và kiện toàn các tổ chức ở các xóm được chia tách. Tính đến năm 2000 hoạt động của hệ thống điều hành đã ổn định thông suốt từ xã đến các xóm bản.

Thực hiện chủ trương đổi mới phương thức tập hợp quần chúng, những năm 1996 -2000 mặt trận tổ quốc cùng các đoàn thể quần chúng được củng cố, xây dựng hệ thống chi hội đến từng xóm bản, các tổ chức hội làm nòng cốt trực tiếp triển khai cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", với những tiêu chí cụ thể về gia đình văn hóa, xóm bản văn hóa, góp sức xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Phong trào có sự chỉ đạo của huyện hội. Hoạt động của các hội đã đi vào nền nếp. Hội nông dân vận động hội viên và nhân dân tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, tiếp thu khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất. Hội Cựu chiến binh mới được thành lập từ ngày 4 tháng 9 năm 1992,

ban đầu có 80 hội viên Ban chấp hành lâm thời do Đảng ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Thanh Sơn làm Chủ tịch. Quá trình hoạt động đến năm 2000, Hội cựu chiến binh có tiến bộ vượt bậc với 10 chi hội 163 hội viên, những đóng góp của Hội Cựu chiến binh khẳng định truyền thống "bộ đội cụ Hồ" luôn được các cấp Hội phát huy, trong sản xuất nông nghiệp Hội viên Cựu chiến binh là những người đi đầu trong thực hiện đổi mới. Ngoài những hoạt động chung, nội bộ các chi hội còn tổ chức gây quỹ, tổ chức thăm hỏi động viên khi ốm đau, cho hội viên vay đề góp phần tăng thêm vốn phát triển kinh tế gia đình tổng số tiền quỹ của hội có 16.200.000 đồng, tính bình quân 320.000/ 1 hội viên. Hoạt động của Hội Cựu chiến binh được Đảng bộ xác định là tổ chức đoàn thể đi đầu của địa phương.

Hội Phụ nữ, vận động chị em thực hiện tốt 2 phong trào và 5 chương trình do Trung ương hội phụ nữ Việt Nam phát động, hỗ trợ giúp nhau phát triển kinh tế, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bằng những việc làm cụ thể thiết thực, Ban chấp hành Hội đã đứng ra tín chấp vay vốn ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện, giúp hội viên đầu tư phát triển kinh tế gia đình, gây quỹ giúp nhau xóa đói giảm nghèo, thông qua các hoạt động theo phương châm

vì sự phát triển của cộng đồng và quyền lợi của hội viên . Nhiều gia đình hội viên đã vươn lên sản xuất kinh doanh đạt được mức thu nhập khá, số hội viên nghèo giảm đáng kể, hàng năm tổng kết Hội Phụ nữ xã Trung Lương đều được cấp trên tặng giấy khen.

Quá trình xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh ở Trung Lương là quá trình phấn đấu bền bỉ và liên tục, phát huy những ưu điểm khắc phục những hạn chế, yếu kém, vươn lên bằng sự nỗ lực của mình, từng bước xây dựng Đảng bộ đạt được kết quả đáng ghi nhận, có thể khẳng định trong 10 năm từ 1991 đến 2000, thời gian Đảng bộ Trung Lương tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị điều kiện vươn lên vào những năm tiếp theo.

II. Đảng bộ Trung Lương lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2000 - 2010)

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX, với quyết tâm của Đảng bộ và sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ đã đề ra giải pháp cụ thể về phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng Đảng, thực hiện xuyên suốt trong toàn khóa. Căn cứ các giải pháp do Đảng ủy xây dựng, Ủy ban nhân dân xã đã đề ra chương trình thực hiện cụ thể và thành lập các ban điều hành, phối hợp chặt chẽ, đồng

bộ với các ban ngành đoàn thể, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội đã đề ra.

Đối với sản xuất nông nghiệp (cây lúa), được Đảng bộ xác định là cây trồng chính. Do đó bằng mọi biện pháp để tăng nhanh sản lượng thóc, đảm bảo an ninh lương thực, mặt khác phục vụ cho việc sản xuất hàng hóa. Trong 2 năm 2001, 2002, Ủy ban nhân dân đã dành ra 1 ha đất ruộng ở khu vực Bảy Bung phối hợp với phòng nông nghiệp huyện làm thí điểm ô mẫu thực hiện 3 vụ, với 2 vụ lúa 1 vụ ngô đông. Để thực hiện thắng lợi các chương trình trên, Đảng ủy nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mà đặc điểm của Trung Lương không có suối đầu nguồn mà chỉ có các ngòi rạch nên Ủy ban nhân dân đã tập trung chỉ đạo khôi phục các ao hồ nhỏ, nạo vét lòng hồ, động viên nhân dân trữ nước ở các ao tư của gia đình, tu sửa các con đập đã xuống cấp xây dựng kiên cố hóa kênh mương theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Từ những nhận thức đó, Ủy ban nhân dân xã đã huy động hơn 1000 công lao động, 50 triệu đồng vốn đối ứng của nhân dân xây dựng, tu sửa các tuyến mương từ ao, hồ, đập về các cánh đồng: như các tuyến mương Thẩm Rạ ra Nạ Rị, Hồ Đồng Căm xuống Khảu Hà sang Thẩm Pất, Ao Lở ra Đồng Hàng (dài 650 mét),

Đồng Đầm sang Nạ Sai xuống Bảy Bung ra Bản Bè (dài 2,2 km), Nạ Mương xuống Làng cũ (dài 700m) với tổng số tiền là 800 triệu đồng (trong đó Nhà nước đầu tư 60%, dân đối ứng 40%). Từ đó đảm bảo nước tưới cho 252 ha cấy được 2 vụ (100 ha vụ xuân, 152 ha vụ mùa). Nhờ chủ động được tưới tiêu, chính quyền chỉ đạo sát lịch thời vụ, thống nhất cơ cấu giống cho từng xóm, sử dụng giống lúa cấp I có năng xuất cao và ổn định phù hợp với điều kiện sinh trưởng ở vùng đất này, như Khang dân 18, Bao thai 5T, Bao thai 549, nên từ năm 2001 đến năm 2005, mặc dù thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng cả 2 vụ lúa nhưng năng suất vẫn tăng từ 40 tạ/ha năm 2001 lên 45 tạ /ha năm 2005. Đối với cây mầu, chỉ tiêu 50 triệu đồng/3 vụ (tăng hệ số quay vòng đất lên 3 lần trên 1 đơn vị diện tích) cấp ủy, chính quyền đã chỉ đạo nhân rộng ra toàn xã, diện tích mầu mỗi năm đạt từ 40 ha, trong đó chủ yếu là ngô đông 20 ha, khoai lang 10 ha, đậu, đỗ, lạc 10 ha. Ngoài ra nhân dân còn tận dụng bờ bãi đất ven đồi trồng trên 20 ha sắn. Được trạm khuyến nông huyện cung cấp giống ngô đông cho năng suất cao như CP999, CP88, lạc VN4 nên sản lương mầu quy thóc đạt 100 tấn/năm. Tính sản lượng lương thực cây có hạt quy thóc trong nhiệm kỳ là 6028 tấn vượt 9,6% kế hoạch (riêng thóc đạt 1.100 tấn/năm), bình quân

lương thực tính theo đầu người đạt 276 kg/người/năm, riêng thóc là 250 kg/người/năm. Qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới đã làm chuyển biến tư duy kinh tế, thay đổi cách thức làm ăn của người dân thích ứng dần với cơ chế thị trường. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Hội Nông dân, Hội Phụ nữ phối hợp với trạm khuyến nông huyện, xuống các xóm mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật, phổ biến kiến thức mới như gieo mạ trên nền đất cứng, gieo mạ khay, hướng dẫn quản lý đồng ruộng, phát hiện sớm sâu bệnh để kịp thời phòng trừ. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào thâm canh cây lúa, cây chè, cây màu đạt kết quả, đã làm cho người nông dân phấn khởi, tin tưởng vào sự chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền. Từ đó đã tháo gỡ được khó khăn để tăng trưởng lương thực một cách ổn định hoàn thành vượt mức 9,6% kế hoạch đề ra. Với kết quả trên xã đã cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, có sản phẩm hàng hóa bán ra thị trường.

Đối với cây chè, được xác định là cây mũi nhọn trong quá trình phát triển kinh tế của xã. Cây chè trong cơ chế thị trường sẽ tạo ra sản phẩm hàng hóa, là cây xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho nhân dân, do đó trong những năm vừa qua cấp ủy, chính quyền đã

khuyến khích nông dân đầu tư công sức phát triển mạnh cây chè, tiếp tục cải tạo chăm sóc diện tích chè hiện có, phấn đấu năng suất bình quân 55 tạ/ha đạt tổng sản lượng 385 tấn/năm chè búp tươi. Tận dụng đất để trồng thêm 30 ha chè mới phấn đấu đến năm 2005 tổng diện tích chè đạt 100 ha trong đó 20 ha chè cành. Do chăm bón, thu hái đúng kỹ thuật nên mỗi năm thu hoạch 385 đến 450 tấn chè búp tươi, cung cấp cho nhà máy chè Định Hóa, ngoài ra các gia đình còn chế biến chè khô bán ra thị trường. Tuy vậy kỹ thuật chế biến, xao tẩm chè khô chưa được cải tiến, nên chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, do đó thế mạnh cây chè chưa được phát huy, nên thu nhập của người nông dân từ cây chè chưa tương xứng.

Về chăn nuôi, nắm bắt lợi thế về đồi rừng đã được nhân dân quản lý có thể mở rộng chăn nuôi đại gia súc và điều chỉnh chăn nuôi ở từng xóm theo hướng tăng chủng loại gia súc, gia cầm như: trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt.v.v... áp dụng các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến để tăng số lượng, chất lượng tạo ra sản phẩm hàng hóa, có điều kiện tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Từ chủ trương này cấp uỷ, chính quyền xã đã phối hợp với trạm thú y, trạm khuyến nông huyện mở các lớp tập huấn về phương pháp chăn nuôi

theo mô hình bán công nghiệp. Từ năm 2001 đến 2005, được hướng dẫn và khuyến khích động viên bằng chính sách Nhà nước cho vay vốn với lãi xuất ưu đãi để mở rộng chăn nuôi, nhiều gia đình ở các xóm đã khoanh vùng chăn thả trâu, bò, dê, xây dựng chuồng trại nuôi lợn và gia cầm, áp dụng phương pháp chọn giống, sử dụng các loại thức ăn tổng hợp, đảm bảo vệ sinh nên đàn gia súc phát triển khá, không bị dịch bệnh. Theo thống kê của xã tổng đàn trâu, bò có 420 con, dê 500 con, gia cầm có 20.000 con, lợn 3.500 con trong đó có 87 con nái, hàng năm cung cấp vài trăm con giống cho nhân dân trên địa bàn xã. Tuy vậy trong chỉ đạo phát triển chăn nuôi nhiệm kỳ 2000 - 2005 còn bộc lộ một số hạn chế. Ngoài lợn và gia cầm tăng khá vượt kế hoạch 20 đến 35% mỗi năm, trâu, bò, giảm so với năm 2000. Sự gảm sút trên có nguyên nhân khách quan chi phối do diện tích chăn thả bị thu hẹp, phong trào cơ giới hóa trong khâu làm đất thay trâu phát triển mạnh. Toàn xã có hơn 20 máy cày, bừa cỡ nhỏ nên sức kéo của trâu bò đã ít được sử dụng, mặt khác các loại thực phẩm đa dạng được tự do lưu thông trên thị trường làm cho nơi tiêu thụ và giá cả gia súc không ổn định, người nông dân chăn nuôi nhiều khi không có lãi. Đảng bộ cũng nghiêm túc chỉ ra nguyên nhân chủ quan là do cấp ủy, chính quyền

chưa chỉ đạo sát xao, còn phụ thuộc vào thị trường, nên tiềm năng về chăn nuôi của xã chưa được phát huy, từ đó chăn nuôi chưa trở thành ngành sản xuất chính như nghị quyết của Đảng bộ đề ra. Để từng bước hoàn thiện mô hình kinh tế Nông - lâm nghiệp - Thủ công nghiệp - dịch vụ theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ, cấp ủy chính quyền xã động viên khuyến khích các hộ phát triển thêm ngành nghề như mộc dân dụng, may mặc, vận tải, máy xay xát, sản xuất vật liệu xây dựng mỗi năm sản xuất được trên 15 vạn viên gạch, hàng nghìn mét khối đá, cung cấp cho xây dựng các công trình công cộng và xây dựng nhà cửa của người dân trên địa bàn xã và các vùng lân cận. Bên cạnh đó đã xuất hiện các gia trại tổng hợp như trồng rừng kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, thả cá. Đến năm 2005 đã có 8 gia trại nhỏ.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là động lực quan trọng để phát triển kinh tế toàn diện. Từ năm 2000 đến năm 2005 nhiều dự án của Nhà nước về xây dựng Điện, Đường, Trường, Trạm được triển khai ở Trung Lương, một số công trình trọng điểm đã được xã triển khai hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Về đường giao thông, đường trục chính 264B vào ATK Thủ đô kháng chiến năm xưa đã được nhà nước

đầu tư mở rộng và rải nhựa có 4 km qua địa phận Trung Lương, đây là điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế của xã phát triển. Đường giao thông nông thôn được mở rộng các tuyến từ đường trục về các xóm, như tuyến từ Tân Tiến đi Quang Trung - Tân Vinh - Hồng Lương - Văn Lương, tuyến từ Tân Tiến đi Hồng Hoàng, Từ Thẩm Quản đi Thẩm Tang - Hòa Bình - Khuẩn Hấu - Nà Nạn - Vũ Lương 2 các tuyến đường liên xóm, từ năm 2003 trở đi xã đã huy động hàng nghìn công lao động và kinh phí để duy tu, bảo dưỡng, làm đường liên thôn nên cũng nhanh chóng được khai thông từ xóm này qua xóm khác tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh trong toàn xã. Và bê tông hóa hoàn chỉnh cầu tràn Bảy Bung với tổng kinh phí 146.000.000 đồng. Về điện năm năm 2002 xã Trung Lương được Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục đầu tư 140 triệu đồng xây dựng trạm hạ thế số 2 với công xuất 100 KVA ở xóm Lịch Đàm, 8 km đường dây hạ thế 0,4 về các xóm Hòa Bình, Khuẩn Hấu, Nà Nạn, Lương Trung, Bảy Bung, Vũ Lương 1,2,3 với tổng số tiền là 240 triệu từ nguồn vốn xây dựng hạ tầng cơ sở của huyện và 100 triệu đồng đóng góp đối ứng của nhân dân, đến thời điểm này điện lưới quốc gia đã đến 21 xóm bản trong toàn xã và 91% hộ dân có điện thắp sáng. Năm 2005 để đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân được tốt hơn, xã tiếp tục

đầu tư xây dựng thêm 2 trạm biến áp 3 và 4 với công suất là 200 KVA ở xóm Tân Vinh và Hồng Lương với tổng số vốn là 550 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 90 triệu đồng còn lại là nguồn vốn 135, để cung cấp điện cho số xóm còn lại và điều chỉnh lưới điện ở các xóm Tân Vinh, Quang Trung, Hồng Lương, Văn Lương 1 Văn Lương 2. Có thể nói đến năm 2005 toàn xã đã xây dựng xong 4 trạm biến áp và nâng cấp một số nhánh điện ở xóm với tổng kinh phí 1.093.906.000 đồng. Đến thời điểm này 100% xóm bản và 100% số hộ trong toàn xã đã được hưởng ánh sáng điện của Đảng. Về phương thức quản lý điện. Xã thành lập Ban quản lý điện do đồng chí Phó Chủ tịch ủy ban làm trưởng ban gồm 5 thành viên, đến năm 2003 Thành lập hợp tác xã dịch vụ điện, do ông Hoàng Thanh Xuất làm Chủ nhiệm hạch toán độc lập ăn chia theo điều lệ hợp tác xã, tính từ công tơ tổng với ban điện huyện. Ngoài ra hàng năm xã còn đầu tư kinh phí trùng tu lại trạm xá, mua sắm thiết bị y tế, với tổng kinh phí đầu tư là 20.000.000 đồng. Xây đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ với tổng kinh phí là 28.000.000 đồng.

Về thủy lợi, tiếp tục nâng cấp hồ Lê Lợi xây dựng 3 km theo chương trình kiên cố hóa kênh mương với tổng kinh phí 320.000.000 đồng

Trong 5 năm qua Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân phát huy nội lực với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm xã đã xây dựng được nhiều công trình vượt mức kế hoạch nghị quyết Đại hội đề ra.

Về giáo dục, được sự quan tâm của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và sự chỉ đạo của ngành giáo dục cùng với các biện pháp tích cực và hiệu quả của của Đảng ủy, chính quyền các ngành, các cấp sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới. Về xây dựng trường lớp, Đảng ủy chủ trương sử dụng một phần vốn 135, đồng thời huy động vốn từ nhân dân chủ yếu là cha mẹ học sinh làm đối ứng đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa trường học. Năm 2000 trường tiểu học được ngành giáo dục đầu tư xây dựng 10 phòng học cấp 4, với tổng số vốn là 300 triệu đồng trong đó vốn của nhà nước là 245 triệu đồng nhân dân đóng góp là 55 triệu đồng, phòng giáo dục huyện cấp hỗ trợ 30 triệu đồng để bê tông đường lên trường và đường đi lại xung quanh sân trường, Sở giáo dục đầu tư xây dựng một nhà hiệu bộ với tổng kinh phí là 250 triệu đồng năm học 2001- 2002 đã được đưa vào sử dụng. Trường Trung học cơ sở năm 2004 - 2005 nhà nước tiếp tục đầu tư xây dựng 10 phòng học nhà cao tầng với tổng số tiền là 1,1 tỷ đồng, đến năm học 2005 -2006 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

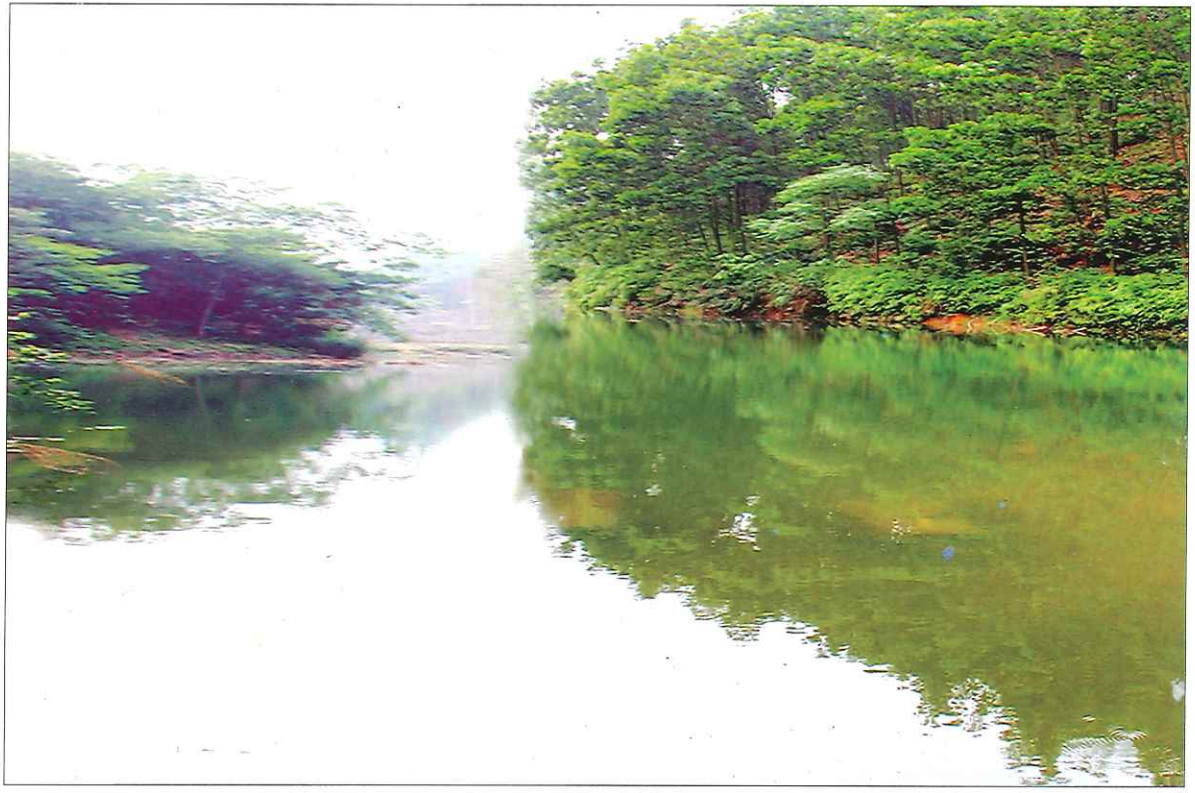

HỒ ĐỒNG CĂM, XÓM LÊ LỢI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẦU MỐI

Đối với trường mầm non, năm 2005 xã đã sử dụng vốn 135 xây dựng mới toàn bộ hệ thống trường mầm non ở khu trung tâm với 3 phòng học nhà cấp 4 đồng thời tu sửa các lớp học phân hiệu, xây dựng các công trình phụ trợ với tổng kinh phí là 370 triệu đồng, đến thời điểm này trường mầm non có 6 phòng học trong đó có 3 phòng học kiên cố còn lại là phòng học tạm. Có thể nói chỉ trong thời gian ngắn diện mạo của các trường đã có nhiều thay đổi, tạo điều kiện cho con em được học tập trong những phòng học khang trang sạch đẹp. Tuy vậy, cơ sở vật chất trường lớp so với yêu cầu còn phải tiếp tục phấn đấu với quyết tâm cao hơn nữa, mới đáp ứng được những quy định của trường chuẩn quốc gia giai đoạn tiếp theo.

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, chất lượng giảng dạy và học tập cũng tăng lên rõ rệt Trường tiểu học có có 14 lớp với 345 học sinh và 25 thầy cô giáo do cô Hoàng Thị Hoa làm Hiệu trưởng. Trường trung học cơ sở có 12 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9) với 489 học sinh và 26 thầy cô giáo do cô Dương Thị Toàn làm Hiệu trưởng. Trường mầm non có 07 nhóm lớp với 118 cháu và 9 giáo viên (trong đó 3 giáo viên biên chế 6 giáo viên dạy hợp đồng) do cô Vũ Thị Oanh làm Hiệu trưởng. Tính đến năm học 2004 – 2005 cả 3 cấp học có

54 giáo viên, 819 học sinh so với năm học 2000 - 2001 số lớp và số học sinh của trường tiểu học và trung học cơ sở giảm theo đà phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình. Chất lượng dạy và học được nâng lên, cơ sở vật chất nhà trường cũng được đầu tư nâng cấp, 100% giáo viên cả 3 trường trình độ chuyên môn đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó số trên chuẩn đạt khá (trường tiểu học 80%, Trung học cơ sở 50%, mầm non 10%). Hàng năm giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, theo nội dung mới do ngành giáo dục đào tạo tổ chức. Triển khai chương trình đổi mới phương pháp dạy học và thay sách giáo khoa. Trường tiểu học, trung học cơ sở đã thực hiện nghiêm túc phương pháp dạy học theo quy trình mới, giữ vững nền nếp hoạt động chuyên môn, tổ chức thăm lớp, dự giờ, thao giảng, thanh tra, kiểm tra, đánh giá chất lượng thường xuyên, tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, chọn giáo viên giỏi xuất sắc tham gia dự thi giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Kết quả hầu hết giáo viên có tay nghề vững, trách nhiệm với học sinh, số giáo viên dạy giỏi tăng từ 10 đến 20% chất lượng học tập của học sinh được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp lên lớp hàng năm đạt 98% đến 100%, số học sinh giỏi các cấp tăng lên đáng kể.

Trường tiểu học năm học 2000 - 2001 có 103 học sinh giỏi bằng 19,7% đến năm học 2004 - 2005 tăng lên có 111em bằng 32,1% Học sinh giỏi của trường trung học sơ sở tăng từ 25% lên 31%. Cùng với việc nâng cao chất lượng học tập, nhà trường luôn coi trọng công tác giáo dục đạo đức, ý thức tập thể cho học sinh, thông qua công tác đoàn, đội, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động bổ trợ được cụ thể hóa bằng các phong trào "tiếp bước cha anh" "Nối vòng tay lớn", "Đền ơn đáp nghĩa"... Từ các phong trào này, tổ chức cho học sinh tham gia vào nhiều hoạt động thiết thực, như thăm hỏi tặng quà, giúp gia đình thương binh liệt sĩ, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà trường, cắm trại, thi thể dục thể thao, hội diễn văn nghệ. Những hoạt động trên đã góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh, tạo không khí vui tươi lành mạnh, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong các nhà trường. Với quyết tâm của Đảng bộ, nỗ lực của các ngành các cấp và đội ngũ giáo viên, năm 2001 trường tiểu học xã Trung Lương đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia cấp độ I.

Công tác an ninh quốc phòng được đảng ủy, chính quyền đặc biệt chú ý do những tiêu cực xã hội ngày càng gia tăng, len lỏi vào những nơi hẻo lánh của xã. Nên lực lượng công an được củng cố, kiện toàn tổ chức

theo Nghị định 40/CP của Chính phủ gồm 1 trưởng công an 1 phó công an và 23 công an viên ở 23 xóm, đồng thời thành lập ở mỗi xóm một tổ an ninh nhân dân gồm 03 tổ viên do đồng chí công an viên xóm làm tổ trưởng. Ngoài ra được sự chỉ đạo của Công an huyện, xã đã thành lập tổ an ninh lưu động gồm 05 thành viên, làm nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự trên toàn địa bàn xã. Trong 5 năm từ 2000 – 2005 mỗi năm công an xã đã phát hiện và xử lý từ 15 đến 20 vụ chủ yếu là trộm cắp tài sản của công dân, gây rối trật tự, vi phạm an toàn giao thông. Đặc biệt đối với tệ nạn buôn bán và sử dụng ma túy không giảm, năm 2004, 2005 phát hiện một tụ điểm buôn bán ma túy ở xóm Thẩm Quản, Ban công an xã phối hợp với công an huyện tổ chức triệt phá bắt 04 đối tượng lập hồ sơ, đưa ra tòa xét xử tại tòa án nhân dân huyện, đối tượng buôn bán ma túy đã bị sử phạt với mức án 15 năm tù giam. Cả xã có 07 người nghiện. Ban công an đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân đưa đi cai nghiện bắt buộc tại trại 05-06 của tỉnh 2 người còn lại tổ chức cai tại cộng đồng. Với những thành tích trên Công an Trung Lương được cấp trên công nhận là đơn vị đạt danh hiệu thi đua cấp huyện 5 năm liên tục về phòng chống tội phạm ma túy, 10 chiến sĩ công an xã được Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã tặng giấy khen.

Công tác quân sự địa phương, Ban chỉ huy quân sự xã được củng cố theo pháp lệnh dân quân tự vệ gồm 1 chỉ huy trưởng, 1 chỉ huy phó, đồng chí Bí thư Đảng ủy trực tiếp làm chính trị viên. Lực lượng dân quân được củng cố thành lực lượng nòng cốt có 65 chiến sĩ và lực lượng rộng rãi bố trí đều trên các địa bàn. Công tác huấn luyện đảm bảo quân số 98% với tổng số 303/307 lượt chiến sĩ trong 5 năm. Kết quả các năm đều đạt loại khá, riêng năm 2005 đạt loại giỏi.

Lực lượng dự bị động viên hạng I có 105 đồng chí trong đó 15 đảng viên, 104 đồng chí là hạ sĩ quan chiến sĩ tham gia nhiều công tác ở địa phương. Hàng năm theo điều động của Ban chỉ huy quân sự huyện, các chiến sĩ trong lực lượng dự bị động viên của xã, tham gia huấn luyện đầy đủ quân số đạt chất lượng từ khá trở lên. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng đảm bảo đúng kế hoạch, theo chủ trương của Huyện ủy các cán bộ chủ chốt bao gồm Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Xã đội trưởng đều được huấn luyện cơ bản tại trường quân sự tỉnh.

Công tác xây dựng Đảng, căn cứ vào những định hướng lớn do Đại hội Đảng bộ đề ra trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, Đảng ủy đã cử hơn 180 lượt cán bộ

tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ ở các trường Đại học, Trung cấp, trường chính trị tỉnh, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, trong đó 04 đồng chí hoàn thành chương trình trung cấp lý luận, 20 đồng chí được cấp chứng chỉ sơ cấp lý luận, 04 đồng chí hoàn thành chương trình quản lý Nhà nước. Số cán bộ qua đào tạo phần nào đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đối với đảng viên 100% đồng chí đã hoàn thành chương trình lý luận phổ thông và 90% đảng viên được học tập các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của tỉnh, của huyện và của xã. Qua học tập trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội của địa phương. Công tác tổ chức cán bộ, Đảng bộ tiến hành rà soát, kiện toàn, sắp xếp điều chỉnh đội ngũ cán bộ đảm bảo ổn định có tính kế thừa liên tục và mạnh dạn bố trí cán bộ trẻ, có bằng cấp, được đào tạo cơ bản, có năng lực công tác, sắp xếp vào các công việc phù hợp để từng bước đáp ứng với yêu cầu đổi mới của Đảng. Đối với quy mô chi bộ xóm bản, đến

TRỤ SỞ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG LƯƠNG

năm 2005, 50% số xóm, bản có chi bộ[1] còn lại vẫn là chi bộ ghép, chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên không ngừng được nâng lên. Để xây dựng Đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh, các chi bộ đã xây dựng quy chế hoạt động trên cơ sở quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nội dung sinh hoạt từng bước được cải tiến, trong sinh hoạt đảng viên dân chủ thảo luận, đề xuất biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn, thực hiện phê bình và tự phê bình gắn với công tác kiểm tra chi bộ, kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao, từ đó nhận xét, đánh giá phân loại đảng viên một cách nghiêm túc. Đối với chi bộ năm 2000 có 7/12 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, đến năm 2005 tăng lên 10/13 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh bằng 76,92%. Do Đảng bộ

---

[1] 12 Chi bộ /23 xóm bản:
1 - Chi bộ Văn Lương có xóm Văn Lương 1, 2
2 - CB Hồng Lương có xóm Hồng Lương
3 - CB Vũ Lương có xóm Vũ Lương 1, 2, 3
4 - CB Quang Vinh có xóm Tân Vinh, Quamg Trung
5 - CB Hoàng Tiến có Hồng Tiến và Hồng Hoàng
6 - CB Tiến Lợi có xóm Tân Tiến, Tiến Lợi, Lê Lợi
7 - CB Quyết Tâm có xóm Bình Định 1, 2, Thẩm Quản, Thẩm Tang
8 - CB Hòa Lịch có xóm Hòa Bình và Lịch Đàm
9 - Chi bộ Cầu Đá có xóm Nà Nạn, Khuẩn Hấu
10 - Chi Bộ Lương Trung có xóm Lương Trung và Bảy Bungb
11 - CB Trường trung học cơ sở
12 - CB Trường Tiểu học.

luôn quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, hầu hết đảng viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả bình xét năm 2000, số đảng viên dự bình là 164 đồng chí, trong đó 137 đồng chí đủ tư cách mức I bằng 83,54%, mức II là 25 đồng chí bằng 15,24%, mức III là 02 đồng chí bằng 1,22 % , không phân loại 02 đồng chí. Từ năm 2003 trở đi bình xét theo tiêu chí mới đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 139 đồng chí chiếm 76,37%, trong đó 24 đồng chí đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bằng 13%, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ 41 đồng chí chiếm 23,07%, không hoàn thành nhiệm vụ 2 đồng chí chiếm 1,09%.

Thực hiện Chỉ thị 29-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương về công tác đổi và phát thẻ đảng viên, Đảng bộ đã chỉ đạo các chi bộ sinh hoạt, từng đảng viên tự kiểm điểm đối chiếu với tiêu chuẩn do Trung ương đề ra. Kết quả 100% số đảng viên được đổi và phát thẻ.

Về công tác phát triển đảng, Đảng ủy đề ra mục tiêu tăng số lượng nhưng đảm bảo chất lượng, từ đó chỉ đạo các chi bộ lập kế hoạch cụ thể, lựa chọn những quần chúng tích cực, cử đi bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện và giao nhiệm vụ cho quần chúng để thử thách, qua đó, chi bộ xem xét

kết nạp vào Đảng. Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 Đảng bộ đã kết nạp được 41 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 197 đồng chí. Song song với việc phát triển Đảng, công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, tập trung vào những nội dung trong việc chấp hành điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của các cấp và nhiệm vụ của Đảng viên, kịp thời phát hiện những dấu hiệu vi phạm để ngăn chặn kịp thời. Trong nhiệm kỳ đã kiểm tra được 12 lượt chi bộ và hàng chục đảng viên. Trong đó thi hành kỷ luật cách chức 01 Bí thư chi bộ, cảnh cáo toàn Đảng bộ 02 đồng chí, cảnh cáo trước chi bộ 03 đồng chí. Về công tác củng cố chính quyền Đảng bộ tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009. Thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Ban bầu cử Hội đồng nhân dân xã đã tổ chức cho nhân dân học tập mục đích, yêu cầu và nội dung của cuộc bầu cử, giới thiệu những cán bộ, đảng viên có năng lực công tác, có nhiệt huyết để nhân dân lựa chọn bầu vào Hội đồng nhân dân xã. Do làm tốt công tác tuyên truyền bầu cử nên 100% cử tri trong xã đi bầu. Kết quả 26 đại biểu trúng cử trong nhiệm kỳ mới, trong đó đảng viên chiếm 84,6%, quần chúng 15,4% , nữ 19,2%. Ngày 20 tháng 5 năm 2004 kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004 - 2009 đã

bầu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân đồng chí Nguyễn Đình Ký Bí thư Đảng ủy, được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Đình Cúc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Hứa Đức Hưng phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Các đại biểu Hội đồng nhân dân thường xuyên nắm bắt tình hình và tâm tư nguyện vọng của nhân dân phản ánh với thường trực Hội đồng và duy trì các kỳ họp hàng năm đúng quy chế, giám sát các hoạt động của Ủy ban nhân dân, tiếp xúc cử tri, các cơ quan chức năng trả lời chất vấn, từ đó xây dựng các nghị quyết bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đối với Ủy ban nhân dân thực hiện tốt chức năng tổ chức, điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, coi trọng việc cải cách hành chính, thực hiện chế độ một cửa, đổi mới phương pháp tiếp dân, không gây phiền hà trong quá trình tiếp dân, giải quyết kịp thời những vướng mắc mà nhân dân quan tâm.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Cựu chiến binh, đoàn thanh niên đã tập trung kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ, đổi mới phương thức tập hợp quần chúng với nhiều biện pháp linh hoạt, cụ thể, gắn hoạt động của hội với quyền

lợi của hội viên, nên đã thu hút được động đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, bám sát sự chỉ đạo của Hội cấp trên và các nghị quyết của Đảng ủy trong từng thời kỳ, các hội đã tập trung vận động hội viên, đoàn viên, nhân dân tích cực lao động sản xuất, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ thiếu niên nhi đồng, xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình hiếu học, khuyến học, vận động ủng hộ các loại quỹ từ thiện ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, đồng thời là lực lượng chủ yếu động viên toàn dân thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Đặc biệt là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các chương trình lồng ghép mang lại hiệu quả thiết thực. Việc đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu gia đình văn hóa, xóm bản văn hóa theo 8 nội dung do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra được thực hiện đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước, nếu như năm 2003 cả xã chỉ có 480 gia đình đạt gia đình văn hóa thì đến năm 2005 có 520 gia đình đạt gia đình văn hóa. Tổng kết 5 năm 2000 - 2005 có hơn 2.500 lượt hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, 35 gia đình văn hóa tiêu biểu, 23/23 xóm bản xây dựng xong quy ước, hương ước, 07 xóm bản xây dựng được

nhà văn hóa với tổng số tiền 280 triệu trong đó 42 triệu đồng nhà nước hỗ trợ nhân dân đóng góp 238 triệu, có 2 xóm đạt 8 mục tiêu, 02 xóm đạt khu dân cư tiên tiến tiêu biểu là xóm Hòa Bình, Tân Tiến được công nhận làng văn hóa 3 năm liền. Cùng với triển khai sâu rộng phong trào xây dựng làng bản văn hóa, gia đình văn hóa. Thực hiện đề án xóa nhà dột nát cho hộ nghèo cũng được Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể quan tâm. Trong 5 năm đã xây dựng được 05 nhà trong đó có 03 nhà đại đoàn kết 02 nhà tình nghĩa với số vốn 58 triệu đồng do Nhà nước hỗ trợ, còn lại do hộ gia đình cố gắng và sự giúp đỡ công sức, vật liệu, tiền của anh em họ hàng và của nhân dân trong cộng đồng dân cư. Việc xây dựng nhà văn hóa ở xóm bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao, sinh hoạt cộng đồng phát triển đi vào nền nếp, qua đó phát triển tinh hoa văn hóa bản sắc dân tộc. Từ năm 2001 Đảng ủy đã chủ trương "xã hội hóa" phong trào văn nghệ thể thao, lấy xóm bản, nhà trường làm đơn vị tổ chức. Với sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân dưới sự chỉ đạo của Ban văn hóa xã, các xóm đều có 1 đội bóng đá, Trường trung học cơ sở có 1 đội bóng đá thiếu niên. Đội văn nghệ của các xóm, các trường cũng được thành lập, nhiều cuộc biểu diễn văn nghệ đã thu hút

đông đảo các tầng lớp nhân dân đến xem. Phong trào thể dục thể thao phát triển đã tạo điều kiện tốt cho xã tổ chức Đại hội thể dục thể thao lần thứ nhất, vào năm 2001, lần thứ 2 năm 2005, nhiều hội viên tham gia Đại hội thể dục thể thao, hội diễn văn nghệ cấp huyện, nhiều vận động viên, diễn viên của xã đã đạt giải.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI xã Trung Lương được tiến hành vào ngày 1/5/2005 trong không khí phấn khởi, dân chủ, tiếp tục đổi mới. Với tinh thần: "nâng cao năng lực lãnh đạo của toàn Đảng bộ, phát huy dân chủ, huy động nguồn lực, đoàn kết xây dựng xã Trung Lương vững mạnh toàn diện."[1]. Đại hội đã tổng kết đánh giá mặt mạnh, chỉ ra những tồn tại yếu, kém và rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời khẳng định trong nhiệm kỳ qua Đảng bộ đã biết tận dụng những yếu tố khách quan, phát huy nội lực, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng làm đòn bẩy cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nên mức tăng trưởng đạt cao nhất từ trước tới nay, đời sống nhân dân được nâng lên, nông thôn căn bản được đổi thay. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội trong nhiệm kỳ tới đó là: Nông - lâm

[1] Trích báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ xã Trung Lương lần thứ 21 (2005 - 2010).

nghiệp - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp vẫn là mũi nhọn, trong đó nhiệm vụ trọng tâm được xác định là: "tăng nhanh sản lượng lương thực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất phù hợp với nền kinh tế địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, tiếp tục củng cố, xây dựng và đổi mới phương thức hoạt động của các ngành đoàn thể, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân".[1]

Những mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 là:

1 - Tổng sản lượng lương thực đạt 1.330 tấn x 5 = 6.650 tấn.

2 - Diện tích trồng cây công nghiệp - lâm nghiệp - cây ăn quả:

- Diện tích cây ăn quả là 80ha.

[1] Văn kiện Đại Hội nhiệm kỳ 2005 - 2010.

- Diện tích cây chè là 110ha.

- Diện tích trồng rừng là 200ha.

3 - Tổng đàn trâu, bò là 500 con, đàn lợn 4.500 con/hàng năm.

4 - Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp dịch vụ 1,5 tỷ đồng/năm. Thu chi ngân sách hàng năm tăng từ 10 đến 15%.

5 - 100% phòng học xây cấp 4 trở lên, nâng cấp trường tiểu học.

6 - Xây dựng phòng làm việc ủy ban nhân dân xã đủ phòng làm việc 2 tầng, xây trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, xây dựng trạm điện số 5 để cung cấp đủ điện cho dân.

7 - Nâng cấp sân vận động khu trung tâm, nâng cấp, cấp phối 2 tuyến đường chính Hồng Quang - Văn Lương, Quyết Tâm - Cầu Đá, Vũ Lương.

8 - Đề nghị Nhà nước đầu tư kinh phí xây dựng công trình thủy lợi (dự án đường ống hồ Bảo Linh).

9 - Giảm tỷ lệ sinh xuống còn 0,8%.

10 - Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 5%/năm theo chuẩn mới[2].

(2) Trích báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ xã Trung Lương lần thứ XXI

Với tinh thần quyết tâm của Đảng bộ, Đảng ủy đã xây dựng chương trình lãnh đạo toàn khóa, Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch trong 5 năm, đề ra các giải pháp cơ bản và các chỉ tiêu phấn đấu từng năm, coi nội lực là đòn bẩy cho sự phát triển. 5 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, điều hành của Ủy ban nhân dân, vận động của các ban, ngành đoàn thể, cùng với sự quan tâm của huyện của tỉnh, nhân dân xã Trung Lương đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn hoàn thành tốt những mục tiêu kinh tế, xã hội do đảng bộ đề ra.

Về sản xuất nông nghiệp: Để đảm bảo an ninh lương thực, cấp ủy chính quyền xã đã chỉ đạo các xóm đôn đốc quản lý chặt chẽ lịch thời vụ, đảm bảo diện tích mỗi năm 263ha lúa và trên 40ha ngô, đậu đỗ các loại. Thông qua các các chương trình dự án của huyện, nhiều hạng mục công trình phục vụ cho sản xuất được đầu tư xây dựng như kiên cố hóa kênh mương, xây dựng các vai đập, đặc biệt xã được Đảng, Nhà nước đầu tư công trình thủy lợi đường ống dẫn nước từ hồ Bảo Linh về Trung Lương, nâng tổng số diện tích gieo cấy chủ động được nước tưới đạt 80%. Hơn nữa trạm khuyến nông huyện đã cử cán bộ về xã phối hợp với hội nông dân làm tốt công tác chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất trong nhiệm kỳ Ủy ban nhân dân đã

phối hợp với Trạm khuyến nông huyện mở 10 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, cải tạo, chăm sóc chè, kỹ thuật gieo mạ khay cho 500 lượt nông dân. do đó mặc dù ảnh hưởng bởi những tác động về giá cả thị trường thất thường, thời tiết không thuận lợi, nhưng sản xuất nông nghiệp của xã vẫn giữ được thế ổn định, năng suất sản lượng năm sau cao hơn năm trước, năm 2000 đến 2005 tổng sản lượng sản lượng đạt 6.650 tấn, từ năm 2006 đến năm 2010 tổng sản lượng lương thực đạt 6.983 tấn đạt 105% kế hoạch, bình quân lương thực đạt 354kg/người/ năm. Đối với cây chè, tổng diện tích chè năm 2005 là 87ha trong 5 năm trồng mới 23ha, cải tạo giống chè cũ là 10 ha đến năm 2010 nâng diện tích chè lên 110ha. Mặc dù những năm qua giá cả sản phẩm chè không ổn định, tốc độ phát triển chậm, song cây chè vẫn được cấp ủy chính quyền xã xác định là cây mũi nhọn trong quá trình phát triển kinh tế, nên trong những năm qua toàn bộ diện tích chè đươc cải tạo giống chè cũ và nâng tổng diện tích chè kinh doanh lên, năng xuất đạt 65 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi tăng từ 550 tấn (năm 2005) lên 650 tấn (năm 2010). Từ khi có điện các gia đình trồng chè đã đầu tư mua sắm máy sao chè, máy vò chè dùng mô tơ điện giải phóng sức lao động mà làm ra sản phẩm nhanh hơn. Mỗi năm bán ra thị trường hàng chục tấn chè khô.

Song song với cây lúa, cây chè cấp ủy, chính quyền xã cũng chú trọng việc trồng rừng, bảo vệ rừng đi vào nền nếp hơn những năm trước. Do được hưởng lợi từ trồng mới, bảo vệ và khai thác rừng mà người nông dân phấn khởi thực hiện tốt sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền xã. Trong 5 năm từ 2005 - 2010 xã đã trồng mới được 254,1/200 ha, bằng 127% so với nghị quyết đề ra. Điều đáng ghi nhận là rừng trồng mới, khoanh nuôi, bảo vệ được quản lý khá chặt chẽ làm cho độ che phủ tăng 75% lên 85%. Rừng được quản lý, bảo vệ chẳng những đem lại thu nhập ngày càng nhiều cho nhân dân, mà còn tạo ra hệ sinh thái bền vững, góp phần hạn chế những biến đổi thất thường của thiên nhiên. Công tác chăm sóc, bảo vệ rừng của xã, được cơ quan lâm nghiệp huyện đánh giá cao, nhiều năm được các cấp tặng bằng khen, giấy khen.

Cây ăn quả cũng được cấp ủy chính quyền xã quan tâm chỉ đạo trồng chủ yếu các loại như vải thiều, hồng không hạt đến năm 2006 toàn xã đã trồng được 65 ha, song do giá cả thị trường không ổn định, nên người dân đã phá đi để trồng các loại cây khác cho thu nhập cao hơn, do đó diện tích cây ăn quả giảm đi 25ha, đến nay còn 40 ha đã được thu hoạch nhưng mức thu nhập thấp.

Về chăn nuôi thời kỳ này chịu nhiều tác động với những diễn biến không thuận lợi, ngoài việc giá cả thức ăn chăn nuôi tăng, giá sản phẩm bán ra thị trường chững lại (có năm còn giảm) trong khí đó dịch cúm gia cầm H5N1, dịch lợn tai xanh tràn lan làm thiệt hại khá lớn cho người chăn nuôi. Nhưng xác định chăn nuôi là cơ sở chủ yếu làm ra sản phẩm hàng hóa, đưa ra thị trường tạo thu nhập thường xuyên cho người dân, nên Đảng ủy chủ trương đưa một số mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi làm tăng chất lượng đàn gia súc, gia cầm. Trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XXI số lượng gia súc, gia cầm đều tăng khá. Riêng đàn trâu, bò là 441 con đến năm 2009 còn 343 con bằng 76,2% so với nghị quyết đề ra, (lý do giảm là do đồng cỏ bị thu hẹp và nhân dân chuyển đổi để cơ giới hóa nông nghiệp). Đàn lợn tăng từ 4.000 lên 4.500 con (2010) đạt 112% kế hoạch. Đàn gia cầm tăng từ 18.000 con (2005) lên 20.500 con (2010) đạt 102,5 % so với nghị quyết đề ra. Ngoài ra bà con nhân dân còn tận dụng 8 ha ao, hồ nuôi trồng thủy sản để tăng thu nhập cho gia đình, mỗi năm thu hoạch được 5 tấn cá. Chăn nuôi phát triển khá và ổn định là do số hộ nông dân chăn nuôi gà, lợn theo phương pháp bán công nghiệp, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, mở rộng quy mô nuôi gà từ 100 đến 300

con/một lô chuồng trại và hàng chục con lợn thịt, thu nhập mỗi năm từ 15 đến 20 triệu đồng.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ phát triển do giao thông liên xã, liên xóm được củng cố, đi lại thuận tiện, lưới điện quốc gia đến từng xóm bản. Do đó các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được đầu tư mở rộng và áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất do vậy năng xuất chất lượng sản phẩm được nâng lên có khả năng cạnh tranh trên thị trường, một số nghề có thế mạnh được phát huy như chế biến chè búp khô bình quân mỗi năm đạt từ 50 đến 100 tấn thu hút từ 300 đến 400 lao động có việc làm ổn định. Ngoài việc sản xuất vật liệu xây dựng được giữ vững, một số ngành nghề mới phát triển như vận tải, dịch vụ làm đất bằng máy, thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hoàn, xay sát, chế biến gỗ, cơ khí nhỏ, dệt mành cọ tạo ra sự hoạt động sôi động. Tính đến năm 2010 xã có 15 ô tô vận tải cỡ nhỏ, có 06 xưởng cơ khí chế biến lâm sản và một số cửa hàng bán lẻ. Công nghiệp hóa nông thôn được nâng lên tạo điều kiện cho bước phát triển mới năm 2003 hợp tác xã điện được thành lập phục vụ điện cho nhân dân trên địa bàn ổn định đến năm 2009 do yêu cầu quản lý của ngành điện hợp tác xã đã bàn giao toàn bộ tài sản lưới điện của xã cho ngành điện quản lý, trực tiếp cấp điện

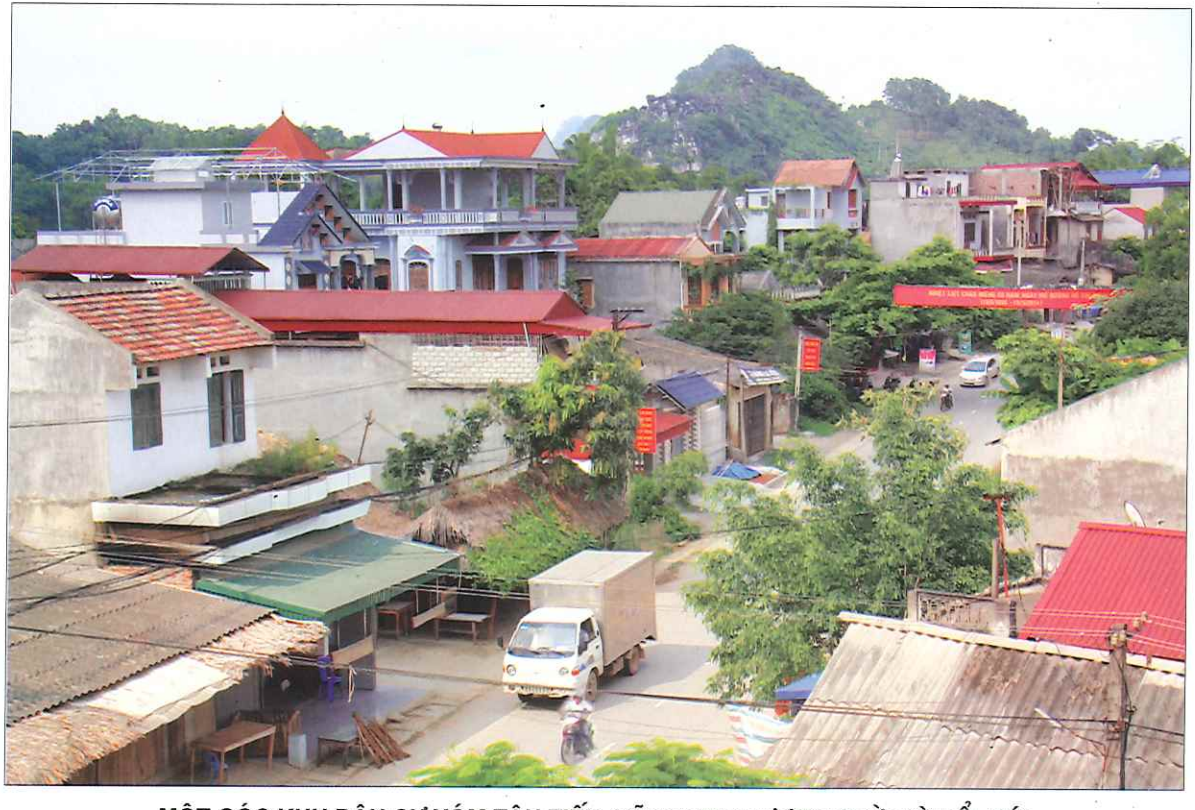

MỘT GÓC KHU DÂN CƯ XÓM TÂN TIẾN, XÃ TRUNG LƯƠNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

cho nhân dân. Sau khi trừ khấu hao giá trị còn lại của lưới điện hạ áp 0,4 ngành điện sẽ hoàn trả vốn cho nhân dân trong 3 năm 2010 - 2012. Từ những hoạt động đa dạng của thủ công nghiệp - dịch vụ đã tăng thu nhập năm 2009 đạt 19 tỷ đồng tăng 10 lần so với năm 2005.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng, được Đảng Nhà nước quan tâm đầu tư theo chương trình 135 hỗ trợ cho phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng từ năm 2006 đến năm 2010 là 40,064 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước là 38,5 tỷ đồng, dân đóng góp đối ứng 1,564 tỷ đồng. Cấp ủy, chính quyền xã đã thành lập Ban chỉ đạo, quản lý nguồn vốn do đồng chí phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm trưởng ban, cùng một số cán bộ các ngành, các cấp làm thành viên. Ban quản lý căn cứ tình hình của địa phương, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Nguồn vốn được phân bổ như sau:

Hỗ trợ phát triển sản xuất: cho hơn 250 lượt gia đình được hưởng nguồn vốn của dự án với tổng số tiền là 3 tỷ 200 triệu đồng (trong đó 400 triệu là dự án nước sạch vệ sinh môi trường) hỗ trợ cho các gia đình mua máy móc thiết bị và công cụ sản xuất, mua gia súc (trâu, bò, lợn), vật tư phân bón. Hỗ trợ kinh phí mở các lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa, chè, trồng rừng, chăn nuôi,

thả cá và sử dụng máy móc công cụ lao động cho 500 lượt người. Tổ chức tập huấn cho 230 lượt cán bộ từ Bí thư chi bộ, trưởng xóm, bản, cán bộ các chi hội, các đoàn thể, công an viên. Với hình thức được đào tạo tập trung, được thăm quan học tập các mô hình kinh tế, phương pháp quản lý từ đó nâng cao năng lực đối với những người tham gia tập huấn. Ngoài ra còn lồng ghép với các chương trình dự án, chính sách khác trên địa bàn đó là: Chương trình cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất 25 hộ được vay, với tổng số vốn là 125.000.000 đồng. Cùng với việc thu hút các nguồn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, sự phát triển của các ngành kinh tế ở xã đã làm tăng sản phẩm xã hội, năm sau cao hơn năm trước, mức bình quân thu nhập đầu người tăng mạnh từ 3.600.000 đồng/năm lên 6.500.000 đồng/năm vào năm 2010. Trong 5 năm qua, Đảng bộ đã nỗ lực, phấn đấu lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nên mức tăng trưởng được nâng lên. Tính đến năm 2009 tỷ trọng các ngành kinh tế đã đảm bảo: nông - lâm nghiệp đạt tỷ trọng 68%, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ 21% công nghiệp xây dựng và các nghề khác đạt 11%. Qua sự phân bố tỷ trọng các ngành cho thấy sự tăng trưởng thủ

công nghiệp - dịch vụ còn chậm, thu nhập của người dân vẫn ở mức trung bình.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 2005 - 2010. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI xã Trung Lương đã có bước tiến đáng kể, xây dựng được nhiều công trình trọng điểm làm thay đổi bộ mặt nông thôn của xã. Nhờ được hưởng nguồn vốn 135 mỗi năm 1 tỷ đồng, Cấp ủy, chính quyền xã đã căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nguồn vốn. Để đảm bảo nguồn điện thắp sáng và phục vụ cho sản xuất năm 2010 bằng nguồn vốn 135 xã tiếp tục đầu tư xây dựng trạm điện số 5 với công suất 180 KVA ở xóm Vũ Lương 2, điều chỉnh, tu sửa nâng cấp hệ thống đường dây liên xóm Vũ Lương 1,2,3, Nà Nạn, Lương Trung, Bảy Bung với tổng kinh phí là 850 triệu đồng. Về giao Thông năm 2007 bằng nguồn vốn 135 xã tiếp tục đầu tư san ủi mở rộng mặt đường (rộng 5m) tuyến đường trục vào các xóm phía bắc xã Hồng Quang đi Văn Lương với tổng kinh phí là 800 triệu đồng. Đến năm 2009 mở rộng tuyến đường vào các xóm phía nam từ Quyết Tâm đi Cầu Đá - Vũ Lương với tổng kinh phí là 2,2 tỷ đồng, bê tông hóa đoạn đường Tân Tiến đi Hồng Hoàng và hàng năm tu sửa đường giao thông nông thôn. Về thủy lợi xây dựng và kiên cố hóa 3

tuyến mương dài 2 km, nâng cấp hồ Lê Lợi và xây dựng hệ thống thoát nước hồ Quang Vinh, và các tuyến mương từ các hồ, đập ra các cánh đồng Tân Tiến, Tiến Lợi, Hồng Tiến, Hồng Hoàng, Tân Vinh, Nạ Rị, Đồng Ẻn, Nạ Dại, Nà Rịa, Lê Lợi. Quang Trung, Bình Định, Thẩm Quản, đồng thời tu sửa nâng cấp các công trình khác ở các xóm. Đặc biệt Đảng và Nhà nước quan tâm đầu xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước từ hồ Bảo Linh về Hồ Lê Lợi dài 7,5km với kinh phí 17 tỷ đồng đến năm 2009 được đưa vào sở dụng. Kết quả các công trình đã được thi công đảm bảo chất lượng, đúng thời gian đến nay đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả, 80% số diện tích đất chủ động được nước tưới.

Về trường sở, các trường đã chủ động vận động nhân dân đóng góp cùng với vốn hỗ trợ 135 xây dựng hoàn thiện các công trình phụ trợ như tường rào, sân chơi, bãi tập, vườn hoa cây cảnh. Năm 2007, được huyện đầu tư kinh phí cho trường tiểu học xây dựng thêm 1 nhà công vụ (nhà cấp 4) tại khu trung tâm với tổng kinh phí 320 triệu đồng. Năm 2008 cấp ủy chính, quyền xã đã sử dụng nguồn vốn 135 xây dựng tường bao và tu sửa các lớp học ở phân hiệu lẻ Cầu Đá, Hồng Lương với tổng số tiền là 320 triệu đồng. Đối với trường trung học cơ sở năm 2007 để hoàn thiện khuôn viên, mặt

ĐƯỜNG LIÊN XÓM TÂN TIẾN, VĂN LƯƠNG ĐƯỢC BÊ TÔNG HÓA

bằng, xã đã sử dụng 370 triệu đồng từ nguồn vốn 135 để xây dựng công trình phụ, xây tường bao và bê tông hóa sân trường. Nhà để xe cho giáo viên và học sinh Tính đến năm 2010 cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở đang từng bước hoàn thiện trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2010 - 2015. Đối với trường mầm non, 2006 xã tiếp tục sử dụng vốn 135 xây dựng ở khu trung tâm xây dựng một nhà hiệu bộ, 1 lớp học bán trú, 1 nhà bếp, tu sửa cải tạo nâng cấp toàn bộ các phòng học ở khu trung tâm và phân hiệu xây dựng các công trình phụ trợ, mua sắm trang thiết bị vật tư văn phòng đồ chơi ngoài trời, với tổng kinh phí là 1 tỷ 220 triệu đồng, đến tháng 11 năm 2010 trường mầm non Trung Lương được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tính đến năm 2010 cả 3 trường (tiểu học, trung học cơ sở, mầm non) đã có đủ phòng học kiên cố, các công trình vệ sinh, phòng thí nghiệm, thư viện. Mục tiêu xóa phòng học tạm do Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI đề ra đã được hoàn thành. Ngoài việc hoàn thiện nâng cấp cơ sở trường lớp khang trang, sạch, đẹp, chất lượng giảng dạy và học tập được nâng lên. Trường trung học cơ sở có 8 lớp với 201 học sinh và 22 cán bộ giáo viên do cô Nguyễn Thị Thanh Nhàn làm Hiệu trưởng. Trường tiểu học có 14 lớp với 280 học sinh, 28 cán bộ giáo viên do

thầy Lường Văn Luyến làm Hiệu trưởng. Trường Mầm non có 7 lớp, 165 cháu và 21 giáo viên do cô Phạm Thị Nhiễu làm Hiệu trưởng Hàng năm tỷ lệ lên lớp đạt từ 95% đến 98%, tốt nghiệp đạt 98%, nhiều năm đạt 100% vượt chỉ tiêu so với nghị quyết đề ra.

Về y tế bằng nguồn vốn 135 và vốn OPEC xã đầu tư xây dựng và mua trang thiết bị y tế khám chữa bệnh, đến năm 2009 đủ điều kiện được công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Trong 5 năm gần 20 công trình trọng điểm của xã được hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng đảm vảo chất lượng và hiệu quả.

Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội được Đảng bộ quan tâm có chiều hướng phát triển mới trên nhiều lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Công tác thông tin tuyên truyền văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao được xã hội hóa trở thành nhu cầu hoạt động của đông đảo quần chúng nhân dân, khơi dậy ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tham gia hội diễn, lễ hội lồng tồng, Đại hội thể dục thể thao cấp huyện đạt kết quả tốt. Công tác thông tin tuyên truyền được duy trì thường xuyên, bám sát nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước, thông tin tình hình kinh tế, xã hội, biểu dương người tốt việc tốt ở địa phương.

TRƯỜNG THCS TRUNG LƯƠNG - TRƯỜNG TIÊN TIẾN XUẤT SẮC CẤP TỈNH

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được triển khai sâu rộng đến từng xóm bản, cơ quan, trường học, từng gia đình. Kết quả bình xét khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa năm sau cao hơn năm trước. Về gia đình văn hóa năm 2005 có 520 hộ đạt gia đình văn hóa bằng 58% năm 2009, 760 hộ đạt gia đình văn hóa bằng 73%, xóm đạt khu dân cư tiên tiến hàng năm đều đạt 17,8%. 15/23 xóm bản đã xây dựng xong nhà văn hóa.

Việc thực hiện chính sách xã hội được các cấp các ngành quan tâm, các đối tượng chính sách (người có công, gia đình liệt sĩ, thương binh và các đối tượng xã hội khác) được Đảng ủy chính quyền chăm lo đầy đủ, kịp thời theo chế độ do Nhà nước ban hành. Trong nhiệm kỳ hỗ trợ 228 triệu đồng Xây dựng 38 nhà cho hộ nghèo đặc biệt khó khăn (trong đó 04 nhà tình nghĩa, 34 nhà đại đoàn kết), 126 nhà theo chương trình 134, 167 xóa nhà dột nát với tổng kinh phí 756 Triệu đồng. Xét và đề nghị hưởng chất độc da cam 48 đối tượng, đề nghị hưởng theo quyết định 142 của chính phủ là 83 người, người có công tham gia hoạt động kháng chiến được hưởng chế độ bảo hiểm y tế là 250 người, xét đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho 28 người tham gia hoạt động kháng chiến. Công tác xóa đói giảm

nghèo được quan tâm, thông qua các chương trình dự án và sự cố gắng phát triển kinh tế của các gia đình, do đó tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm, năm 2005 số hộ nghèo là 495 hộ bằng 50,05% đến năm 2009 còn 287 hộ bằng 27,12%, bình quân mỗi năm giảm 5,56%.

Công tác y tế kế hoạch hóa gia đình thực hiện có nền nếp, các chương trình y tế quốc gia trong việc xã hội hóa chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, cùng với trang thiết bị khám chữa bệnh được đầu tư, số lượng cán bộ nhân viên y tế được tăng cường. Trạm có 01 bác sĩ, 06 y sĩ chuyên ngành (trong đó 3 y sĩ, 01 nữ hộ sinh 01 điều dưỡng, 01 y sĩ đông y) có trình độ chuyên môn tốt, cùng với 23 cán bộ y tế xóm bản. Hệ thống y tế xã đã cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân theo chương trình 135 quân bình hàng năm gần 800 lượt người đến khám chữa bệnh. Trạm xá xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2009. Về dân số kế hoạch hóa gia đình trở thành phong trào sâu rộng 78,4 đến 85% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ dùng phương pháp tránh thai hiện đại, tỷ xuất sinh thô từng năm giao động từ 12 đến 14‰. Trong 5 năm chỉ còn 07 trường hợp sinh con thứ 3, số trẻ em suy dinh dưỡng giảm, năm 2005 có 24,1% đến năm 2009 còn 17,9%.

Công tác an ninh quốc phòng được duy trì thường xuyên. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, chính quyền lực lượng công an, quân sự cùng các đoàn thể đã cam kết phối hợp chặt chẽ theo nghị quyết liên tịch giữa Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã đưa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở xã phát triển, phát động được tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm của nhân dân, ở mỗi xóm đều thành lập tổ tuần tra, kiểm soát an toàn giao thông trên địa bàn xã. Từ năm 2005 đến 2010, công an xã đã tổ chức nhiều đợt tấn công truy quét, bắt và xử lý 97 trường hợp trộm cắp tài sản công dân, gây rối trật tự, va quệt gây tai nạn giao thông (trong đó Công an xã xử lý 78 vụ còn 19 vụ chuyển lên công an huyện giải quyết) thu nộp ngân sách 21.300.000 đồng, trả lại cho người mất 4.500.000 đồng. Toàn xã có 12 người nghiện ma túy, (tăng 3 đối tượng so với năm 2006 lý do 01 đối tượng chuyển từ nơi khác đến, 02 đối tượng nghiện phát sinh). Ban công an xã đã tổ chức cai nghiện cho 15 lượt người trong đó đưa 10 lượt đối tượng đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm 05 - 06 của tỉnh, số còn lại giao cho trạm y tế xã phối hợp với các đoàn thể quản lý và tổ chức cai nghiện tại gia đình theo phương pháp cai nghiện tại cộng đồng, qua cai nghiện đã có 01 đối tượng

được hoàn lương tái hòa nhập cộng đồng và 17/23 xóm được công nhận không có người nghiện ma túy. Với những cố gắng của lực lượng công an và ủng hộ của nhân dân, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở xã được giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được cấp trên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được huyện khen, nhiều cán bộ chiến sĩ công an được các cấp khen thưởng.

Công tác quân sự địa phương được củng cố, lực lượng dân quân thực hiện đầy đủ chế độ trực chỉ huy, các đơn vị sẵn sàng chiến đấu cao, Ban chỉ huy quân sự xã đã tham mưu cho cấp ủy, tổ chức huấn luyện cho 320 lượt chiến sĩ dân quân theo phương án tác chiến đảm bảo đầy đủ các khoa mục kỹ thuật, chiến thuật theo quy định. Kết quả huấn luyện tổng hợp các năm đều đạt khá, giỏi, bắn đạn thật loại súng K63 đạt loại khá. Các năm đều tổ chức diễn tập quân sự, theo sự chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự huyện. Thông qua diễn tập đã đánh giá chính xác trình độ sẵn sàng chiến đấu của các trung đội, tiểu đội (theo phương án 02). Kết quả huấn luyện quân sự kết hợp với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội là tập trung vào sửa chữa các đường giao thông nông thôn, giải quyết những vấn đề nổi cộm ở địa phương. Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên

giao, trong 5 năm (2005 - 2010) đã có 28 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng Đảng,Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ đó sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được nâng lên, thực sự là hạt nhân lãnh đạo các phong trào quần chúng trong xã. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được cấp ủy coi trọng, trong nhiệm kỳ Đảng bộ luôn chú trọng kiện toàn đội ngũ báo cáo viên và các thành viên làm công tác tư tưởng, phối, kết hợp chặt chẽ trong công tác giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác -Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh. Tổ chức tốt các đợt triển khai, học tập nghị quyết của cấp trên. Trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã tổ chức quán triệt, triển khai học tập 9 nghị quyết của cấp trên và các nghị quyết của cấp mình, số đảng viên tham gia học tập đạt 80 - 90%. Thông qua đó, nhận thức của đội ngũ cán bộ Đảng viên được nâng lên rõ rệt. Trong 5 năm (2005- 2010) cấp ủy đã cử hơn 300 lượt cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo và nghiệp vụ chuyên môn, trong đó trung cấp lý luận 12 đồng chí, sơ cấp lý luận 40 đồng chí, bồi dưỡng nghiệp vụ 06 đồng chí, còn lại bồi dưỡng đào tạo

công tác Đảng, Đoàn, Hội, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng...Số cán bộ qua đào tạo bồi dưỡng đã từng bước đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được triển khai sâu rộng trong toàn Đảng bộ, thông qua các hình thức như tổ chức học tập các chuyên đề trong toàn Đảng bộ, chỉ đạo các chi bộ tổ chức triển khai học tập, liên hệ bản thân từng đảng viên và viết thu hoạch đạt trên 78%. Năm 2009 thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy tiếp tục triển khai cuộc vận động, Đảng bộ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập chuyên đề "Nâng cao ý thức trách nhiệm hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân", tổng số đảng viên tham gia học tập đạt 95%. Qua học tập các chỉ thị, nghị quyết, các chuyên đề cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" Đảng bộ đã từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế, xã hội. Đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch tiến hành kiểm tra, giám sát, đôn đốc các chi bộ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở các xóm, từ đó từng bước đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống. Đảng bộ đã đề ra quy chế hoạt động của cấp ủy và thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp

với tình hình thực tế, đảm bảo cho bộ máy tổ chức hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả, duy trì chế độ giao ban thường kỳ, thông qua giao ban cấp ủy đã chỉ đạo chính quyền các ngành liên quan tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp, phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Ban thường vụ Đảng ủy luôn tôn trọng nguyên tắc tập trung, dân chủ "tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách", các ủy viên Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Đảng ủy đều được phân công nhiệm vụ cụ thể và tuân thủ nghiêm quy chế đã đề ra, xác định rõ trách nhiệm trong mối quan hệ công tác giữa cấp ủy và chính quyền, thực hiện tốt quy chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Công tác tổ chức cán bộ, Ngay từ đầu nhiệm kỳ, cấp ủy đã xây dựng quy hoạch cán bộ, đảm bảo chiều sâu theo tinh thần nghị quyết 42- NQ/TW Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Ban tổ chức Huyện ủy, thường xuyên rà soát bổ sung hàng năm, trên cơ sở đó, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn. Về tổ chức xây dựng chi bộ, Đảng bộ đã tiến hành rà soát sắp xếp điều chỉnh quy mô chi bộ xóm, nhằm xóa xóm trắng. Đầu nhiệm kỳ Đảng bộ có 13 chi bộ trong đó 10 chi bộ/ 23 xóm, 3 chi bộ/4 cơ quan. Đầu tháng 4/ 2007 Đảng bộ tiến hành chia tách

từ 10 chi bộ nông thôn thành 23 chi bộ trực tiếp lãnh đạo 23 xóm bản, năm 2008 chia tách chi bộ y tế, Mầm non thành 2 chi bộ và thành lập chi bộ công chức xã. Đến năm 2008, Đảng bộ có 28 chi bộ cơ sở, 100% xóm, bản có chi bộ, các chi bộ cơ sở xóm hoạt động đồng đều. chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên không ngừng được nâng lên. Để đánh giá chất lượng đảng viên thực hiện Nghị quyết Trung ương VI lần 2 khóa VIII về cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng đã trở thành đợt sinh hoạt chính trị lớn trong toàn Đảng bộ, từng cán bộ đảng viên đều được liên hệ, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình. 100% đảng viên tham dự phân loại. Kết quả phân loại đảng viên qua các năm 99,5% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ trong đó hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80%. Đối với chi bộ, năm 2005 có 10/13 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh đạt 76,92% đến năm 2010 có 25/28 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh đạt 88,6% không có chi bộ yếu kém. Đảng bộ 5 năm liền đạt trong sạch vững mạnh.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ luôn chú trọng cả về số lượng và chất lượng, trong nhiệm kỳ đảng bộ đã kết nạp được 52 đảng viên mới (trong đó nữ 38 đồng chí, nam 14 đồng chí) đạt 86,6% và chuyển chính thức cho 55 đảng viên dự bị đúng thời

hạn. Kết nạp đảng viên mới đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, có chất lượng và phát huy được vai trò trách nhiệm của người Đảng viên. Thực hiện Chỉ thị 29- CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương về công tác phát thẻ đảng viên trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã tổ chức phát thẻ cho đảng viên, đề nghị trao tặng và truy tặng danh hiệu 30, 40, 50 năm tuổi Đảng cho 53 đồng chí đảng viên trong toàn đảng bộ.

Công tác tuyên giáo, dân vận được Đảng bộ thường xuyên quan tâm, thông qua công tác vận động quần chúng của Đảng, các tầng lớp nhân dân đã chấp hành tốt các chủ chương đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền. Các chính sách xã hội, chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, đúng với chủ trương của Đảng, Nhà nước, góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng văn minh.

Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên, ủy ban kiểm tra tập trung vào những nội dung trọng tâm trong việc thực hiện điều lệ, chấp hành chế độ sinh hoạt Đảng, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên, giải quyết đơn thư khiếu nại có liên quan đến tổ

chức Đảng và đảng viên tiến hành kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý thu, chi ngân sách của Đảng bộ. Trong 5 năm cấp ủy đã tổ chức 20 cuộc kiểm tra, (trong đó 9 cuộc kiểm tra theo kế hoạch của cấp trên, 11 cuộc kiểm tra của cấp ủy xã), qua kiểm tra đã kịp thời uốn nắn những sai lệch trong quá trình tổ chức thực hiện và xử lý những tổ chức, cá nhân có sai sót trong thực hiện nghị quyết của Đảng. Từ 2005 - 2010 cấp ủy Đảng đã tiếp nhận và xem xét, giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại liên quan đến tổ chức Đảng và đảng viên, không để tồn đọng. Kết quả kiểm tra đã xử lý kỷ luật 04 đồng chí với hình thức cách chức Phó Bí thư chi bộ 01 đồng chí và cảnh cáo trước đảng bộ, chi bộ 03 đồng chí.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ xã đến các xóm trong 5 năm qua đã có nhiều đổi mới trong phương thức vận động quần chúng và bám sát mục tiêu kinh tế chính trị của địa phương, vận động quần chúng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" "Uống nước nhớ nguồn", thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, chất độc da cam. Trong 5 năm

qua đã thực hiện được 124,5 triệu đồng. Hàng năm mặt trận Tổ quốc đều được xếp loại vững mạnh. Các đoàn thể có hệ thống tổ chức chi hội đến từng xóm bản, với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, bám sát sự chỉ đạo của Hội cấp trên và các nghị quyết của Đảng ủy xã trong từng thời kỳ, phát động các phong trào thi đua "sản xuất kinh doanh giỏi", chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Hội nông dân, phong trào giúp nhau "Xóa đói giảm nghèo", phụ nữ tích cực học tập lao động sáng tạo, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc của phụ nữ, tuổi trẻ tích cực thực hiện phong trào "5 xung kích phát triển kinh tế, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, 4 đồng hành với thanh niên trong lập thân, lập nghiệp" của Đoàn thanh niên... Từ những phong trào trên, các Hội đã tập trung vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, xóm bản văn hóa, dòng họ khuyến học, vận động ủng hộ các loại quỹ do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành chức năng, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, xây dựng chính quyền đoàn thể vững mạnh. Tiêu biểu cho các hoạt động tích cực đó là Hội phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến Binh.

Hội Phụ nữ, là tổ chức nòng cốt vận động hội viên thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế trọng điểm của xã, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, đưa giống mới có năng xuất cao vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, với các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, phụ nữ giúp nhau xóa đói giảm nghèo, xóa nhà dột nát cho phụ nữ nghèo...sử dụng vốn vay; Ngân hàng chính sách và từ các nguồn vốn ưu đãi để hỗ trợ cho các hộ nghèo phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập với tổng số tiền 1.709.000.000 đồng, giúp cho 372 lượt hộ gia đình vay đầu tư phát triển chăn nuôi lợn, gà, trồng rừng, Hội còn thành lập các tổ nhóm phụ nữ tiết kiệm, xây dựng quỹ hội được 23 triệu đồng cho chị em vay luân chuyển ở các chi hội. Với những hoạt động trên đã giúp cho nhiều gia đình hội viên có điều kiện vươn lên thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đầu nhiệm kỳ (2006) là 87 hộ, đến năm 2010 đã có 26 hộ do phụ nữ làm chủ hộ thoát nghèo, đạt 29,8%. Kết quả hàng năm qua bình xét danh hiệu xuất sắc đạt 77,7%, khá 22%, không có chi hội trung bình. Ngoài ra với tinh thần tương thân, tương ái chị em đã giúp 1.765 ngày công, 2.275.000 đồng, cho 46 gia đình chị em có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn. Hội còn phối

hợp chặt chẽ với Ban dân số, trạm y tế, tổ chức tốt các đợt chiến dịch chăm sóc sức khỏe định kỳ cho chị em trong nhiệm kỳ đã có 2.326 lượt chị em được khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí. Có được những kết quả trên, Hội phụ nữ xã đã tích cực động viên chị em cùng thực hiên tốt các chương trình công tác trọng tâm của hội, xây dựng và thực hiện tốt các dự án phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước nâng cao đời sống của hội viên, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Hội Nông dân là lực lượng nòng cốt trong nền kinh tế nông nghiệp của xã với tổng số hội viên tính đến 2010 là 595 hội viên sinh hoạt trong 23 chi hội xóm bản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội đã đã vận động hội viên phát huy thế mạnh về đất đai, lao động, Hội còn đứng ra tín chấp vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, vốn 120, vốn sinh viên với số tiền là trên 3 tỷ 200 triệu đồng cho 372 lượt hội viên vay. Thông qua Hội nông dân huyện Hội phối hợp với chi nhánh vật tư nông nghiệp huyện Công ty cổ phần phân bón NPK Lâm Thao cung ứng hàng năm 84 tấn phân các loại trị giá trên 450 triệu đồng cho 585 lượt hộ gia đình hội viên được vay theo phương thức trả chậm, đồng thời mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật được 28 lớp cho 1.250 lượt hội

viên. Hội còn phối hợp với Hội làm vườn tuyên truyền, vận động người dân xây lắp đặt bể Biogas giúp cho nông dân có nguồn chất đốt phục vụ sinh hoạt hàng ngày và môi trường trong sạch. Từ những hoạt động trên đã kích thích tinh thần thi đua lao động sản xuất, kinh doanh nhiều gia đình đã vươn lên thu nhập khá, số hội viên nghèo giảm còn 27,25%.

Hội Cựu chiến binh xã Trung Lương đến năm 2010 có 336 hội viên, sinh hoạt trong 23 chi hội ở các xóm bản, Hội đã có những đóng góp đáng kể trong việc cung cấp cho Đảng bộ một đội ngũ cán bộ được tôi luyện trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, có năng lực, có lối sống lành mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, giúp đỡ hội viên hoàn thành thủ tục chính sách đối với bộ đội nghỉ hưu, nạn nhân chất độc da cam. Hội viên Cựu chiến binh hoạt động trên mọi cương vị công tác luôn phát huy được truyền thống "bộ đội cụ Hồ" góp phần cùng các ngành, các cấp động viên các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn ngày càng đổi mới.

5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2005 - 2010 cấp ủy, chính quyền xã đã vận dụng sáng tạo nghị quyết của cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương, từng bước đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đảng bộ đã giành được những thành tích đáng tự hào về lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng. Công tác xây dựng Đảng cũng đạt được những thành tích khá toàn diện, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên rõ rệt. Đảng bộ 5 năm liền đạt trong sạch vững mạnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đời sống nhân dân ổn định, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ qua vẫn còn bộc lộ một số thiếu sót cần khắc phục đó là: năng lực lãnh đạo của một số cán bộ còn nhiều hạn chế, một số công việc chỉ đạo chưa dứt điểm, còn để kéo dài chậm giải quyết, công tác tổ chức cán bộ còn nhiều bất cập, hoạt động của một số chi bộ chưa phát huy được vai trò lãnh đạo trong các hoạt động của đơn vị mình, tính tiền phong gương mẫu của một số ít đảng viên chưa cao, trong sinh hoạt chưa phát huy mạnh mẽ

tính dân chủ, đấu tranh, tự phê bình và phê bình chưa mạnh dạn còn nể nang. Trình độ nhận thức và khả năng bao quát điều hành của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, dẫn đến công tác tham mưu của một số cán bộ chuyên môn còn nhiều hạn chế, từ đó nghị quyết của Đảng bộ đề ra, đưa vào cuộc sống, hiệu quả thiết thực chưa cao. Đánh giá về nguyên nhân mặt mạnh, mặt yếu và rút ra bài học kinh nghiệm cho nhiệm kỳ tiếp theo là:

- Trước hết phải có sự đoàn kết nhất trí cao trong nhận thức và hành động, thường xuyên quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới toàn Đảng và toàn dân. Đồng thời phải xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đổi mới công tác lãnh đạo từ trên xuống dưới, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của bộ máy chính quyền và sự phối kết hợp có hiệu quả của cả hệ thống chính trị.

- Phát huy dân chủ, trí tuệ, sức mạnh đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân, chủ động sáng tạo, xây dựng các chương trình kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, để đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

- Đổi mới công tác tổ chức cán bộ, mạnh dạn bố trí cán bộ trẻ có năng lực vào các vị trí công tác thích hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới của cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Tăng cường khối đại đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ đảng viên, coi trọng chất lượng phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, luôn coi trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Ban chấp hành Đảng bộ, chi bộ và đảng viên. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, xã hội của bộ máy chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

* *
*

Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới ở Trung Lương phát triển đi lên, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXII được tiến hành từ ngày 28 đến 29 tháng 5 năm 2010 trong

không khí phấn khởi, dân chủ, đoàn kết, trí tuệ, tiếp tục đổi mới; nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 - 2015 một cách bền vững. Bước vào nhiệm kỳ mới Đảng bộ Trung Lương có nhiều thuận lợi Lực lượng lãnh đạo được tăng cường với 221 đảng viên sinh hoạt trong 28 chi bộ, hệ thống chính trị hoạt động ngày càng đi vào nền nếp. Với tinh thần đoàn kết, dân chủ và trách nhiệm Đại hội đã tổng kết, đánh giá những mặt còn tồn tại, yếu kém trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng Đảng. Đại hội cũng khẳng định; do biết tận dụng yếu tố khách quan, phát huy nội lực, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng làm đòn bẩy cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nên đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay, đời sống nhân dân được cải thiện bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu cho nhiệm kỳ 2010 - 2015 là: "tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, quan tâm phát triển công nghiệp, xây

dựng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tăng cường thu hút đầu tư, chú ý tăng trưởng kinh tế mang tính bền vững, đẩy mạnh đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, tăng cường thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chương trình quốc gia về y tế, chủ động phòng chống thiên tai. Tích cực đấu tranh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt các đề án xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện, củng cố xây dựng chính quyền thực sự là của dân, do dân và vì dân, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân."[1] Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành khóa mới gồm 15 đồng chí; đồng chí Nguyễn Đình Cúc giữ chức Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân đồng chí Nguyễn Đình Ký Phó Bí thư Đảng ủy Thường trực Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh phó Bí thư, Chủ tịch ủy ban nhân dân, đồng chí Nguyễn Quang Huy ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Dương Văn Lập ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và 10 đồng chí ủy viên

[1] Trích văn kiện Đại hội Đảng bộ lần thứ XXII

ban chấp hành. Ban Chấp hành khóa mới được bổ sung những nhân tố mới mang tính kế thừa và phát triển, được bồi dưỡng lý luận, được trải nghiệm qua thực tiễn, có trình độ, năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm. Chắc chắn với trọng trách của mình sẽ đưa sự nghiệp đổi mới trên quê hương Trung Lương ngày càng phát triển đi lên và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ đề ra.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ TRUNG LƯƠNG NHIỆM KỲ (2010 - 2015)

KẾT LUẬN

Cuối năm 1953 Trung Khảm và Lương Can tách ra khỏi xã Trung Hội thành lập xã Trung Lương, đồng thời thành lập chi bộ Đảng với 14 đảng viên. Từ đó đến nay cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Trung Lương đã chứng kiến bao sự đổi thay và trải qua những chặng đường lịch sử quan trọng, từng bước trưởng thành, không ngừng lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ một chi bộ với 14 đảng viên đến năm 2010 Đảng bộ đã có 28 chi bộ trong đó 23 chi bộ xóm bản và 5 chi bộ cơ quan và nhà trường với 221 đảng viên thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau, được rèn luyện, thử thách trong các cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, xây dựng quê hương theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong hơn 60 năm qua, dù ở bất cứ hoàn cảnh khó khăn, phức tạp nào, Đảng bộ vẫn luôn giữ vững và nêu cao vai trò là người tổ chức và lãnh đạo mọi mặt hoạt động trên tất cả các lĩnh vực đời sống, xã hội của xã. Đưa phong trào cách mạng của xã ngày càng phát triển đi lên và thu được những thành tựu to lớn.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), tuy lực lượng Đảng viên ít nhưng Tổ đảng Trung Khảm và Lương Can với ý chí kiên cường, khắc phục mọi khó khăn, mang hết tâm lực lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã cùng với nhân dân toàn huyện giúp đỡ che chở, bảo vệ các cơ quan đơn vị đóng quân trên địa bàn huyện và xã, động viên nhân dân ra sức tăng gia sản xuất, đảm bảo đời sống, huy động cao nhất sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, kiến quốc, góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử điện biên chấn động địa cầu.

Phát huy truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm trong xây dựng bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Trung Lương thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, làm thay đổi hẳn phương thức hoạt động về kinh tế, văn hóa, xã hội ở nông thôn Trung Lương. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực hiện khẩu hiệu: "tay cày tay súng", "hậu phương thi đua với tiền phương" bám đất bám làng, xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, cùng với quân dân cả nước bảo

vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, huy động sức người, sức của chi viện cho các chiến trường đánh Mỹ, góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975. Đất nước thống nhất cùng với cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dù còn những hạn chế, yếu kém nhưng dưới dự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ nhân dân các dân tộc xã Trung Lương đã phấn đấu đạt được những kết quả đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, Đảng bộ luôn coi trọng vấn đề xây dựng Đảng, củng cố khối đoàn kết trong nội bộ các tổ chức Đảng, mở rộng khối đoàn kết toàn dân, gắn với phát huy dân chủ, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân các dân tộc trong xã. Đảng bộ xã Trung Lương trong tất cả các thời kỳ, tùy theo yêu cầu cụ thể của cách mạng, đã biết tự điều chỉnh đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, coi đó là nguyên tắc quan trọng trong mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc. Do đó khi bước vào thời kỳ đổi mới, xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp, Đảng bộ hết sức coi trọng và có biện pháp ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện tự do trong Đảng, giữ vững kỷ cương của Đảng, duy trì nghiêm phép nước.

Đây là một thành công lớn của Đảng bộ trong thời kỳ chyển đổi cơ chế quản lý. Những biểu hiện trong tư tưởng ngại khó, dao động trong một số ít cán bộ đảng viên được kịp thời chấn chỉnh, nên nhìn chung trong mọi thời kỳ, kể cả những lúc tình hình quốc tế, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là thời kỳ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đất nước nói chung, Đảng bộ xã Trung Lương nói riêng lâm vào khủng hoảng đời sống khó khăn thiếu thốn, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã tỏ rõ lập trường vững vàng, không mất niềm tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời chiến cũng như thời bình, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ luôn quan tâm đến công tác phát triển đảng viên mới, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng. Đảng bộ luôn coi trọng công tác kiểm tra Đảng, coi đó là biện pháp tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng, Đảng bộ luôn chăm lo bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ đảng viên, hàng năm cử hàng trăm lượt cán bộ đi học tại trung

tâm bồi dưỡng chính trị huyện và các trường trung cấp, đại học của tỉnh. Nhờ đó đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã trình độ lý luận ngày càng được nâng lên. Để nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ luôn quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng theo hướng thiết thực sát với tình hình thực tế của các xóm, bản, từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình làm việc của các cấp ủy và các tổ chức đoàn thể xóm bản, phát huy được vai trò quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã. Đây là mục tiêu phấn đấu, là động lực thúc đẩy Đảng bộ vươn lên hoàn thành trách nhiệm lịch sử trước Đảng, trước nhân dân, làm cho Đảng bộ không ngừng trưởng thành về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Phần phụ lục

DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN ĐẦU TIÊN

1 - Nguyễn Đình Đạo
2 - Lý Văn Dần
3- Hoàng Văn Vân
4 - Hoàng Văn Vóc
5 - Đặng Văn Nghĩ
6 - Dương Văn Vinh
7 - Dương Văn Điền

DANH SÁCH LÃO THÀNH CÁCH MẠNG

1 - Nguyễn Văn Sạch
2 - Hoàng Quốc Tuấn

DANH SÁCH CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

1- Nguyễn Đình Đạo
2- Nguyễn Đình Ngân
3- Lường Văn Tiến
4- Triệu Văn Liên
5- Lê Chung
6- Lý Vinh Cành
7- Dương Đình Dinh

8- Nguyễn Văn Tiệu
9- Trần Kim Lăng
10- Ma Văn Bình
11- Nguyễn Đình Lá
12 - Hoàng Lạc Hồng
13- Hứa Văn Chí
14 - Hoàng Thế Kỳ
15 - Ngô Văn Khóa

DANH SÁCH GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI NƯỚC

1- Nguyễn Đình Thắng
2 - Nguyễn Đình Đạo
3- Hoàng Văn Hoa
4- Dương Văn Vinh
5 - Nguyễn Đình Thơ

DANH SÁCH MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1- Nguyễn Thị Mong
2- Nguyễn Thị Khuyên

DANH SÁCH BCH CÁC KHÓA 1954 - 2010

A- CHI BỘ

1 - Đại hội I: 2/1954

1 - Ma Văn Chùm - Bí Thư
2 - Nguyễn Đình Đạo - Phó Bí thư

2 - Đại hội II : tháng 2/1956

1- Nguyễn Đình Đạo - Bí thư
2- Lý Văn Dần - Phó Bí thư

3 - Đại hội III: ngày 28/3/1957

1- Lý Văn Dần - Bí Thư
2- Dương Đình Dinh– Phó Bí thư

4- Đại hội IV: ngày 5/12/1958

1- Dương Đình Dinh - Bí thư
2- Lý Văn Dần - Phó Bí thư
3 - Hoàng Văn Vóc - Ủy Viên (UV)

5- Đại hội V: 5/1961

1- Hoàng Văn Vóc - Bí thư
2- Ma Văn Chùm - PBT- Chủ tịch Ủy ban hành chính (UBHC)
3 - Hoàng Văn Cát - UV

ĐẢNG BỘ

6- Đại hội VI: 9/1963

1- Lý Văn Dần - Bí thư
2 - Ma Văn Chùm - Phó Bí thư - Chủ tịch UBHC
3 - Hoàng Văn Cát - UV
4 - Nông Văn Chức - UV
5 - Nguyễn Đình Thang - UV
6 - Nguyễn Đình Đạo - UV
7 - Nguyễn Vũ Dụy - UV

7- Đại hội VII: 10/1965

1- Hoàng Văn Cát - Bí thư
2- Hứa Tiến Thành - PBT- Chủ tịch UBHC
3 - Phạm Ngọc Bình - Ủy viên Thường vụ (UVTV)
4 - Nông Văn Chức - UV
5 - Lý Văn Dần - UV
6 - Nguyễn Đình Đạo - UV
7 - Vũ Văn Mâu - UV
8 - Phạm Văn Giáp - UV
9 - Nguyễn Đình Đĩnh - UV

8- Đại hội VIII: 2/8/1968

1- Hoàng Văn Cát - Bí thư
2 - Ma Thị Chấm - Phó Bí thư - CT UBHC
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - UVTV
4 - Phạm Văn Giáp - UV
5 - Lý Văn Dần - UV
6 - Nông Văn Chức - UV
7 - Hoàng Thị Thu - UV
8 - Hoàng Thị Đến - UV
9 - Dương Văn Quý - UV
10 - Nguyễn Văn Bằng - UV
11 -Ma Văn Quế - UV

9 - Đại hội IX : 3/1971

1- Nguyễn Văn Bằng - Bí thư
2- Ma Thị Chấm - PBT- Chủ tịch UBHC
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - UVTV
4 - Dương Văn Quý - UV
5 - Ma Văn Quế - UV
6 - Phạm Văn Giáp - UV
7 - Hoàng Thị Thu - UV

10- Đại hội X: 4/1973

1 - Phạm Văn Giáp - Bí thư
2 - Ma Thị Chấm - PBT- Chủ tịch UBHC
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - TV- TTĐ
4 - Ma Văn Quế - UV
5 - Hoàng Thị Đến - UV
6 - Nguyễn Văn Thìn - UV
7 - Hoàng Thị Thu - UV
8 - Dương Văn Quý - UV
9 - Dương Thanh Triều - UV

11. - Đại hội XI: 2/1974

1- Phạm Văn Giáp - Bí thư
2- Ma Thị Chấm - PBT- Chủ tịch UBHC
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - UVTV - TTĐ
4 - Ma Văn Quế - UV
5 - Hoàng Thị Đến - UV
6 - Dương Văn Quý - UV
7 - Dương Thanh Triều - UV
8 - Nguyễn Văn Thìn - UV
9 - Nông Văn Chức - UV

12 - Đại hội XII: 8/1976

1- Nguyễn Văn Bằng - Bí thư
2- Ma Thị Chấm - PBT- Chủ tịch UBND
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - UVTV- TTĐ
4 - Lê Chung - UV
5 - Nguyễn Duy Đoài - UV
6 - Nguyễn Văn Giác - UV
7 - Dương Thanh Triều - UV
8 - Ma Văn Quế - UV
9 - Trần Ngọc Tân - UV

13 - Đại hội XIII: 4/ 1979

1 - Ma Thị Chấm - Bí thư
2- Ma Văn Quế - PBT- Chủ tịch UBND
3 - Nguyễn Đình Đĩnh - UV TV- TTĐ
4 - Nguyễn Duy Đoài - UV
5- Liêu Chí Quý - UV
6- Nguyễn Văn Giác - UV
7 - Trần Ngọc Tân - UV
8 - Hoàng Thị Đến - UV
9 - Lường Thị Loan - UV

14- Đại hội XIV: 4/11/1982

1- Nguyễn Duy Đoài - Bí thư
2- Ma Văn Quế - PBT - Chủ tịch UBND
3- Nguyễn Đình Đĩnh - UVTV
4- Dương Thanh Triều - UV
5 - Trần Ngọc Tân - UV
6 - Nguyễn Thị Tỵ - UV
7 - Nguyễn Đình Ký - UV
8 - Lê Công Chí - UV
9 - Nguyễn Văn Giác - UV

15- Đại hội XV: 9/1986

1- Nguyễn Duy Đoài - Bí thư[1]
2- Nguyễn Đình Đĩnh - PBT- TTĐ
3 - Dương Thanh Triều - PBT- Chủ tịch UBND
4- Nguyễn Đình Ký - UVTV
5 - Lê Công Chí - UVTV
6 - Trần Ngọc Tân - UV
7 - Nguyễn Duy Bình - UV
8 - Hoàng Thị Đến - UV
9 - Hứa Đức Văn - UV

[1] 8/1987 đồng chí Nguyễn Duy Đoài được tổ chức điều động lên công tác tại Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Đình Ký giữ chức Bí thư

10 - Lường Văn Thị - UV
11 - Nguyễn Đình Cúc - UV
12 - Nguyễn Văn Tuyết - UV
13 - Nguyễn Thanh Sơn - UV
14 - Hoàng Đức Thuận - UV
15 - Đặng Ngọc Thuấn - UV

16- Đại hội XVI: 2/ 1989

1- Nguyễn Đình Ký - Bí thư
2- Dương Thanh Triều - PBT- Chủ tịch UBND
3 - Trần Ngọc Tân - UVTV
4 - Nguyễn Thanh Sơn - UV
5- Hoàng Đức Thuận - UV
6 - Nguyễn Văn Tuyết - UV
7 - Lê Công Chí - UV
8 - Dương Văn Kháng - UV
9 - Nguyễn Đình Cúc - UV
10 - Hoàng Thị Đến - UV
11 - Nguyễn Duy Bình - UV

17- Đại hội XVII: 2/7/1992

1- Dương Thanh Triều - Bí thư
2- Nguyễn Đình Ký - PBT- TTĐ
3 - Dương Văn Kháng - UVTV- Chủ tịch UBND
4 - Hoàng Đức Thuận - UV
5 - Nguyễn Văn Tuyết - UV
6 - Hoàng Văn Thắm - UV
7 - Nguyễn Đình Cúc - UV
8 - Hứa Đức Hưng - UV
9 - Nguyễn Duy Bình - UV

18 - Đại hội XVIII: 23/5/ 1994

1- Nguyễn Đình Ký - Bí thư
2- Dương Văn Kháng - PBT- Chủ tịch UBND
3 - Hoàng Hoa - UVTV - TTĐ
4 - Nguyễn Đình Cúc - UV
5 - Hoàng Đức Thuận - UV
6 - Bùi Văn Quấn - UV
7 - Hứa Đức Hưng - UV
8 - Nguyễn Ngọc Hương - UV
9 - Hoàng Văn Thắm - UV

19 - Đại hội XIX: 13 - 14/ 1/1996

1 - Nguyễn Đình Ký - Bí Thư
2 - Dương Văn Kháng - PBT - CT- UBND
3 - Nông Văn Vui - UVTV - TTĐ
4 - Nguyễn Đình Cúc - UV
5 - Hoàng Văn Thắm - UV
6 - Nguyễn Quang Huy - UV
7 - Đinh Thị Phương - UV
8 - Hoàng Đức Thuận - UV
9 - Hứa Đức Hưng - UV
10 - Nguyễn Ngọc Hương - UV
11 - Bùi Văn Quấn - UV

20- Đại hội XX: ngày 12- 13/9/ 2000

1- Nguyễn Đình Ký - Bí thư
2- Nguyễn Đình Cúc - PBT - Chủ tịch UBND
3 - Nguyễn Duy Bình - UVTV - TTĐ
4- Hoàng Văn Đông - UV
5 - Hà Thị Chuyền - UV
6 - Nguyễn Quang Huy - UV
7- Hứa Đức Hưng - UV
8 - Đinh Thị Phương - UV
9 - Bùi Văn Quấn - UV
10 - Dương Thị Toàn - UV
11 - Nguyễn Văn Vịnh - UV

21- Đại hội XXI: 1/5/2005

1- Nguyễn Đình Ký - Bí thư
2- Nguyễn Đình Cúc - PBT - Chủ tịch UBND
3 - Nguyễn Duy Bình - UVTV - TTĐ
4 - Nguyễn Quang Huy - UV
5 - Nguyễn Văn Vịnh - UV
6 - Lê Tô Vũ - UV
7 - Dương Văn Lập - UV
8 - Hoàng Thị Hoa - UV
9 - Hoàng Thị Oanh - UV
10 - Hoàng Văn Đông - UV
11 - Hứa Đức Hưng - UV

22- Đại hội XXII: 28 -29/5/ 2010

1- Nguyễn Đình Cúc - Bí thư
2 - Nguyễn Đình Ký - Phó Bí thư -TTĐ
3 - Nguyễn Văn Vịnh - PBT - Chủ tịch UBND
4 - Dương Văn Lập - UV TV
5 - Nguyễn Quang Huy - UVTV
6 - Nguyễn Đình Ngôn - UV
7 - Lê Tô Vũ - UV
8 - Dương Hữu Thọ - UV
9 - Hoàng Thị Oanh - UV

10 Nguyễn Thị Thanh Nhàn - UV
11 - Nguyễn Duy Bình - UV
12 - Hoàng Thanh Xuất - UV
13- Ma Văn Thêu - UV
14 - Nông Văn Thi - UV
15 - Ma Văn Khiêm - UV

DANH SÁCH LIỆT SĨ

A - Chống Pháp

STT	HỌ VÀ TÊN	NHẬP NGŨ	HY SINH
1	Nguyễn Đình Quyền	1945	1947
2	Nguyễn Văn Đào	1946	1947
3	Đàm Văn Thản	1946	1947
4	Phùng Văn Thanh	1946	1947
5	Nguyễn Văn Tăng	1949	10 - 12 -1951
6	Trần Văn Thiệp	1950	1951
7	Hứa Văn Loan	1950	28 - 2 -1952
8	Nguyễn Văn Nhật	1951	1952
9	Dương Văn Minh	1952	26 -10 -1953
10	Nguyễn Văn Khảm	1951	03 -11- 1953
11	Nguyễn Văn Mùa	1952	02 - 6 -1954

B - Chống Mỹ

1	Phạm Văn Trọng	1965	29 - 5 - 1967
2	Nguyễn Đình Canh	1966	24 - 4 -1968
3	Lương Văn Đường	1966	10 - 7 -1968

4	Bùi Văn Hón	1966	02 - 1 - 1968
5	Đặng Văn Tòng	1966	11 - 1968
6	Trần Văn Cần	1966	20 - 2-1968
7	Lý Văn Hồi	1958	1968
8	Lý Văn Lan	1967	16 - 7 -1969
9	Nguyễn Xuân Mậu	1965	23 - 11-1969
10	Bùi Văn Êm	1967	11 - 7 -1969
11	Nguyễn Hồng Niên	1968	05 - 6 -1970
12	Nguyễn Trọng Sảo	1966	10 - 7 -1970
13	Phạm Văn Vưỡng	1969	04 -3 -1971
14	Dương Văn Đề	1969	30 - 8 -1971
15	Nguyễn Văn Tẹo	1970	28 -5 -1972
16	Đinh Xuân Hiền	1971	17- 8 -1972
17	Nguyễn Đình Bình	1971	19 - 8 -1972
18	Ma Văn Ưa	1971	25 - 5 -1972
19	Lê Văn Trung	1972	04 - 9 -1972
20	Nguyễn Văn Chấm	1971	05 - 5 -1972
21	Nguyễn Văn Hội	1967	01 - 9 -1972
22	Nguyễn Thanh Tỉnh	1971	14 - 6 -1973

23	Hoàng Quốc Thái	1972	05-11- 1973
24	Đoàn Xuân Hiển	1968	05 -7 -1973
25	Nguyễn Doanh Thái	1972	05 -11-1974
26	Trần Văn Thân	1970	14 - 10 -1974
27	Nguyễn Quang Khanh	1972	08 - 5 -1974
28	Nguyễn Văn Dung	1972	14 - 9 -1974
29	Phạm Văn Từ	1972	28 - 8 -1974
30	Đinh Văn Chính	1964	25 - 5 -1975
31	Phạm Thanh Hiên	1972	11 - 3 -1975
32	Nghiêm Văn Chiến	1971	4 -1975
33	Nguyễn Thanh Tùng	1970	27 - 4 -1975
34	Đặng Văn Lợi	1971	11 - 9 -1978
35	Đinh Tiến Vy	1970	25 - 2 -1995

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Tên làng xã Việt Nam thế kỷ XIX của Viện Viễn đông Bắc Cổ

2 - Đồng khánh dư địa chí của Viện hán nôm

3 - Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I, II

4- Lịch sử Đảng bộ huyện Định Hóa

5 - Lịch sử Quân sự huyện Định Hóa

6 - Lịch sử Công an Huyện Định Hóa

7 - Lịch sử Đảng bộ xã Bảo Cường

8 - Lịch sử Đảng bộ xã Trung Hội

9 - Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hồ Chí Minh với việc xây dựng ATK Định Hóa

10- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV- XVIII

11- Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Định Hóa lần XV - XXII - XXIII

12 - Văn kiện Đại hội Đảng bộ xã Trung Lương các khóa

13- Báo cáo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã

14 - Tư liệu lưu trữ tại kho Văn phòng Huyện ủy

15 - Lịch sử Biên niên huyện Định Hóa (1438 - 2010)

16 - Ghi chép của các đồng chí cán bộ xã qua các thời kỳ và cung cấp tư liệu của các nhân chứng

17- Biên bản họp Ban Chấp hành Đảng bộ xã các năm

18- Biên bản các cuộc họp của Ủy ban nhân dân xã

19 - Báo cáo kết quả thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trong thời kỳ đổi mới từ năm 2000 đến 1010

20 - Báo cáo Hội phụ nữ các năm

21- Báo cáo của Hội Nông dân các năm

22 - Một số tư liệu của các trường.

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU 3

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I

XÃ TRUNG LƯƠNG -VÙNG ĐẤT- CON NGƯỜI THUYỀN THỐNG 6

NHÂN DÂN XÃ TRUNG LƯƠNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ PHONG KIẾN TAY SAI 1889 - 1945 18

I - Trung Lương dưới ách thống trị của thực dân phong kiến 1889- 1930. 18

II - Trung Lương trong cuộc vận động cách mạng cách mạng 1930 - 1945 21

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG CỦNG CỐ VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1945 - 1954. 43

I - Củng cố bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân. 43

II - Thành lập tổ Đảng thôn Trung Khảm lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946 - 1954. 48

CHƯƠNG III

CHI BỘ TRUNG LƯƠNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN QUÊ HƯƠNG VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1955 - 1975). 73

I - Khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội giai đoạn (1955 - 1965). 73

II- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho chiến trường đánh Mỹ (1965 - 1975). 100

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG 5/1975 - 1985. 127

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ TRUNG LƯƠNG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI QUÊ HƯƠNG 1986 - 2010. 157

I - Đảng bộ Trung Lương trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới (1986 - 2000). 157

II - Đảng bộ Trung Lương lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2000 - 2010). 197

KẾT LUẬN 253

PHẦN PHỤ LỤC

- Danh sách đảng viên đầu tiên 258
- Danh sách lão thành cách mạng 258
- Danh sách cán bộ tiền khởi nghĩa 258
- Danh sách gia đình có công với nước 259
- Danh sách mẹ Việt Nam anh hùng 259
- Danh sách BCH các khóa 1954 - 2010 260
- Danh sách liệt sĩ. 271
- Tài liệu tham khảo 274

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ TRUNG LƯƠNG
(1946 - 2010)

SỬA BẢN IN

Lý Thị Sắn
Lê Nhâm

In 300 cuốn, khổ 14.5cm x 20.5cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 588/GP-STTTT ngày 8/9/2014 của Sở Thông tin - Truyền thông Thái Nguyên. In xong nộp lưu chiểu quý IV năm 2014.